

Một Cõi Đi Về

Tạp Bút

Lời Đầu Sách

Chủ đề Một Cõi Đi Về tập 4 này, chúng tôi có thay đổi phần hình thức. Trong tập này, chỉ có phần văn xuôi, không có phần văn thơ như 3 tập trước. Vì phần văn thơ, chúng tôi cho in riêng trong Hướng Dương Thi Tập quyển 3. Phần văn xuôi này gồm có những chủ đề khác nhau. Những chủ đề này, chúng tôi đã lần lượt cho in trong tờ Đặc San Phước Huệ qua mỗi kỳ báo. Tờ báo mỗi năm phát hành ba kỳ vào những dịp đại lễ như: Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán. Do đó nên những bài viết có những tiêu đề đôi khi trùng hợp và nội dung có chút ít phần giống nhau. Tuy nhiên, mỗi bài đều có những sắc thái hương vị riêng của nó. Ngoài ra, có những bài viết với những tiêu đề khác không nằm trong phạm vi của những ngày đại lễ đặc biệt. Nay chúng tôi gom góp tất cả những bài viết đó lại để in chung thành một quyển sách tập 4 này. Do có nhiều chủ đề khác nhau nên chúng tôi vẫn để nguyên hai chữ Tạp Bút. Cũng như những quyển sách trước, sách này được hình thành ra mắt quý độc giả là nhờ sự ủng hộ đóng góp tịnh tài của những vị thí chủ phát tâm cúng dường in ấn. Chúng tôi xin chân thành tri ân và tán dương công đức của quý vị qua việc cúng dường pháp thí này. Đồng thời, chúng tôi cũng xin thành kính tri ân:

- Đại Đức Thích Phước Quảng đã tận tình giúp cho phần phát họa hình bìa.
- Thượng tọa Thích Phước Viên giúp cho phần trình bày và in ấn.
- Sư Cô Phước An và Phật tử Lê Phương đã giúp sửa bản in.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng biết ân sâu xa của chúng tôi. Và chúng tôi cũng không quên nguyện cầu Phật lực gia hộ cho chư Tôn Đức và quý Đàn na thí chủ thân tâm thường an lạc, vạn sự kiết tường như ý.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Pháp Lạc Thất
Mùa Phật Đản
Dương lịch 2021 - Phật lịch 2565

Trân Kính

Thích Phước Thái

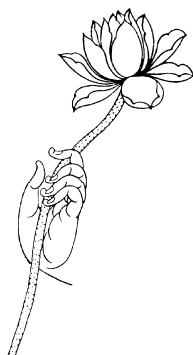
PHƯƠNG DANH ÁN TỔNG

- Cục Lạc Liên Hữu Quang Minh Đạo Tràng
- Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có người thấy nghe
Đều phát lòng Bồ Đề
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cục Lạc
Nam mô A Di Đà Phật

khỏi mây ám. Đó là vùng trăng trí tuệ đã ra khỏi mây ám vô minh. Xin các bạn hãy cương quyết làm vùng trăng sáng. "*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*". Chỉ cần buông dao xuống, thì thành Phật ngay tức khắc. Chỉ cần hồi đầu thì bờ giác không xa. Đó là ý nghĩa giác mê thì mê diệt. Mê là chúng sanh, giác là Phật vậy.



Mục lục

Lời Đầu Sách	1
Im Lặng Hùng Tráng	4
Nỗi Đau Thâm Lặng	12
Gieo gió gặt bão	19
Vu Lan Suy Niệm	27
Xuân Di Lạc	33
Quán Niệm Tự Thân	41
Xuân Qua Thiên Thi Kê	50
Quyền Lực Và Hạnh Phúc	60
Vấn Đề Học Phật	67
Vu Lan Tùy Bút	73
Chung Quanh Ngày Lễ Hội Vu Lan Báo Hiếu	81
Hương Xuân	87
Vấn Đề Đi Chùa	94
Xuân Hoan Hỷ	106
Cảm Nghĩ Về Ngày Phật Đản	112
Tâm Sự Của Covid-19	119
Ngàn Tay, Ngàn Mắt	128
Nền Tảng Hiếu Đạo	136
Con Trâu Trong Nhà Thiên	142
Ngôi Chùa Trong Tâm Thức Người Việt	153
Tàm và Quý	160
Nghĩa Thú An Cư	165
Vấn Đề Vi Khuẩn (Virus)	174
Hồi Đầu Thị Ngạn	181

Im Lặng Hùng Tráng

Trong các khóa tu dù ngắn hay dài hạn, chúng ta cần nên giữ sự yên lặng. Chúng ta cần phải thực tập cho kỳ được sự im lặng. Bởi "Im lặng" là một phương pháp tạo cho ta có thêm nguồn nội lực phong phú hùng tráng. Đó là một sức mạnh trọng đại của tâm linh. Im lặng không có nghĩa là chúng ta không được quyền nói. Ta được phép nói, nhưng chỉ nói trong giới hạn khi cần thiết. Và chỉ nói trong phạm vi ái ngữ, yêu thương và hòa kính. Không nên nói những lời có ác ý công kích chỉ trích phê bình, gây bất hòa tổn hại cho nhau. Nói trong sự ôn hòa nhỏ nhẹ từ ái. Đó là cách nói của người tu. Càng ít nói chừng nào thì càng tốt chừng nấy. Vì nói nhiều chỉ làm cho ta tiêu hao nhiều nội lực và rắc rối thêm mà thôi. Người nói nhiều tâm của họ luôn luôn xáo trộn loạn động bất an. Trước khi nói là phải suy nghĩ, mà suy nghĩ là đã loạn động rồi. Cho nên người biết tu, họ rất khôn khéo bảo tồn khí lực. Khi cần nói, đáng nói, thì mới nói. Nhưng họ nói trong ý thức và vừa đủ nghe. Xưa kia, lúc còn sinh tiền ở Tổ Đình Ấn Quang, cố Hòa thượng Giám đốc thượng Thiện hạ Hòa, mỗi lần có việc ngài sai bảo tăng ni hoặc nói chuyện với người khác, ngay cả anh đạp xích lô, ngài nói rất ít và chỉ nói cho đối tượng vừa đủ nghe. Người ta chưa bao giờ nghe ngài nói với ai lớn tiếng bao giờ. Ngài luôn giữ trầm lặng và khiêm tốn với mọi người. Đó là đức tánh ít có mà

như anh chàng thanh niên Vô Nã kia, thì xin mỗi người hãy tự quán chiếu xét lại. Xưa kia, chàng thanh niên Vô Nã, chỉ vì cuồng tín, mất sáng suốt, bị bánh vẽ Thiên đường hấp dẫn, tạo cho anh ta có những tri giác sai lầm, gây ra nhiều tội ác, nhưng cuối cùng, anh ta đã được một bậc Thầy cao đức chuyển hóa và trở thành một con người lương thiện đạo đức.

Anh ta đã mạnh dạn ném khí giới, đứng lên hiên ngang hùng tráng làm lại cuộc đời. Anh ta hoàn toàn đổi mới con người. Tên sát nhân Ương quật ma la ngày xưa đã chết, để rồi chuyển hóa thành một thầy sa môn hiền từ đức hạnh gương mẫu thật dễ kính mến. Thậm chí vua Ba tư nặc cũng phải bái kính và trọng vọng cúng dường.

Quả thật, Vô Nã là một con người từ trong bóng tối si mê mà bước ra ánh sáng trí tuệ đầy tình yêu thương. Tình yêu thương nhơn loại đã tràn ngập trong lòng anh ta. Anh ta đã trở thành một con người sống có lý tưởng, luôn luôn mang tình yêu thương đến cho mọi người. Ngày xưa, anh đi đến đâu, người ta run sợ khiếp đảm oán ghét đến đó. Bây giờ thì đã khác xa rồi.

Chính vì thế, mà Phật dạy: *"Người nào trước làm ác sau lại làm lành, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây ám"*. Mong sao, những ai đã vì một phút sai lầm nên dẫn thân vào con đường tội ác như anh chàng thanh niên Vô Nã kia, thì xin hãy nghe theo lời Phật dạy, mà quyết tâm mạnh dạn đứng lên đổi mới làm lại cuộc đời, để chiếu sáng thế gian như vầng trăng ra

duyên phúc tốt, thì sẽ gặp môi trường hoàn cảnh tốt và hạt giống lành sẽ phát triển nhanh hơn.

Ngược lại, thì hạt giống ác sẽ phát triển mạnh. Bởi thế, nên xã hội loài người mới đặt định ra vấn đề giáo dục cải hóa con người. Bản tánh cố hữu của con người vốn không bạo động. Vì bạo động, đó là cá tánh của loài cầm thú. Nuôi dưỡng đức tánh bất bạo động và làm cho nó tăng trưởng, đó là con người có ý chí hướng thượng cao đẹp. Thánh Gandhi là cha đẻ của chủ thuyết "Bất bạo động". Chỉ có bất bạo động mới đưa con người đến lại gần nhau. Và từ đó mới dễ thiết lập cảm thông hiểu và thương nhau hơn để có cơ hội sống chung hòa bình.

Rất tiếc, thế giới ngày nay, người ta còn quá hăng say bạo động. Càng ngày, người ta càng đánh mất đi yếu tính nhân bản. Đạo làm người mất đi, thì giá trị nhân phẩm không còn. Có khôi phục lại đạo đức nhân bản, thì xã hội mới bớt loạn lạc khổ đau. Nền văn hóa nhơn loại đang bị lung lay đến tận gốc rễ. Các nhà làm văn hóa, cần phải cắm sâu gốc rễ đạo đức nhân bản. Nếu không, thì nếp sống văn hóa của con người sẽ bị mất gốc thâm. Và như thế, thì nhơn loại càng hứng chịu những bạo động khủng bố, bắn giết, và những tệ nạn thảm họa đau thương khác xảy ra khốc liệt. Đó là một sự thật không ai có thể phủ nhận. Thú tánh trong con người càng bộc phát mạnh mẽ, thì nhơn tính càng bị suy yếu dần. Từ đó, nảy sanh ra không biết bao nhiêu điều họa hại cho xã hội.

Thiết nghĩ, những ai đã và đang đi vào con đường tội ác

ai cũng tôn kính ngài. Nêu ra tấm gương như thế, để chúng ta bắt chước noi theo.

Trở lại vấn đề dự tu, khi đến dự tu ta cần phải gắng công thực tập. Thực tập cho ta có được từng bước đi và hơi thở chánh niệm. Hiện chúng ta đang sống trong một thế giới ồn ào náo loạn phức tạp. Những tiếng động ồn ào dường như lúc nào cũng xảy ra bên tai ta. Chúng phát ra từ những cái máy như: tủ lạnh, lò sưởi, quạt máy, ti vi, điện thoại, radio v.v... đến những tiếng động phát ra từ tiếng nói của con người và những tiếng động bên ngoài. Như vậy, suốt ngày lẫn đêm, không lúc nào chúng ta không tiếp xúc với những tiếng động ồn ào náo nhiệt ở bên ngoài. Đến như những tiếng động ồn ào trong tâm thức ta, đó là những suy nghĩ loạn tưởng tạp niệm của ta. Trong chúng ta ai cũng có cái đài phát thanh NST (non stop thinking). Đài phát thanh này phát thanh ra rã suốt cả ngày đêm, nó chưa bao giờ ngưng lại. Chính cái đài phát thanh này, nó làm cho người ta phải điên đầu nhức óc. Có người để nó phát thanh nhiều quá đến đôi căng thẳng thần kinh chịu không nổi nên phải mang chứng bệnh tâm thần. Bởi tâm loạn thì bảo sao thế giới không loạn. Cho nên người tu là người phải khéo biết điều chỉnh âm thanh của cái đài phát thanh này. Phương pháp điều chỉnh hay nhất là mỗi người chúng ta cần phải thực tập theo dõi hơi thở chánh niệm. Có thể nói chánh niệm là cột trụ là trái tim của khóa tu và cũng là xương sống của định và tuệ. Không có niệm thì làm sao có được định tuệ? Cho nên bước đầu tập tu, ta cần phải thực tập chánh niệm. Người tu phải ăn trong chánh niệm, nói trong chánh niệm, làm trong chánh niệm... Nói chung, là mọi sinh hoạt ta đều

phải gìn giữ chánh niệm. Chánh niệm giúp cho chúng ta rất nhiều lợi lạc trong đời sống. Ngược lại với chánh niệm là thất niệm. Người thất niệm là người có quá nhiều suy nghĩ tạp loạn. Càng suy nghĩ họ càng đau khổ. Nói thể không có nghĩa là ta bật dứt mọi suy nghĩ. Ta được quyền suy nghĩ, nhưng suy nghĩ của ta phải có mặt trời ý thức soi sáng. Khi nghĩ, ta biết là ta đang nghĩ gì. Nghĩ có lợi cho ta và người, thì đó là ý nghĩ tốt, là chánh tư duy mà ta cần nên duy trì và bảo dưỡng. Còn nghĩ mà chỉ mang lại sự thiệt hại cho ta và người, thì ý nghĩ đó là tà tư duy mà ta cần phải chuyển hóa loại trừ.

Từ ý nghĩ có ý thức soi sáng dẫn đến lời nói và hành động cũng đều như thế. Thế là ta đang sống trong sự bảo hộ che chở của chánh niệm. Chánh niệm là vị thần bảo hộ cho ta. Chánh niệm là ta chỉ biết những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Ta không nghĩ về quá khứ hay tương lai. Vì đó là hai ngục tù giam hãm ta không lối thoát. Ta cần phải mạnh dạn dứt khoát thoát ra hai ngục tù này. Chánh niệm là ta tiếp xúc với sự sống bằng sự có mặt đích thực của ta. Đó là giây phút thật là màu nhiệm trong đời sống hiện thực. Bạn thử thực tập đi rồi bạn sẽ biết. Đây không phải là lời nói suông. Như tôi đang viết trao đổi chia sẻ với bạn những dòng chữ này là tôi cũng đang tiếp xúc với sự có mặt của bạn và của tôi. Hai chúng ta đều có mặt với nhau xảy ra cùng một lúc trong dòng sống. Dòng sống không thể ngăn cách chúng ta. Còn ngăn cách là còn chia rẽ và tạo nên sự kỳ thị hận thù. Con đường "**Niệm, Định, Tuệ**" là con đường vượt thoát mọi thứ tranh chấp nhị nguyên. Chính nó mang lại cho ta có nhiều ý nghĩa thiết thực trong

muôn được sanh Thiên. Tuy rằng, cả hai đều là những kẻ bạo ác, nhưng mỗi người đều có một mục đích khác nhau. Đối với vua Tần Thủy Hoàng, cho đến khi chết, ông vẫn đeo đuổi cái mộng ước mưu bá đồ vương, có được cái quyền uy tột đỉnh, ngồi trên thiên hạ. Ông không một chút hối hận, hoán cải những tội ác mà ông đã gây ra.

Ngược lại, anh chàng Vô Nãi này, tuy cũng rất độc ác, nhưng còn chút duyên lành gặp được Phật. Nhờ Phật giáo hóa mà ông ta cải ác tùng thiện, cải tà quy chánh. Ông quyết lòng cải hối theo Phật xuất gia và nỗ lực tu hành, không bao lâu đắc thành đạo quả.

Thế mới biết, con người dù cho có độc ác đến đâu, cũng có phút giây ăn năn hối cải. Nếu người đó gặp được một bậc thầy cao đức hướng dẫn chỉ giáo, thì chắc chắn họ sẽ hồi đầu tỉnh giác. Rất tiếc, Tần Thủy Hoàng không có được cái duyên phúc này. Ông không có được một Đại thiện hữu tri thức chuyển hóa. Do đó, nên ông đau khổ suốt cả cuộc đời cho đến khi nhắm mắt. Thật là đáng thương xót!

Tại sao chàng Vô Nãi lại hồi tâm chuyển ý nhanh chóng? Thứ nhất, vì ông gặp Phật, một bậc Thầy toàn giác, đạo cao đức trọng. Thứ hai, là chính ông đã có sẵn hạt giống lành. Hạt giống này, vì thiếu duyên nên nó chưa có cơ hội phát hiện. Duy Thức học cho chúng ta biết, trong mỗi con người chúng ta, ai ai cũng đều sẵn có hai loại hạt giống: thiện và ác. Hai loại hạt giống này, tùy theo môi trường, hoàn cảnh mà chúng hiện hành có sai khác. Nếu người có

tất cả những thứ trước câu phiền não tham, sân, si... Ta có lòng từ bi đối với mọi người. Còn người, sao người không chịu thôi bỏ cái tâm ác độc giết hại người! Ta khuyên người nên từ bỏ cái tâm ác độc và hành động giết hại người đó đi".

Nghe Phật dạy thế, chàng ta liền ném khí giới xuống đất và xin quy y xuất gia theo Phật. Đức Phật thân nhận chàng ta vào trong Tăng đoàn và trở thành một bậc Sa môn gương mẫu. Sau khi xuất gia, ông ta nỗ lực tu hành, không bao lâu chứng quả A la hán.

Nêu ra mẫu chuyện ngắn này để chúng ta thấy rằng, thời Phật, cách chúng ta hơn hai mươi lăm thế kỷ, nhưng vẫn có những con người quá độc ác. Họ giết người như trò chơi. Coi mạng sống con người còn tệ hơn bèo. Họ muốn giết ai thì giết. Không cần biết người đó là ai. Thấy người thì cứ giết. Độc ác như anh chàng Vô Não trong câu chuyện nêu trên, có lẽ, trong xã hội loài người không còn ai độc ác hơn.

Người ta từng lên án các bạo chúa, trong thời đại quân chủ, như xưa kia, vua Tần Thủy Hoàng, đốt sách chôn học trò và giết chết biết bao nhiêu người vô tội một cách tàn nhẫn. Nhưng sự ác độc đó, mục đích là vì ông muốn bảo vệ cái ngai vàng, quyền uy để thống lãnh cai trị thiên hạ.

Ngược lại, anh chàng Vô Não này, giết người chỉ vì nghe theo lời ngoại đạo tà giáo khuyến dụ để được sanh Thiên đường. Thật là oái oăm ngược đời, kẻ chuyên làm ác mà

đòi sống. Sống thiếu những yếu tố này là cuộc sống vô ý nghĩa và ta đang rơi vào vực thẳm hố sâu khổ đau không lối thoát. Sự im lặng là nguồn động lực giúp ta phục hồi lại năng lực. Nguồn năng lực mà lâu nay ta luôn bị chi phối mất mát bởi ngoại cảnh. Ta luôn bị lệ thuộc và làm tay sai cho vô minh vọng tưởng sai khiến. Ta luôn đánh mất ta trong mọi trường hợp. Ta không còn tự chủ để lấy lại chủ quyền trước mọi đối tượng thuận nghịch. Thuận và nghịch cảnh đều là những đối tượng thử thách lớn cho chúng ta. Ta cần phải vượt qua những đối tượng thử thách khách quan này. Có thể nói, các khóa tu giúp cho ta phục hồi lại con người thật của mình bằng con đường "*Im Lặng Hùng Tráng*" trong chánh niệm. Con người thật là con "Người bất tử" vượt ngoài đối đãi hai đầu. Sống được với con Người thật này thì ta mới thực sự hoàn toàn giác ngộ và giải thoát.

Tôi mong rằng, bạn và tôi khi dự vào khóa tu, chúng ta hãy cố gắng dẹp trừ những thứ tập khí xấu. Mà trước tiên là tập khí nói nhiều. Bạn thử nghĩ, nếu tất cả ai cũng nói nhiều và to tiếng, thì sự ồn ào đó nó sẽ trở thành cái gì? Chắc bạn sẽ nói nó là cái "CHỢ" tu. Thế là trong ồn, ngoài ồn, thì còn gì là ý nghĩa của khóa tu. Đến dự tu, nếu không khéo cẩn thận, coi chừng chúng ta sẽ trở thành những người phá hoại khóa tu. Vì chúng ta đã làm mất hết ý nghĩa thực chất của nó. Bởi tu là con đường thực tập trong sáng. Khóa tu là môi trường tốt để chúng ta mỗi người tự nỗ lực thực tập. Khi có mặt chúng ta trong khóa tu, đủ nói lên ta là người đang tiến bước trên con đường giác ngộ. Đó là con đường rộng lớn thênh thang mà chư

Phật, Tổ đã đi qua. Tuy rộng lớn thênh thang nhưng cũng không phải dễ dàng sấn bước. Đi trên con đường này nó đòi hỏi chúng ta phải bền chí kiên quyết và giữ vững lập trường kiên định vững chắc. Muốn thế, thì ta phải tập buông bỏ mọi thứ. Sự đau khổ của chúng ta là do chúng ta quá cố chấp. Những lời Phật dạy đều có công năng phá trừ tất cả mọi vọng chấp. Những vọng chấp tuy nhiều, nhưng không ngoài hai lối chấp lớn đó là: "chấp ngã và chấp pháp", mà trong Kinh Kim Cang Bát Nhã triển khai thành 4 lối chấp: "Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ giả".

Bạn thử nghĩ lại xem, xưa kia, đức Phật trước khi thành đạo có phải Ngài hằng sống trong im lặng tĩnh thức không? Suốt 49 ngày, Ngài ngồi dưới cội Bồ đề tư duy quán sát lặng lẽ một mình, đó có phải là Ngài "Im Lặng trong hùng tráng" không? Tu là trở về sự "Tĩnh Lặng". Nếu tu mà còn nhập cuộc vào sự ồn ào náo động thì làm sao thấy được lẽ đạo? Lẽ đạo, tức thực thể bất sanh, bất diệt, nó vượt ngoài cái ồn và lặng. Ôn và lặng, cả hai cũng nằm trong đối đãi nhị nguyên. Tuy nhiên, nếu chúng ta chưa được như thế, thì tốt nhất, chúng ta cần nên dẹp trừ hai cái ồn: "*Nội ồn và ngoại ồn*". Nội ồn là trong tâm luôn xáo trộn toan tính suy nghĩ rối loạn bất an. Không còn nội ồn là tâm ta trở lại yên tĩnh, mà yên tĩnh đó chính là Định. Hễ có Định tất nhiên là có Huệ. Nói theo Kinh Pháp Bảo Đàn Lục Tổ dạy: Định và Huệ đồng thời. Mà định là mục đích của người tu nhắm tới. Định là tên khác của Nhứt tâm bất loạn. Khi trong tâm vắng lặng, thì bên ngoài cũng vắng lặng theo. Bởi cảnh tùy tâm. Tâm yên thì cảnh yên. Tâm động thì cảnh động. Chính vì thế, nên Kinh Duy Ma

Hồi Đầu Thị Ngạn

Angulimàla (Ương quật ma la), còn có cái tên mà người ta thường gọi là Vô Nảo. Vô nảo là một thanh niên rất độc ác. Anh ta giết người không biết góm tay. Anh ta đi đến đâu, người ta đều hoảng hốt lo sợ đến đây. Anh ta giết nhiều người, cứ giết xong là anh ta chặt một ngón tay để làm chuỗi đeo cổ. Mọi người nghe đến tên anh, ai nấy đều sợ kinh hồn khiếp đảm.

Vào một buổi sáng, đức Phật mang bát đi vào thành Xá Vệ khát thực. Thọ trai xong, đức Phật đi về phía mà anh chàng Vô Nảo đang ẩn núp ở đó. Mọi người đi đường đều ngăn cản không cho đức Phật đi. Nhưng đức Phật vẫn không quan tâm đến sự khuyên can của họ. Đức Phật vẫn lặng lẽ bước đi. Thấy thế mọi người đều lo sợ cho đức Phật.

Từ xa, Vô Nảo nhìn thấy đức Phật, chàng ta rất đổi vui mừng, vì hôm nay, chàng ta chưa giết một người nào. Chàng nghĩ thầm: lạ thay! mọi người không ai dám đi, chỉ có Sa môn Cù đàm dám đi một mình. Nghĩ xong, anh ta mang gươm chạy đuổi theo đức Phật và quyết lòng phải giết đức Phật cho kỳ được. Phật đi trước, anh ta đuổi rượt theo sau, nhưng vẫn không theo kịp đức Phật. Tức quá, anh ta vội hét lớn tiếng! Này Sa môn Cù đàm hãy dừng chân lại. Phật bảo: "*Ta đã dừng lại từ lâu rồi. Chỉ có ngươi chưa dừng lại đó thôi!*" Phật nói tiếp: "*Ta đã dừng*

tham sân nổi lên mà ta có trí tuệ sáng suốt ngăn chặn lại, thì lũ phiền não kiết sử đó làm gì ta được. Nói một cách nghiêm khắc hơn, hễ có trí tuệ, thì bóng tối vô minh phiền não không còn. Như vậy, trí tuệ đóng một vai trò tối ưu quan trọng trong đời sống hành xử của chúng ta.

Tóm lại, loại Virus Corona Covid - 19 hay SARS CoV-2 dù nó có độc hại đến đâu, thì người ta vẫn có thể tìm mọi cách để ngăn ngừa khắc phục nó được. Có thể một ngày nào đó chúng ta sẽ không còn thấy nó tồn tại trên cõi đời này. Mà dù cho nó có còn đi chằng nữa, thì người ta cũng không còn sợ hãi, vì người ta đã có biện pháp ngăn ngừa và cũng có thể chấp nhận sống chung với nó. Còn loại Virus "*Tham, Sân, Si*", thì người ta dùng thuốc gì để chữa trị nó đây. Mặc dù thuốc thì cũng có, nhưng thử hỏi có mấy ai biết dùng để chữa trị?! Chẳng những thế, mà người ta còn xem thường và dường như ít có ai quan tâm để ý đến. Mặc dù nó rất là độc hại như đã trình bày đại khái ở trên. Phải nói thẳng thắn rằng, loại vi khuẩn này, hễ còn có con người là còn có nó. Nói cách khác, con người ở đâu thì nó sẽ có mặt ở đó. Ngoại trừ, khi nào con người tiêu diệt tận gốc rễ của nó. Như chư Phật và các vị Đại Bồ tát thì mới có thể tiêu trừ nó hết mà thôi. Ngoài ra, tất cả chúng ta đều bị nó hoành hành không chế sai sử, gây nên đại loạn họa hại cho cả thế gian này. Ngày nào loại vi khuẩn này còn tồn tại, thì ngày đó cả nhân loại vẫn còn chịu nhiều đau khổ. Mong sao mọi người nên ý thức sáng suốt để cùng nhau tiêu diệt loại vi khuẩn độc hại này, cũng như tiêu diệt loại vi khuẩn Covid-19 hay SARS CoV-2 vậy.

Cật nói: "*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh, dục tịnh Phật độ, tiên tịnh kỳ tâm*". Câu này có nghĩa là, khi tâm mình tịnh, thì cõi Phật tịnh, mà muốn cõi Phật tịnh, thì trước tiên là tâm mình phải tịnh. Khi tâm bạn có an lạc, thì hạnh phúc sẽ có mặt dưới gót chân bạn. Bạn không cần phải tốn công nhọc sức tìm kiếm ở đâu xa. Người ta hay có khuynh hướng là mong mỏi tìm cầu hạnh phúc ở bên ngoài. Bên ngoài làm gì có hạnh phúc? Người ta nói, khoa học kỹ thuật dù có tiến bộ đến đâu, cũng không thể làm cho con người chấm dứt mọi sự lo âu buồn khổ, tuyệt vọng và sợ hãi. Như thế thì khoa học cũng không thể mang lại hạnh phúc thực sự cho con người. Tốt nhất là bạn hãy quay lại tìm hạnh phúc ngay trong tâm bạn. Bạn chỉ cần hít thở vài hơi trong chánh niệm, lập tức bạn sẽ có hạnh phúc ngay. Vì lúc đó mọi sự lo âu toan tính, ganh ghét, hận thù, sợ hãi, tuyệt vọng ...của bạn không còn có mặt với bạn. Thế là bạn đã tận hưởng hạnh phúc tuyệt vời rồi. Hạnh phúc mà bạn không cần phải tốn một đồng xu nào.

Khi tâm yên lặng thì trong, ngoài đều an định cả. Các hành giả giữ được như thế, thì sẽ đem lại lợi ích cho mình và cho khóa tu rất lớn. Có thể, thì việc khai giảng mỗi khóa tu mới thực sự có ý nghĩa thiết thực. Và người thực sự có tâm tu, người ta mới thích ham tu. Chớ tu mà chỉ nghĩ đến gặp nhau để trò chuyện mua vui không thôi, vô tình chúng ta chẳng những không có lợi ích, mà người chung quanh ta cũng chẳng có được lợi lạc gì. Người thật tu là phải giữ trong ngoài đều yên tịnh cả. Có thể, thì bản thân ta không phí phạm thời gian trong khi dự tu, mà còn giúp thức nhắc cho người khác luôn ý thức như ta. Đó là

phước đức và công đức rất lớn. Trái lại, đến dự tu mà ta không ý thức lại còn gây thêm tội lỗi cho ta và người, thì thật là uổng phí công lao của ta quá! Và chúng ta cũng đã phụ lòng tốt công lao của những người đứng ra tổ chức và hướng dẫn chúng ta tu học.

Bài viết này, như là một tâm tình, cốt yếu là để góp chút thành ý xây dựng hơn là chỉ trích phê bình. Người viết chỉ thật lòng mong được trao đổi chia sẻ với các bạn đồng tu. Người viết không có ý chỉ trích hay phê bình ai cả. Chúng tôi vẫn biết rằng, nói lên điều này chỉ có lợi đối với những người thật tâm cầu đạo tha thiết tu hành, còn đối với những ai chưa thật sự hướng đời mình trong sự tu tập, thì có thể không mấy hài lòng. Dù vậy, ở đây, chúng tôi chỉ có một tấm lòng muốn trao đổi chia sẻ xây dựng với nhau trong khi tu tập, mà trước hết chúng tôi cũng tự thức nhắc lấy mình. Nếu có được sự đồng cảm của các bạn đồng tình nào đó, thì quả đó là một vinh hạnh lớn lao cho chúng tôi. Còn nếu không thì chúng tôi cũng xin được tạ lỗi, vì lời thật bao giờ cũng dễ mịch lòng. Thời của Tổ Quy Sơn cách nay hơn ngàn năm mà Ngài còn than: "Trung ngôn nghịch nhĩ". Nghĩa là lời ngay bao giờ cũng trái với cái lỗ tai của người nghe.

Sở dĩ chúng tôi nói lên điều này, vì qua những kinh nghiệm trong nhiều khóa tu mà chư Tôn đức Tăng, Ni mở ra, chúng tôi xét thấy còn có nhiều sơ suất khuyết điểm ngay bản thân mình và những người bạn đồng tu khác. Nhất là không giữ đúng những quy luật mà khóa tu đã đề ra. Và những điều gì mà những vị có trách nhiệm hướng

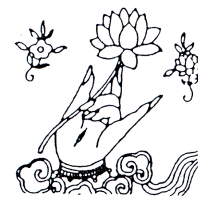
Hằng ngày lửa sân hận luôn âm ỉ đốt cháy tâm can mà người ta không hề hay biết. Vì một cơn nóng giận nổi lên mà người ta không kèm chế khắc phục được, thì nó sẽ gây ra một đại thảm họa. Chỉ cần một đóm lửa nhỏ cũng có thể đốt cháy cả một khu rừng công đức. Một niệm sân nhỏ nổi lên cũng có thể gây ra một hậu quả khó lường. Thực trạng của xã hội hiện nay đủ chứng minh cho chúng ta thấy rất rõ điều đó. Họ thanh toán thủ tiêu chém giết sát hại... lẫn nhau hằng ngày. Tất cả đó là hiện tượng của lòng sân hận.

Đến Virus Si, con Virus này là gốc sanh ra hai con virus kia. Vì tham và sân là con đẻ của si mê. Nếu người có trí tuệ sáng suốt thì làm gì có tham, sân. Si mê là tên khác của vô minh, của mù quáng mờ ám. Nghiệp dụng của nó là che mờ tánh giác của ta. Nó làm cho ta không còn nhìn thấy được sự thật. Và cũng không còn phân biệt được lẽ chánh tà chân ngụy. Chính nó là động cơ thúc giục tham, sân gây ra không biết bao nhiêu điều tệ nạn tội lỗi xấu xa. Vì si mà gây ra thù hận tàn sát giết hại lẫn nhau. Vì si mà lửa sân bùng cháy và phá nát đốt cháy cả thế gian này. Nếu người có trí tuệ sáng suốt thấy cái tai hại của tham, sân, thì người ta cũng có thể kèm hãm được phần nào của cái cường độ mạnh bạo tham, sân. Vì si mê nên người ta mới sanh ra nhiều tham vọng muốn chiếm hữu tài sản của người khác. Vì si mê nên họ luôn tìm cách ăn tươi nuốt sống lẫn nhau. Con người càng si mê thì lại càng mờ ám ngu tối. Vì thế mà Tổ Sư có dạy: "*Bất úy tham sân khởi, duy khùng tự giác trì*". Nghĩa là không sợ tham và sân nổi lên, mà chỉ sợ mình giác ngộ chậm. Thật đúng thế, nếu

ham muốn cùng cực. Do lòng tham dục quá độ nên người ta đã gây ra không biết bao nhiêu điều tội ác. Sông biển dù sâu đến đâu nó cũng còn có đáy, còn cái túi tham của con người thì có đáy đâu mà dò tìm. Vì túi tham không đáy cho nên đựng hoài không đầy. Lắm kẻ lợi dụng quyền hành của mình mà tạo nên những hành vi tham nhũng xấu xa tồi tệ. Con Virus tham nhũng này biết đến bao giờ mới thật sự chấm dứt. Không ai có thể trừ khử nó được. Hậu quả của nó là lãnh án tù tội. Dù biết hậu quả như thế, nhưng vì lòng tham dục thúc đẩy nên họ bất chấp mọi hậu quả. "Miễn sao có lợi thì làm, chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm". Cũng vì tham vọng quá lớn nên họ muốn làm bá chủ hoàn cầu. Muốn cả thế giới phải phục tùng quỳ dưới chân họ. Từ đó mới sanh ra tội ác gây hấn chiến tranh và hằng ôm ấp nuôi mộng xâm chiếm nước người. Lòng tham của con người thường được thể hiện qua các lĩnh vực: tiền tài, sắc, đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Năm thứ này có tên là "Ngũ dục lạc". Nếu phải luận về lòng tham lam ham muốn của con người thì nói cùng kiếp cũng không thể hết. Không có bút mực nào mà có thể diễn tả hết được. Cụ thể là chúng ta cũng đã từng thấy nó luôn hiện tượng thô bạo mãnh liệt hằng ngày khắp nơi trên thế giới.

Nếu tham lam là con Virus độc hại, thì con Virus sân hận cũng không phải vừa gì. Con Virus này khi nó xuất hiện còn dữ tợn hung bạo hơn, khác nào như cuồng phong bão tố và lửa cháy. Vì không thỏa mãn lòng tham muốn, thì nổi sân tìm mọi cách thế để hãm hại phá hoại người khác. Đã có biết bao thảm họa tai hại do lòng sân hận gây nên.

dẫn nhắc nhở chỉ bảo thì chúng ta lại thờ ơ xao lãng không quan tâm thực hiện. Nhất là về những vấn đề oai nghi và giữ gìn chánh niệm. Đó là những việc trong khả năng mình có thể làm được, mà mình còn không giữ được thì nói chi đến những việc cao xa và khó khăn hơn. Điều mà quý thầy quan tâm nhắc nhở nhiều nhất là không nên nói chuyện lớn tiếng gây ồn ào làm mất đi sự thanh tịnh trong chốn thiền môn. Xét lại mình thấy thật xấu hổ, vì không giữ tròn lời dạy thức nhắc của quý thầy. Lần nào dự tu, thấy các bạn đồng tu ai cũng ham tu hiểu học, nhưng cái tập khí nói chuyện nhiều, (thế gian gọi là tạt gà hàm), quả thật đa số không bỏ được. Ngoài trừ những giờ hành lễ bái sám ra, còn lại những giờ khác, nhất là vừa bước ra khỏi chánh điện, thì chao ôi! khác nào như ong vỡ tổ. Mỗi người một tiếng làm cho không khí nơi chốn tôn nghiêm không còn trang nghiêm thanh tịnh nữa. Không lẽ quý thầy cứ theo nhắc nhở mình hoài, khi đến phát nguyện dự tu thì mình cần phải ý thức. Mỗi tu sinh dự tu có ý thức tôn trọng cao, thì lo gì khóa tu không mang lại nhiều lợi lạc kết quả tốt đẹp. Mong sao mỗi khóa tu mỗi người chúng ta nên tự ý thức và có tiến bộ hơn trong việc thức liễm thân tâm và trau dồi giới hạnh. Có thể, thì sự tu học của chúng ta mới thực sự tiến bộ và mang lại niềm an vui hạnh phúc lợi lạc lớn lao cho tất cả chúng ta.



Nỗi Đau Thâm Lặng

Quỳnh sanh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo khổ, túng thiếu. Ba mẹ của Quỳnh không mấy hạnh phúc. Hai người thường rầy rà cãi vã với nhau. Từ nhỏ, Quỳnh đã từng chứng kiến cảnh xảy ra xung đột bất hòa này. Mỗi lần chứng kiến như thế, Quỳnh cảm thấy rất đau buồn. Nhưng không biết than thở tâm sự cùng ai. Quỳnh cứ phải âm thầm chịu đựng. Tuy còn nhỏ tuổi nhưng Quỳnh cũng khôn ngoan. Quỳnh nghĩ, chuyện nhà của mình xấu tốt gì cũng không thể kể cho người ngoài biết. Nhất là chuyện không hay của ba mẹ mình. Người ngoài biết được chỉ càng thêm xấu hổ mà thôi. Tuy nhiên, Quỳnh có một người bạn thân duy nhất là Mai. Mai ở gần nhà và quen thân với Quỳnh từ nhỏ. Tuy Quỳnh ít có tâm sự với Mai, nhưng vì ở gần nhà của Quỳnh nên Mai biết rất rõ về gia cảnh của Quỳnh.

Đôi lúc Quỳnh thắc mắc và tự hỏi: không hiểu tại sao ba mẹ mình cứ rầy rà cãi vã với nhau hoài? Thậm chí có đôi khi hai người còn bạo hành đánh đập với nhau nữa. Không lẽ hai người không còn thương yêu nhau nữa sao? Và không sợ hàng xóm biết được người ta chê cười sao?! Rồi Quỳnh tự nghĩ, hay là vì gia cảnh nghèo túng khổ sở chẳng?! Bởi nghèo đói dễ làm cho người ta đâm ra nhiều bực dọc căng thẳng, quản trí, quạu quọ, cau có, gắt gỏng khó chịu. Nhưng chã lẽ ai nghèo cũng như thế hết sao! Đó là những ý nghĩ thắc mắc ngây thơ hồn nhiên đơn thuần

đến đời không phải dễ thấy nó, thế mà nó có một năng lực tác dụng phi thường và rất nguy hiểm. Đó là nói loại vi khuẩn bên ngoài. Còn một loại vi khuẩn độc hại hơn trong con người của chúng ta, nhưng ít có mấy ai lưu tâm biết đến. Sức tàn hại của nó cũng ghê gớm lắm. Nó có thể gây ra làm đảo lộn cả thế giới và giết chết hàng loạt sinh mạng, vậy mà có mấy ai tìm phương cứu chữa. Đó là những cuộc chiến tranh đẫm máu từ xưa tới nay. Vì loại vi khuẩn này nó ẩn tàng sâu kín trong mỗi cơ thể con người. Bình thường không ai thấy biết nó ở đâu. Vì nó là loại siêu vi khuẩn. Con Virus Covid - 19 tuy nó rất vi tế nhỏ nhiệm, biến thể phức tạp, nhưng người ta còn có thể dùng dụng cụ khoa học để quan sát thấy biết nó được. Còn loại vi khuẩn ngấm ngấm ẩn tàng bên trong này không ai thấy biết, ngoại trừ khi nó biến dạng hiện tượng thô bạo ra bên ngoài. Đó là loại Virus độc ác "**Tham, Sân, Si**". Nếu chúng ta bình tâm quán chiếu thật sâu về những hiện trạng của xã hội hiện nay trên toàn cầu, thì chúng ta sẽ thấy nơi nào cũng có mặt loại vi khuẩn độc hại này. Biết bao cuộc chiến tranh tàn sát, biết bao loại vũ khí tinh vi, biết bao tiếng kêu than trầm thống cầu cứu của con người, và còn biết bao nhiêu những nỗi thống khổ đau thương khác, thử hỏi tất cả do đâu? Chỉ có một câu trả lời dứt khoát đó là do lòng "Tham lam, Sân hận, Si mê" cao độ của con người gây nên.

Tham là loại Virus rất độc hại. Bản chất của nó ngấm ngấm bên trong. Nó là thứ có gốc rễ sâu dày. Khi có mặt con người là có mặt nó. Cho nên nó còn có tên gọi khác là "câu sanh chủng tử". Nghiệp dụng của nó là khao khát

không có bắt buộc mọi người phải chích. Điều này còn tùy thuộc vào sự ý thức của mỗi người. Tuy nhiên, đối với những ai mà họ thường xuyên tiếp xúc với những người khác như các bác sĩ, y tá, thầy cô giáo hoặc các nhà tu hành của các tôn giáo v.v... thì nên chích để tránh tình trạng bị lây nhiễm. Hiện nay, điều may mắn cho nước Úc, suốt thời gian hơn hai tháng qua và cho đến hôm nay 20/5/2021, thì chưa có một ca nhiễm nào đáng kể trong cộng đồng. Tương lai thì không ai biết được. Chỉ mong sao mọi việc đều được an ổn tốt đẹp. Đó là phước báo chung cho cả cộng đồng.

Trên đây, chúng tôi chỉ lướt sơ qua về vấn đề Virus Corona hay Covid -19, nó đã và đang gây thiệt hại cho toàn cả thế giới. Loại Virus này dù nó có độc hại đến đâu thì người ta vẫn có thể tìm đủ mọi phương cách để ngăn ngừa khắc phục. Bởi vì nó chỉ sống trong không khí ở bên ngoài, chứ nó không phải ở trong cơ thể của con người. Tuy nhiên, nó cũng dễ xâm nhập vào cơ thể con người lắm! Đó là sự lan lây gây nhiễm của nó. Để tránh sự lan lây này, người ta phải dùng đến khẩu trang hoặc không tiếp xúc gần nhau hay phải cách ly v.v... Do đó, mà người ta luôn cẩn thận đề cao cảnh giác phòng ngừa trong khi tiếp xúc với nhau. Nhất là tránh tụ tập chỗ hội họp đông người. Chính vì sự lan lây gây nhiễm ngày càng rộng rãi của nó, nên mùa Phật đản năm nay (2021) đặc biệt riêng ở Việt Nam nhà nước đã hạn chế số người tham dự tối đa. Được biết, ở mỗi cơ sở tự viện trong thành phố nơi mà đại dịch đang bùng phát, thì số người tập trung không quá 30 người. Nói thế để thấy rằng, con Virus này dù rất nhỏ, nhỏ

của tuổi trẻ. Bởi ý nghĩ của tuổi thơ rất đơn giản. Thấy sao nghĩ vậy. Tuy vậy, nhưng đó cũng là nỗi đau đớn luôn xoáy mạnh vào trong tâm trí của Quỳnh. Ngay từ buổi đầu đời, Quỳnh đã bị ám ảnh cảnh xung đột bất hòa này. Nàng đã chịu mang nó suốt cả cuộc đời. Khi lớn lên, nàng không bao giờ có thể quên được. Nhiều khi các bậc làm cha mẹ không quan tâm để ý đến khía cạnh tâm lý của trẻ con. Đó là một ảnh hưởng rất lớn không mấy tốt đẹp cho tuổi thơ ngây trong trắng đầu đời của Quỳnh.

Không hiểu sao mẹ của Quỳnh coi Quỳnh như con ghẻ. Quỳnh chỉ có hai chị em. Đứa em trai của Quỳnh nhỏ hơn Quỳnh hai tuổi. Năm nay Quỳnh vừa tròn 16 tuổi, em trai của Quỳnh tên là Tràng 14 tuổi. Mẹ của Quỳnh ghét Quỳnh bao nhiêu thì lại thương em trai của Quỳnh bấy nhiêu. Có lúc Quỳnh nghĩ, tại sao mẹ Quỳnh thương con không đồng như thế. Quỳnh tự xét, Quỳnh đâu có làm điều gì sai trái với cha mẹ đâu. Cha của Quỳnh thì rất yêu thương nuông chiều Quỳnh. Nhưng không may cho Quỳnh, cha của Quỳnh bị tai nạn giao thông qua đời lúc Quỳnh vừa mới tốt nghiệp trung học. Thế là Quỳnh phải nghỉ học để phụ lo công việc bán buôn cùng với mẹ. Mẹ của Quỳnh sinh sống bằng nghề bán bánh bò. Sáng nào Quỳnh cũng gánh bánh bò ra chợ để bán. Quỳnh có một chút nhan sắc nên các chàng trai trong làng thường hay lân la ngắm ghé chọc ghẹo. Ngày hai buổi sớm trưa, Quỳnh sống thui thủi lui cui làm việc trong nhà. Người ta ít thấy Quỳnh đi ra ngoài và đi chơi với chúng bạn. Thỉnh thoảng có một vài đứa bạn học cùng trường đến rủ Quỳnh đi chơi, nhưng mẹ Quỳnh cấm tuyệt không cho. Nhà

Quỳnh ở miền quê trong một thôn xóm hẻo lánh. Từ nhà ra chợ phải đi bộ, không thể chạy xe đạp hay xe gắn máy được. Vì bờ ruộng rất nhỏ chỉ dành cho người đi bộ mà thôi. Từ nhỏ đến lớn, Quỳnh sống với nếp sống đó thết rồi cũng quen. Vì sống trong cảnh quê mùa, nên tạo cho Quỳnh có một nếp sống rất hiền hòa, chơn chất dễ thương. Quỳnh là đứa con gái rất thùy mị nết na, cho nên người dân trong làng ai nấy cũng đều để ý khen thầm thương mến.

Đời sống bình lặng của Quỳnh cứ thế trôi qua. Đến năm Quỳnh được 18 tuổi, thì mẹ Quỳnh lại tái giá với một người đàn ông khác. Bây giờ em trai của Quỳnh sang nhà bà ngoại ở trọ đi học. Thế là chỉ có một mình Quỳnh ở nhà. Từ ngày mẹ Quỳnh có người đàn ông khác, thì Quỳnh lại càng bị mẹ la rầy chửi mắng đánh đập nhiều hơn, dù Quỳnh đã đến tuổi trưởng thành. Những lúc như thế, Quỳnh rất buồn và rất hổ thẹn với bạn bè. Quỳnh là người con rất có hiếu. Tuy bị mẹ la rầy chửi mắng đánh đập, nhưng Quỳnh chưa bao giờ một lần chống cự lại. Nếu còn cha thì có lẽ Quỳnh không đến nỗi bị mẹ bạc đãi hành hạ tàn nhẫn đến như thế. Có đôi lúc Quỳnh tự hỏi: tại sao mẹ mình không thương mình, phải chi mình có thái độ ngỗ nghịch ngang bướng bất hiếu với mẹ, thì mẹ hành xử như thế cũng không buồn trách, đằng này mình rất thương mẹ mà không hiểu sao mẹ lại đối xử với mình tàn nhẫn ác độc như thế?! Không biết có phải đây là oan gia nghiệp báo hay không? Quỳnh chỉ tự than thân nuốt tủi cho số phận nghiệt ngã hẩm hiu của mình, chớ không dám than van phiền trách cùng ai. Trước kia còn đỡ, nhưng kể

tạp và nó biến thể qua các dạng thức mới còn độc hại hơn. Người ta gọi tên nó là SARS- CoV-2. Nghe tới tên nó là người ta ai cũng khiếp đảm lạnh người. Loại virus biến thể này người ta nói nó là thứ "siêu lây nhiễm".

Theo dõi tin tức trong mấy ngày qua, ngoài Ấn Độ ra, còn có một số các quốc gia khác như Thái Lan, Lào, Campuchia, Malaysia, Singapore, Việt Nam v.v... số ca nhiễm gia tăng nhảy vọt. Diễn biến dịch bệnh lần này càng phức tạp và cuộc chiến chống dịch lại càng khó khăn hơn. Với tốc độ lan lây quá nhanh làm cho người ta thật khó bề kiểm soát. Dịch bệnh đã gây ra thiệt hại và tổn thất rất lớn lao về mọi mặt không sao kể xiết. Nhất là vấn đề nền kinh tế toàn cầu. Nếu như dịch bệnh ở Ấn Độ mà chính phủ không kèm chế khắc phục được thì, hậu quả sẽ vô cùng khốc hại không ai có thể đoán lường trước được. Tức nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế của các nước khác. Dịch bệnh hiện nay không ai lại không cho đó là một hiện tượng vô cùng tai hại. Nó luôn đe dọa đến mạng sống con người. Vì thế, nên các chuyên gia, các nhà khoa học luôn quan tâm nghiên cứu tìm đủ mọi phương cách để ngăn ngừa khắc phục. Trên thế giới có nhiều quốc gia đã và đang tìm ra các loại thuốc chích ngừa. Tuy nhiên, các loại thuốc này cũng không thể không bị lây nhiễm một trăm phần trăm. Hiện nay ở Úc có hai loại thuốc chủng ngừa đã được phổ biến rộng rãi để cho người dân Úc có thể chích đó là: Pfizer và AstraZeneca. Loại Pfizer là để chích cho hạng tuổi từ 18 đến 60. Còn AstraZeneca là để chích cho những người trọng tuổi từ 60 trở lên. Chính phủ chỉ khuyến khích người dân nên chích, chớ chính phủ

Vấn Đề Vi Khuẩn (Virus)

Chưa bao giờ có những tin tức nóng bỏng sôi động dồn dập cập nhật hằng ngày về các ca lây nhiễm và tử vong như hiện nay trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Số ca lây nhiễm và tử vong hiện nay nặng nhất phải nói là Ấn Độ. Ấn độ đã chiếm kỷ lục về sự lây nhiễm và tử vong. Dù ai có bèn lòng chặt dạ đến đâu, cũng không khỏi đau lòng xúc động khi nghe số người mắc ca nhiễm và tử vong gia tăng mỗi ngày. Dù vẫn biết đó là một cọng nghiệp của người dân Ấn. Tuy nhiên, trong cái cọng nghiệp đó, dĩ nhiên cũng có cái biệt nghiệp. Biệt nghiệp là nghiệp riêng của mỗi cá nhân. Nghĩa là không phải ai cũng bị lây nhiễm hết. Và cũng không phải hễ ai mắc ca nhiễm đều phải chết. Vấn đề này, chúng tôi sẽ luận bàn ở một chủ đề khác. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nói đến vấn đề loại vi khuẩn (Virus), nhất là Virus Covid-19 mà thôi.

Hiện nay, khi nói đến loại vi khuẩn độc hại này, không ai lại không lo âu sợ hãi. Vừa sợ và vừa lo lắng không biết ngày mai mình sẽ ra sao?! Ai cũng biết loại vi khuẩn này nó độc hại hơn bất cứ những hiện tượng ác nghiệt nào khác. Con bão tố hay sóng thần hoặc động đất, dù có mạnh bạo đến đâu thì cũng chỉ đi qua càn quét một lần là xong. Chớ không có kéo dài âm ỉ hằng năm trời và sức tàn hại giết người của nó rất khủng khiếp. Theo các chuyên gia cho biết dịch Covid-19 hiện đang diễn biến rất phức

từ ngày người dượng ghé về sống chung, mẹ nàng lại càng đối xử với nàng tệ bạc hơn. Em trai của Quỳnh thì ở yên bên ngoại. Nhiều khi buồn quá, Quỳnh muốn nói cho em và bà ngoại biết, nhưng Quỳnh sợ mẹ biết được thì lại càng khó sống. Vì thế, mà Quỳnh phải cam tâm âm thầm chịu đựng nỗi đau khổ ngút ngàn này.

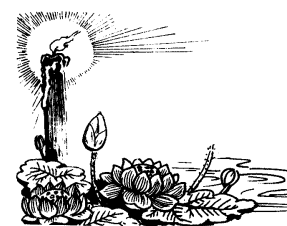
Người dượng ghé thấy Quỳnh có nhan sắc duyên dáng mặn mà, nên có ý muốn lân la ve vãn Quỳnh. Có lần, mẹ Quỳnh có việc sang nhà bà ngoại, bảo Quỳnh ở nhà trông nom nhà cửa cho heo gà vịt ăn, Quỳnh rất sợ nhưng không dám nói ra cho mẹ biết. Thế là dịp may hiếm có, cơ hội ngàn vàng, ông dượng ghé nỗi máu dê sòm sàm sỡ dờ thói dâm ô hãm hiếp. Quỳnh sợ hãi như người mất hồn, nàng ôm mặt khóc nức nở. Từ dạo đó, Quỳnh trở nên như người bị bệnh trầm cảm biếng ăn, biếng nói. Có khi giữa đêm, thấy ác mộng nàng bỗng hét la lên. Hành động bỉ ổi xấu xa đê tiện của người đàn ông vô lương tâm làm cho nàng luôn bị ám ảnh. Trong khi đó mẹ nàng chẳng hay biết gì, đã thế, còn nặng lời trách mắng và chửi rủa nàng. Sống trong cảnh đau khổ mặc cảm ngút ngàn đó, có đôi lần nàng định kết liễu đời mình bằng những viên thuốc ngủ. Những ý nghĩ quỳên sinh nó cứ kéo về lảng vảng trong đầu nàng. Nhưng suy đi nghĩ lại, nàng không thể chết một cách oan ức như vậy. Tuy đau khổ cùng cực, nhưng nàng còn có đủ sáng suốt để nhận ra điều đó. Nàng có ý muốn tìm cách trả thù người đàn ông bất nhân vô liêm sỉ này. Nhưng nàng tự nghĩ, không biết phải trả thù bằng cách nào đây. Bởi mẹ nàng quá yêu thương và quá nghe theo lời ngon ngọt tỉ tê nịnh hót của ông ta. Ông ta

rất khéo lầy lòng để che mắt mẹ mình. Nói cho mẹ biết ư? không thể được. Chắc gì mẹ chịu tin mình! Chẳng những không tin mà bà còn cho một trận đòn chí tử nữa là khác. Nghĩ tới, nghĩ lui, chỉ còn có nước âm thầm chịu đựng cho qua ngày đoạn tháng mà thôi.

Thế là ngày lại tháng qua, có hôm nàng cảm thấy mình thật khó chịu. Mỗi lần ăn thịt, cá vào thì lại bị buồn nôn muốn ói. Lúc đầu Quỳnh nghĩ chắc là mình bị đau bao tử. Nhưng khi đi khám bác sĩ thì không phải bị bệnh bao tử, mà bác sĩ cho biết là nàng đã có thai. Biết được hung tin này, nàng như người mất hồn không còn một chút bình tĩnh. Thế là nàng bị ngất xỉu và đưa vào bệnh viện cấp cứu. Mẹ nàng chẳng hay biết gì. Sau khi tỉnh lại, nàng lặng lẽ âm thầm lui thủ về nhà. Suốt ngày không ăn, không uống, nàng cảm lặng như người bị bệnh nặng sắp chết. Mẹ nàng la mắng tra hỏi, nàng vẫn giữ thái độ lặng thinh không thốt một lời. Mẹ nàng càng la chửi, thì nàng chỉ biết khóc lóc mà thôi. Làm sao tỏ bày ra được, với một người con gái chơn chất hiền lành, tối ngày chỉ biết quanh quẩn bên đồng ruộng, chân lấm tay bùn, chỉ biết phụ bán buôn và giúp việc nhà cho mẹ. Giờ đây, lâm vào một hoàn cảnh trở trêu ngang trái dở khóc dở cười, ăn làm sao, nói làm sao đây! Nhưng khổ nỗi nàng không thể tự quyết định cho cái thai bào oan trái mà nàng đang mang. Nàng không đủ can đảm để phá đi cái bào thai oan nghiệt này. Dù sao nó cũng là con mình. Mà để nó ngày càng lớn lên thì biết ăn nói sao với mẹ và mọi người chung quanh. "Trời ơi! Con có tội tình gì mà bắt con phải chịu cái cảnh đọa đày khổ sở nói không ra lời như thế này!" Nàng tự than thở

xứ, việc tu trì đúng theo lời dạy của Tổ, thì tuy thời gian chỉ có ba tháng ngắn ngủi, nhưng hành giả sẽ đạt được kết quả lợi lạc rất lớn. Ba tháng an cư là một cơ duyên thuận lợi rất tốt, dù tu trong chúng hay tu riêng rẽ một mình, nếu chúng ta khéo biết áp dụng hành trì đúng mức, thì việc đoạn hoặc chúng chơn không phải là chuyện khó làm. Sự tu hành là do chúng ta cố gắng cương quyết thực tập. Hằng thực tập chánh niệm trong mọi việc làm như: lật rau, rửa chén, cuốc đất, quét nhà, niệm Phật, tụng kinh, kinh hành, ăn cơm v.v... luôn sống trong tỉnh thức, không để cho vọng duyên sáu trần ngoại cảnh lôi cuốn. Thế thì phiền não làm sao có cơ hội phát sanh? Chỉ là sống bình thường, bằng cái tâm bình thường và mọi việc đều bình thường. Đó là ý nghĩa của "**Bình Thường Tâm**" thị đạo, mà Thiền Sư Nam Tuyên đã từng thức nhắc cảnh báo chúng ta.

(Kỷ niệm mùa An Cư năm 2021)



Vô minh trừ tận nhập chơn nguyên

Hành giả đã trải qua ba tháng an cư tu hành miên mật, đến đây thì phiền não không còn, vọng tình thế gian cũng không còn đủ sức lôi cuốn. Hành giả đã nhận thức rõ ràng về "Lý" và "Sự" cũng như nhân quả, nghiệp báo... thì chắc chắn hành giả sẽ thể nhập cái chân tánh thanh tịnh sáng suốt của mình. Chỉ cần tu trì đúng mức trong ba tháng an cư thì, hành giả sẽ đạt được nhiều kết quả lợi lạc như ý muốn. Khi vô minh không còn thì chân tánh hiện bày. Vì "vô minh thật tánh tức Phật tánh". (Chứng Đạo Ca). Tìm Phật tánh đâu ngoài vô minh mà có. Nước trong không ngoài nước đục. Muốn có nước trong thì chỉ cần lắng lặng cặn cẩu của nước đục. Cặn cẩu không còn thì còn lại là thể của nước trong. Bồ đề không ngoài phiền não, hay Niết bàn không rời sanh tử mà có. Đó là yếu lý của sự tu hành. Chỉ cần chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển sanh tử thành Niết bàn. Cho nên câu nói: "chuyển phàm thành thánh" là ý này vậy.

Nói tóm lại, "Nghĩa Thú An Cư", cụm từ này mang một ý nghĩa rất quan trọng trong việc tu hành an cư ba tháng. Qua những điều trình bày khái quát trên, cho chúng ta thấy rằng, an cư là một pháp tu rất thù thắng vi diệu. Không phải là một lệ thường như lâu nay chúng ta thường hiểu. Qua hai bài kệ cảnh tỉnh nhắc nhở của chư Tổ nói trên, nghĩa lý rất thâm sâu uyên áo, mà chúng tôi chỉ giải thích một cách rất đơn sơ, chẳng thấm vào đâu. Chẳng qua chỉ là gợi ý để chúng ta tìm hiểu sâu xa hơn. Trong ba tháng an cư, nếu chúng ta cùng sống chung trong một trú

khóc thầm trong đêm tối. Nàng tự hỏi, có phải đây là một nghiệp quả trong nhiều kiếp mà nay nàng phải gánh chịu trả quả báo không?

Cảnh tình này, nàng không biết phải thổ lộ tâm sự cùng ai. Chỉ còn có cách là phải bỏ nhà ra đi. Nhưng nàng cũng không biết đi đâu. Đúng là thân gái dặm trường, trời đất bao la, mà không có chỗ để dung thân. Có một hôm, nàng nghĩ, chỉ còn có cách đánh bạo sang nhà ngoại nói hết sự thật cho ngoại nghe, may ra ngoại có thể thương và thông cảm che chở giúp đỡ cho mình. Nghĩ tới nghĩ lui, không còn có cách nào khác, đành phải chấp nhận như thế thôi. Rồi nàng sợ, nếu như mẹ nàng biết được, lại bắt nàng về nhà hành hạ đánh đập nàng nữa thì sao? Không được. Sang nhà ngoại cũng không thể bảo đảm yên thân. Thôi thì đành xuôi theo nghiệp lực cho rồi. Nàng nghĩ, trong 36 cách chỉ có cách bỏ nhà trốn đi là ổn nhất. Thế là nàng sang nhà Mai, Mai là một người bạn học chung lớp với Quỳnh ở những năm trung học. Cần phải nói ra hết sự thật cho Mai biết và nhờ Mai giúp đỡ. Sau khi nghe Quỳnh bày tỏ tâm sự và hoàn cảnh éo le đau khổ như thế, Mai hứa là sẽ tìm cách giúp đỡ cho Quỳnh. Mai là người bạn tốt chí thân của Quỳnh. Thế mới biết khi hoạn nạn tận cùng mới biết ai là người bạn chung tình tốt nhất của mình. Mai hướng dẫn Quỳnh lên thành phố để kiếm sống. Vì Mai có người dì ruột đang sống ở thành phố Sài Gòn. Mai tìm cách liên lạc với người dì và bày tỏ hết nỗi khổ đoạn trường của người bạn mình. Người dì nghe qua cảm thương số phận của người con gái bạc phước, bạc phận phải chịu nhiều tủ nhục đắng cay, nên bà cho Quỳnh

ở tạm để kiếm việc làm. Đồng thời bà tìm việc làm cho Quỳnh. Thế là Quỳnh đã có nơi tạm trú để chờ ngày sanh sản. Không may cho Quỳnh khi lên Sài Gòn tạm trú chưa đầy một tháng, trong lúc đi làm thì Quỳnh lại bị tai nạn giao thông cả mẹ lẫn đứa con trong bụng đều đã qua đời. Qua đời trong hoàn cảnh đau thương tuyệt vọng! Cuộc đời của Quỳnh một cô gái xinh đẹp vừa tròn 18 tuổi đã trải qua nhiều đau khổ chịu nhiều oan ức trái ngang và cuối cùng chết một cách thê thảm. Quỳnh ra đi, trong khi mẹ nàng đang vui sướng hạnh phúc với một người đàn ông vô lương tâm mất hết tính người. Tin Quỳnh chết, giống như cha nàng trước đây cũng trong một tai nạn giao thông, thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên mà mẹ nàng không thể ngờ được. Cái chết của Quỳnh cũng chưa tháo gỡ được nỗi oan ức trong lòng thật nhục nhã cho số phận hẩm hiu của một người con gái ngây thơ thật đáng thương hại ...!



của nó rất sâu dày, nên gọi nó là "Độn Sứ". Người tu phải đến địa vị "Tu Đạo" mới có thể đoạn trừ được năm thứ này. Khi đoạn trừ năm thứ câu sanh phiền não này, thì hành giả sẽ bước lên địa vị kế tiếp là quả vị Tư đà hàm và A na hàm. Và dần dần sẽ tiến lên quả vị A la hán.

Tam nguyệt đoạn trần đẳng thánh vị

Trần ở đây là chỉ cho trần sa hoặc. Sự mê lầm nhỏ nhiệm nhưng đầy dẫy nhiều như cát bụi. Hành giả bước sang qua tháng thứ ba thì việc đoạn trừ phiền não càng tiến bộ và thuần thực hơn. Tháng đầu và tháng thứ hai, hành giả đã nỗ lực phấn đấu miên mật đoạn trừ được phiền não gốc. Đến tháng thứ ba thì việc đoạn hoặc chứng chơn có phần dễ dàng hơn. Nói dễ là vì nó không còn cần khổ khó khăn như ở hai giai đoạn đầu. Bởi trần sa hoặc tuy nó nhiều dày đặc như cát bụi, nhưng nó chỉ là những thứ ngoại duyên. Đó là những thứ thị phi, hơn thua, tranh chấp, phải quấy v.v... Việc thị phi ở đời nó cũng rối rắm phiền toái phức tạp không kém, làm cho tâm hành giả luôn luôn bất an. Chuyện thị phi thì ngày nào lại không có. Việc khen chê phải quấy xảy ra hằng ngày như cơm bữa. Tuy vậy, nhưng nó cũng làm cho người tu rất dễ động tâm. Đừng khinh dễ coi thường loại trần sa hoặc này. Tuy việc xảy ra nhỏ nhặt, nhưng nếu chúng ta mất cảnh giác, không khắc phục chuyên hóa kịp thời thì, nó cũng làm cho ta dễ nổi cáu bực bội, khó chịu! Đã nổi cáu bực tức, tất nhiên, là ta đã thua trần rồi. Vì ta đã làm nô lệ cho lũ phiền não tham, sân, si sai khiến. Thế nên, hành giả nào vượt qua được trần sa hoặc này thì mới bước lên được Thánh vị.

Nhất nguyệt diệt thô ngộ quả tiên

Trong tháng thứ nhất, nếu chúng ta nỗ lực chuyên cần tu tập thì có thể diệt được phiền não thô, nghĩa là diệt được những mê mờ về "kiến hoặc". Kiến hoặc gồm có 5 thứ: "*thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến*". Năm thứ này thuộc phần thô, tương đối dễ trừ, dễ đoạn. Hành giả nào đoạn trừ được 5 thứ kiến hoặc phiền não "lợi sử" này, thì sẽ chứng được quả vị đầu tiên trong tứ quả Thanh Văn là Tu đà hoàn. Còn gọi quả vị này là bậc "Kiến Đạo", nghĩa là thấy được chân lý. Nói dễ trừ, dễ đoạn vì đây là phần mê lầm về "Lý". Thân kiến: chấp thân này là thật. Biên kiến: chấp nghiêng lệch một bên. Nghĩa là chấp "Thường" hoặc chấp "Đoạn". Tà kiến: vọng chấp không đúng chân lý. Kiến thủ: chấp chặt bảo vệ ý kiến của mình là đúng. Giới cấm thủ: bảo thủ những giới cấm sai lầm. Đại khái đó là 5 thứ chấp của phàm phu. Nay hành giả quyết tâm đoạn trừ 5 thứ mê lầm này trong vòng thời gian của tháng đầu An Cư, sẽ đạt được quả vị Tu đà hoàn, tức bước vào dòng Thánh.

Nhị nguyệt tẩy phiền chứng đạo hiền

Đến tháng thứ hai, hành giả nỗ lực hành trì chuyên cần tinh tấn sẽ đoạn trừ được "Tư Hoặc" phiền não. Nói Tư Hoặc vì đây là phần "Sự" nên khó trừ khó đoạn. Tư hoặc gồm có 5 thứ: *tham, sân, si, mạn, nghi*. Năm thứ này còn gọi là phiền não "căn bản" hay "câu sanh" hoặc. Vì gốc rễ

Gieo Gió, Gặt Bão

*K*hi nói đến Vu Lan, người ta nghĩ ngay đến việc báo hiếu cho các đấng sanh thành. Điều suy nghĩ này rất phù hợp thích đáng với đạo hiếu làm người. Bỏ phận làm con thì phải nghĩ đến công ơn sanh thành giáo dưỡng của ông bà cha mẹ, hầu để lo báo đáp thâm ân trong muôn một. Từ ngàn xưa, các bậc thánh hiền cũng như có biết bao kinh sách đã đề cao và khuyến khích người ta nên tri ân và báo ân. Tri ân và báo ân là hai đức tánh cao đẹp của đạo đức con người. Tuy nhiên, nếu chỉ một bề phụng dưỡng ông bà cha mẹ không thôi, thiết nghĩ, cũng chưa đúng theo quan niệm chữ Hiếu của người Á Đông. Vì nó còn giới hạn trong phạm vi của lễ giáo truyền thống. Chữ hiếu theo quan niệm Phật giáo thì nghĩa lý của nó rất rộng rãi. Trong kệ kinh đức Phật có dạy: "*Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật*". Căn cứ theo lời Phật dạy ở đây, thì hiếu không hẳn chỉ trong phạm vi đơn thuần của dòng huyết thống không thôi, mà nó còn bao hàm trùm khắp mọi vật. Vì hiếu cũng có nghĩa là đức hiếu sinh đối với tất cả muôn loài. Tâm hiếu là tâm thương yêu và tôn kính không những đối với các loài hữu tình mà ngay cả đến các loài vô tình cũng phải yêu thương và tôn kính. Bởi sự sống của chúng ta liên hệ đến sự sống của muôn loài. Đó là cái nhìn theo đạo lý duyên sinh trong nhà Phật. Chính vì nó bao hàm phổ cập rộng lớn như thế, nên trong nhà Phật mới có đề cập đến bốn ân sâu nặng: Ân cha mẹ, Ân Tam bảo, Ân quốc gia xã hội và Ân chúng

sanh. Bài viết này không đặt nặng triển khai về nghĩa lý đạo hiếu qua 4 trọng ân, mà chỉ muốn nói đến khía cạnh hạn hẹp liên quan đến vấn đề nhân quả mà thôi.

Theo lời dạy của Phật nói trên thì, tâm Phật là tâm từ bi, trí tuệ và vị tha bình đẳng. Nói rõ hơn là tâm từ bi và trí tuệ của Phật không có biên giới. Khác với tâm chúng sanh là quá vị kỷ hẹp hòi. Vì thế, nên Phật và Bồ tát các Ngài có một trái tim rất rộng lớn như trái tim mặt trời.

*Tâm từ thương khắp chúng sanh
Tâm bi trải rộng an lành khắp nơi
Vị tha bình đẳng cứu đời
Rộng lòng hỷ xả thành thoi an nhàn*

Đó là hạnh hiếu mà người con Phật phải cố gắng thực hiện. Khi chúng ta làm lợi ích cho chúng sanh, thì trong đó đã có tổ tiên ông bà, cha mẹ và những người thân thuộc của chúng ta. Dù người đó còn hay mất cũng đều được thấm nhuần ân đức lợi lạc. Theo đạo Phật, trong các cách báo hiếu, không cách nào bằng cách khuyên cha mẹ nên tin sâu nhân quả và Tam bảo. Có tin sâu nhân quả thì cha mẹ mới không gây tạo những điều ác. Không gây tạo những điều ác, tất nhiên sẽ không trả quả báo ác. Không gieo gió thì làm gì có gặt bão? Ngược lại, một khi đã gieo gió rồi thì không sao tránh khỏi gặt hái quả khổ đau. Trường hợp như bà Thanh Đề, vì tạo nghiệp ác, nên bà phải chịu thọ khổ trong chốn ngục hình. Luật nhân quả rất công bằng không bao giờ sai lệch. Hễ có gây nhân lành dữ, thì sẽ gặt hái quả báo lành dữ. Người đời vì không tin

một phương diện rất hạn hẹp của phần sự tướng hình thức thôi. Nghĩa sâu của Cẩm Túc, tức phải đình chỉ vọng niệm. Vọng niệm dừng thì cảnh giới Niết bàn hiện ra. Vì không còn cái tâm lăng xăng loạn động suy tính đủ thứ. Đó là "Thiền chỉ" và đó mới thực sự là chơn hạnh phúc vậy.

Sách tấn tu trì chiêm khôi giáp

Chữ sách nghĩa đen là roi da. Tấn là tiến tới. Dùng roi da để trị những người làm biếng. Bởi làm biếng thì phải sa đọa (giải đãi trụy lạc). Tu hành cần phải tinh tấn. Tu học cùng đại chúng việc sách tấn tu trì rất cần thiết. Mỗi người nên vâng giữ sáu phép Lục hòa. Ở trong chúng cần phải sách tấn soi sáng thức nhắc cho nhau. Chúng ta cần phải gìn giữ và cư xử với nhau một cách thân thiết hòa nhã. "*Hiếu, thương và thông cảm*" đó là những yếu tố cực kỳ quan yếu. Sống chung an lạc là điều mà sinh hoạt trong chúng ta cần phải có. Sống chung mà không có hạnh phúc là cuộc sống chung vô ý nghĩa. Hãy coi các bạn đồng tu, đồng hành là những vị thiện hữu tri thức của ta. Nghĩa của tăng đoàn là hòa hợp, là thanh tịnh, là tương trợ trong tinh thần tu học. Có thế, thì mỗi người chúng ta mới có được kỳ vọng thấy tên mình ghi trên bảng vàng đắc đạo. Đó mới thực sự là chiêm được khôi giáp rồi vậy.

*Bao nhiêu công đức vô biên
Đều do tuổi Đạo cần chuyên tháng ngày
Mong nhờ Phật lực hôm nay
Đồng tròn giống trí, Liên Đài bước sang.*

mỗi người chúng ta ai cũng sẵn có cái Tháp nhiều của báu này cả. Bởi trong Tháp Đa Bảo có Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo. Ý Tổ khuyên nhắc chúng ta là trong 3 tháng an cư mỗi người nên tự quy chiếu lại mình để tìm lại ông "Phật thiệt" (tánh giác thường hằng) của chính mình. Sơ Tổ Trúc Lâm đâu chẳng nói: "Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch". Nghĩa là trong mỗi người chúng ta ai cũng sẵn có của báu, còn chạy tìm cầu ở đâu nữa. Càng tìm kiếm thì lại càng xa tít mù khơi. Nếu người nào nhận lại được ông Phật của chính mình, thì người đó đã lên được bửu tháp rồi. Nghĩa là nhận lại được cái của "Báu" của chính mình. Thấy được tự tánh mới thực sự là ngồi trong bảo tháp.

Cửu tuần cấm túc tâm hoan lạc

Trong chín tuần (theo xưa mỗi tuần là 10 ngày) cấm túc, là chúng ta đã xa lánh được những chuyện thị phi ở thế gian. Nghĩa là tránh xa tất cả duyên trần ái nhiễm, chỉ một mặt hướng tâm tu trì, tụng niệm, thiền quán... thế thì phiền não không có cơ hội phát sanh. Tâm không phiền não, hằng ngày an vui tu tập, thế thì, còn gì hạnh phúc cho bằng! Được vậy, thì tâm ta lúc nào lại không an lạc. An lạc là hạnh phúc, là Niết bàn. Còn đi tìm Niết bàn, hạnh phúc ở đâu nữa chứ! Tâm luôn an vui đó không phải là Niết bàn hiện thực hay sao? Hằng ngày chúng ta an trú trong cảnh giới Niết bàn mà chúng ta không hề hay biết. Cứ mãi chạy rong tìm cầu Niết bàn ở bên ngoài. Tìm như thế thì muôn đời vạn kiếp cũng không bao giờ thấy được Niết bàn. Hai chữ "Cấm Túc" theo nghĩa đen là giữ đôi chân không được đi ra khỏi ngoại giới. Hiểu thế, chỉ là

nhân quả, nên họ gây tạo nhiều ác nghiệp và cuối cùng họ gặt hái nhiều quả báo đau thương. Vì thế, mà trong Kinh Pháp Cú Phật có dạy: "*Ác nghiệp chính do mình tạo, tự mình sinh ra. Ác nghiệp làm hại kẻ ngu dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch*". Nguyên do Phật dạy điều này, vì có liên quan đến một vị cư sĩ tên là Mahà Kala. Mahà Kala là một cư sĩ tu hành đặc quả Tu đà hoàn (dự lưu). Ông là người tu hành rất tinh tấn, thường hay đến tinh xá thọ trì bát quan trai. Có một hôm, ông ở lại tinh xá suốt đêm nghe pháp. Sáng sớm, ông ta đi ra ngoài bờ ao đang đứng rửa mặt, bỗng có một tên trộm chạy ngang qua làm rớt túi đồ trước mặt ông ta, mà hắn đã vừa mới lấy. Vừa lúc đó, người chủ mất đồ chạy đến nhìn thấy tang vật của mình đã mất, nổi cơn tức giận, không cần phân bua phải trái, ngỡ rằng ông ta là kẻ ăn trộm, nên người chủ nhà xông tới đánh ông ta đến chết. Sau đó các thầy Tỳ kheo phát hiện xác chết và rồi bạch trình lên đức Phật. Phật bảo: "Mahà Kala đã trả cái quả báo mà ông ta đã gây ra trước kia". Nhân đó, Phật kể tiếp câu chuyện về tiền kiếp của ông ta. Xưa kia, chính Mahà Kala đã vu oan, gây ra tai họa giết chết người. Ngày nay, ông ta phải trả cái quả báo thâm đó.

Qua chuyện dẫn trên cho chúng ta thấy rằng, nhân quả báo ứng vay trả, trả vay thật không cùng. Vì thế nên mới nói là oan gia tương báo. Dù nghiệp nhân đã gây trong quá khứ, nhưng cũng không thoát khỏi nghiệp quả phải trả trong hiện tại. Bởi nhân quả là một định luật tất yếu và được đặt định trên chiều thời gian. Một khi đã gây nhân ác, dù gần hay xa, dù mau hay chậm, cuối cùng cũng phải

trả, không một ai thoát khỏi luật nhân quả. Sách Nho có câu: "*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi diễn tẩu dã nan tàng, hành tàng hư thiết tự gia tri, họa phước nhơn do cánh vấn thù, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì!*". Nghĩa là làm lành hay làm dữ, cuối cùng cũng phải trả cái quả báo đã gây ra. Đừng hòng cao bay xa chạy mà có thể che giấu trốn thoát được. Hành động của mình tạo ra giả dối hay chân thật thì tự mình, mình biết, họa hay phước cũng đừng có hỏi bất cứ ai, chẳng qua cái quả báo đó nó đến với mình mau hay chậm mà thôi.

Sự tác nghiệp do chính chúng ta tạo ra, tất nhiên, chúng ta phải chịu trách nhiệm lãnh lấy. Nghiệp lành hay dữ cũng thế. Người ta thường nói: "*Gieo gió thì phải gặt bão*". Tùy theo cường độ của cái nhân mà chúng ta đã gây tạo nặng nhẹ, khi trả quả cũng có nặng nhẹ khác nhau. Song có điều nó không bao giờ mất. Nhân quả có ra từ ý nghĩ, lời nói và hành động. Một lời nói làm cho ích nước lợi dân, cũng một lời nói làm cho nước mất nhà tan.

Trên đời này không có gì xảy ra mà không có nguyên nhân của nó. Một người biết lo tu hành, trì trai giữ giới, ăn chay niệm Phật, suốt đời không làm gì hại ai, tại sao hôm nay phải hứng chịu nhiều tai ương hoạn họa? Vậy thì nhân quả có công bằng không? Điển hình như câu chuyện dẫn chứng trên, Mahà Kala là một cư sĩ rất hiền lành, thường xuyên đến tinh xá nghe pháp và thọ trì bát quan trai giới, thế thì, tại sao lại bị một người nhẫn tâm đánh chết? Chuyện xảy ra thật là oan ức. Thật ra, không có gì là oan ức cả. Nếu chúng ta, chỉ nhìn nhân quả trong hiện tại, thì

để tránh sát hại sinh vật trong mùa mưa, thì đó chẳng qua là thể hiện lòng từ bi của Phật thôi. Đồng thời chư Tăng, Ni tránh được tội sát sanh hại vật, thì đó chỉ là được lợi ích về mặt hình thể sự tướng, chớ chưa đi sâu vào phần lý tánh. Thế thì tại sao Tổ nói Phật chế An Cư là pháp tu vi diệu? Vi diệu ở chỗ nào? Thật ra, Phật chế hay lời Tổ dạy không sai. Hai chữ "An Cư" mà nếu chúng ta chỉ hiểu về phương diện sự tướng là thân ở yên một chỗ, thì thiết nghĩ điều đó cũng chưa đúng hẳn. Mà An Cư nói ở đây, là Phật muốn ngầm chỉ cho cái "Tâm" an tịnh. Dù chúng ta có sinh hoạt động tịnh tới lui, nhưng lúc nào chúng ta cũng phải ý thức giữ tâm an tịnh, như thế thì không phải vi diệu lắm sao? Khi tâm đã tịnh rồi, thì nơi đâu lại không tịnh. Kinh Duy Ma Cật có câu: "*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh, dục Phật tịnh độ, tiên tịnh kỳ tâm*". Khi tâm mình đã tịnh, thì cõi Phật tịnh, muốn cõi Phật tịnh, thì trước tiên phải tịnh cái tâm mình. Như vậy, hai chữ An Cư ở đây ta có thể hiểu: "*Cái tâm thường trú bất động*". Chữ Cư có nghĩa là thường trú. Kinh Kim Cang dạy: "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*". Nghĩa là nên sanh cái tâm không dính mắc bất cứ vật gì. Đó mới thật là thâm nghĩa của "An Cư" vậy.

Kiệt hạ tam kỳ đăng bửu tháp

Tam kỳ là chỉ cho ba giai đoạn của thời gian. Chữ kỳ là thời gian. Nghĩa là chỉ cho thời gian 3 tháng: tháng đầu, tháng thứ hai và tháng thứ ba. Đăng bửu tháp nghĩa là lên tháp báu, tức chỉ cho Bửu Tháp mà trong Kinh Pháp Hoa đã nói. Đó là "Tháp Đa Bảo". Cái tháp nhiều của báu, mà

tứ oai nghi. Nói đến nghĩa thú an cư, chúng ta không thể không nhắc đến hai bài kệ mà chư Tổ đã cảnh tỉnh khuyến nhắc người tu. Nay đây, chúng tôi xin được nêu ra và trình bày đại khái về ý nghĩa của hai bài kệ thị chúng này.

Bài kệ thứ nhất:

***Phật chế An Cư vi diệu pháp
Kiết hạ tam kỳ đặng bửu tháp
Cấm túc cửu tuần Tâm hoan lạc
Sách tấn tu trì chiếm khôi giáp.***

Bài kệ thứ hai:

***Nhật nguyệt diệt thô ngộ quả tiên
Nhị nguyệt tẩy phiền chứng đạo hiền
Tam nguyệt đoạn trần đặng thánh vị
Vô minh trừ tận nhập chân nguyên.***

Đây là hai bài kệ rất quan trọng mà chư Tổ nhằm thức nhắc chúng ta về nghĩa thú của 3 tháng an cư kiết hạ hay kiết đông. Giờ đây, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu ý nghĩa sơ qua từng câu của hai bài kệ.

Bài kệ thứ nhất

Phật chế An Cư vi diệu pháp

Tại sao Phật chế ra pháp an cư lại cho là pháp môn vi diệu? Nếu bảo rằng tập trung chư Tăng, Ni về một trú xứ

thấy như là oan ức, không công bằng. Nhưng nếu chúng ta chịu khó tìm hiểu nhìn về quá khứ, thì nhân và quả rất rõ ràng. Sở dĩ hôm nay, Mahà Kala bị đánh chết một cách đau thương như thế, Phật nói, do tiền kiếp, ông ta đã gây ra cảnh giết người cũng chết oan một cách thâm hiểm, bằng cách vu oan giá họa, ném đá giấu tay. Nếu Phật không nói nguyên do tiền kiếp của ông ta, thì chúng ta rất dễ nghi ngờ về nhân quả.

Do đó, muốn hiểu rõ nhân quả, chúng ta phải chịu khó nhìn xuyên suốt qua ba thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu chỉ nhìn cục bộ trong hiện tại không thôi, thì chúng ta cũng không thể nào hiểu rõ nhân quả. Vì từ nhân tới quả, nó diễn biến theo chiều thời gian. Cách nay hơn một năm báo chí đã đăng tải một vụ thảm sát đẫm máu kinh hoàng ở Mỹ sự vụ xảy ra vào ngày 16/4/2017 tại đại học công nghệ Virginia, kết quả 33 người chết, kể cả thủ phạm. Thủ phạm trong vụ thảm sát này là một thanh niên Hàn Quốc tên là ChoSeung- hui.

Về nguyên nhân của vụ thảm sát này, dĩ nhiên, có nhiều lý do. Nhưng nguyên nhân chính, theo báo chí cho biết, là vì anh ta ghen tức hận thù tình yêu. Nỗi tức giận thù ghét hận đời đã nhen nhúm ngấm ngấm trong lòng anh ta từ lâu. Từ một nội kết thâm sâu tận cùng của tâm thức mà anh ta không thể hóa giải được, nên cuối cùng đưa đến một hậu quả vô cùng khốc hại. Một cái nhân bất thiện ban đầu khởi lên tuy rất yếu ớt nhưng nếu chúng ta không khéo chuyển hóa nó, để càng ngày nó càng nhen nhúm phát triển lớn mạnh và tất nhiên một ngày nào đó, khi đã

chín mùi thì nó phải nổ tung thôi! Chừng đó, không có một thế lực nào có thể ngăn cản được và rồi sẽ gây ra một thảm trạng khủng khiếp kinh hoàng mà không ai có thể lường trước được. Nêu ra một trường hợp điển hình như thế, còn biết bao nhiêu những trường hợp thương tâm khác đã và đang xảy ra hằng ngày khắp nơi trên thế giới. Nơi này khủng bố giết người hằng loạt, nơi kia xảy ra án mạng kinh hoàng, bởi do các băng đảng thanh toán sát hại lẫn nhau vân vân và vân vân. Thật không thể nào kể xiết những thảm trạng đau thương mà cả nhơn loại ngày nay phải hứng chịu!

Thế giới ngày nay, con người sống phóng thả hóa gần như thác loạn. Nhơn tính, lương tri, đạo đức, nơi đã được mọi người tin tưởng quan tâm trong việc hun đúc giáo dục đào tạo con người là nhà trường, mà nay hầu như đã bị bật gốc. Cuộc sống hối hả chạy theo máy móc vật chất, kim tiền, con người như mất hết tự chủ. Sống hoàn toàn nô lệ cho ngoại cảnh. Đầu óc con người như điên cuồng rối loạn. Người ta cứ mãi la làng lo chạy chữa cháy trên cái ngọn, mà người ta không chịu tìm hiểu và chữa cháy ngay từ cái căn nguyên gốc rễ của nó. Gốc rễ của nó là vô minh, là lòng dục vọng tham, sân, si... đó là những độc tố tàn hại con người mà không ai để ý chạy chữa hoán cải. Đời sống con người ngày nay đã đánh mất quân bình đạo đức, không còn cắm sâu gốc rễ đạo đức vào mảnh đất tâm linh.

Bởi thế các nhà kinh doanh làm phim ảnh chuyên sản xuất những loại phim ảnh kích thích bạo động, xã hội đen, đâm

Nghĩa Thú An Cư

An cư là một truyền thống lâu đời phát nguyên từ thời đức Phật còn tại thế. Đức Phật và Tăng đoàn năm nào các Ngài cũng quy tụ về một trú xứ để an cư vào mùa mưa. Ở đây, chúng tôi không muốn bàn sâu về lý do an cư, mà chỉ nói đến về "Nghĩa thú an cư" mà thôi. Nghĩa là nghĩa lý; thú là thú hướng. Đây là nói về phần "Sự" và "Lý" dung thông nhau trong ý nghĩa an cư kiết hạ hay Kiết đông, nên nói là nghĩa thú an cư.

Nghĩa của của hai chữ "An Cư" là ở yên hay cũng có nghĩa là an tâm. Như vậy, trong thời gian an cư chúng ta cần phải giữ tâm được an tịnh. Tâm an mới là điều quan trọng. Thời gian an cư là thời gian rất quý hiếm để chúng ta quán chiếu nhìn kỹ lại mình hơn. Nên an cư cũng là một pháp tu rất thù thắng vi diệu.

*An cư kiết hạ thâm sâu
Chúng sanh tác Phật lâu lâu thấm nhuần*

Dù tập trung sống chung trong một trú xứ hay ở riêng nơi tự viện, thì trong thời gian an cư ba tháng, chúng ta cũng vẫn phải thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Dĩ nhiên, chúng ta không thể buông trôi thời khóa tu niệm. Mà ngược lại, chúng ta cần phải luôn tự thức nhắc mình, hằng sống trong chánh niệm. Giữ gìn chánh niệm rất quan trọng trong khi hành sự. Người tu phải gìn giữ chánh niệm trong

quán sâu sắc và hồ thẹn đó, mà ông đã chứng quả A la hán. Sau đó, ông trình bày về việc chứng quả của ông cho các thầy khác nghe, các thầy Tỳ kheo khác không tin, cho ông là kẻ khoác lác dối trá. Thấy thế, Phật liền xác chứng cho ông. Chừng đó mọi người mới tin là ông đã chứng quả A la hán thật. Trong câu chuyện của Pilotika ta thấy, có hai vấn đề nổi bật đáng chú ý. Thứ nhất là ông rất hồ thẹn, tức ông có tâm "tâm quý" khi quăng tấm y rách nát lên trên cành cây. Thứ hai, là trong khi tìm kiếm ông tập trung tư tưởng thiền quán tự thắc mắc về việc tìm kiếm. Nhờ tập trung tâm tưởng thiền quán một cách sâu sắc đến độ chín muồi, nên ông đã đoạn trừ được "Kiến, Tư" hoặc phiền não và ngay đó ông đã chứng quả A la hán.

Trong đạo Phật thiền quán rất quan trọng. Bất cứ thiền quán về vấn đề gì. Tu học mà thiếu thiền quán, khác nào như người đầu bếp nấu ăn mà không có muối. Dù người đầu bếp đó có tay nghề thiện xảo đến đâu, mà thiếu muối cũng không làm sao nấu ăn ngon được. Thiền quán đối với người tu học cũng thế. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, nếu thiếu thiền quán, cũng không thể nào đạt được sở nguyện. Nhờ thiền quán mà trí tuệ khai phát. Bởi thiền quán tự nó đã có định rồi. Khi ta tập trung vào một đối tượng hay một chủ đề nào đó để quán sát, tất nhiên, tâm ta sẽ được an định. Như chúng ta quán niệm hơi thở chẳng hạn. Nhờ theo dõi quán sát hơi thở lâu ngày mà tâm ta được định. Điều này là một lẽ thật. Nếu như chúng ta cố gắng thật hành, thì chúng ta sẽ thấy cái kết quả của nó. Bằng chứng điển hình là trưởng lão Pilotika nhờ năng lực thiền quán thâm sâu mà ông đã chứng quả A la hán.

chém, bắn giết với nhau, khơi dậy đục tính mãnh liệt ở nơi tuổi trẻ, khiến cho chúng gây bạo động giết người như trò chơi. Đó là một sự đầu độc kích thích tuổi trẻ làm băng hoại của một nếp sống thơ ngây hiền hòa trong trắng. Thay vì, giáo dục hướng dẫn đời sống đạo đức, xây dựng tình người, thì họ lại tạo ra nhiều cảnh bạo động chém giết coi mạng sống con người còn thua cỏ rác! Vì cuồng trí thác loạn, nên chúng giết người một cách bừa bãi. Than ôi! cảnh tượng người làm khổ người, đồng loại tàn sát đồng loại với nhau, biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt đây!

Cái tác nhân như thế, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi cái hậu quả tệ hại đau thương?! Đã gieo nhân xấu, thì bảo sao có quả tốt cho được? Xin mọi người hãy chiêm nghiệm lời Phật dạy trên, để chúng ta ý thức đem ra ứng dụng chuyển hóa thân tâm trong đời sống thực tế hằng ngày. Có thế, thì mới tránh được những nỗi khổ niềm đau mà chính do con người tạo lấy.

Vu Lan là nhắc nhở chúng ta phải có cái nhìn toàn diện. Lâu nay chúng ta hay có cái nhìn cục bộ, chỉ biết tôn kính đề cao Tôn giả Mục kiền liên là người con chí hiếu, điều đó không ai có thể phủ nhận chối cãi được, nhưng nếu chúng ta chỉ biết đề cao như thế, thiết nghĩ, thật cũng chưa đủ làm sống lại cái thực chất của hai chữ Vu Lan. Thực chất của Vu Lan là thức nhắc mỗi người chúng ta nên ý thức đến những cái nỗi thống khổ mà do chính chúng ta tạo ra. Hãy nhìn vào cái gương của bà Thanh Đề, vì sao mà bà thọ khổ? Có phải do bà tạo nghiệp ác không? Đã

tạo nhân ác thì làm sao tránh khỏi cái quả báo ác? Vậy thì, muốn tránh quả khổ, thì không nên gây tạo nhân ác. Đã buôn lậu nha phiến, thì tránh sao khỏi quả báo tù tội hoặc chung thân hay bị tử hình. Đã say mê cờ bạc thì tránh sao khỏi cái cảnh nhà tan cửa nát. Đã ghiền hút chích á phiện xì ke ma túy, thì làm sao tránh khỏi quả báo khổ đau cho bản thân và gia đình. Mỗi người chúng ta hãy tỉnh táo mà suy nghiệm về những nghiệp nhân của chính mình đã gây tạo thiện hay ác, tốt hay xấu, đúng hay sai v.v... nếu là thiện, là tốt, là đúng, thì chúng ta nên nỗ lực phát triển cho những chánh nhân đó ngày càng tốt đẹp lớn mạnh hơn. Bằng ngược lại, nếu là ác, là xấu, là sai, là hại, thì chúng ta nên cương quyết cải thiện những cái nhân tố bất thiện đó. Có thực sự cải thiện tốt, thì chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái cái quả báo tốt. Ta nên tâm niệm rằng, hễ gieo giống nào, thì sẽ gặt hái giống ấy. Đó là nhân với quả tương đồng không bao giờ sai chạy vậy.



đáng để cho chúng ta tự suy gẫm. Trước khi xuất gia, ông chỉ là một chàng thanh niên nghèo khổ rách áo ôm, lang thang đầu đường xó chợ để xin ăn. Tuy trong câu chuyện không có nói rõ ông có tật nguyên hay không, nếu không, là một thanh niên cường tráng khỏe mạnh có đầy đủ chân tay, mà đi ngựa tay xin ăn thì cũng thật là đáng xấu hổ. Hơn nữa, không biết ông có giả bộ làm người bệnh hoạn tật nguyên hay không, thật cũng không biết chừng. Xã hội thời nay, nhất là những xứ kém văn minh dân chúng còn quá nghèo khổ, đói khát, như một vài quốc gia Á Châu chẳng hạn, thì việc đi xin ăn là chuyện bình thường. Đối với những người nghèo đói khôn khổ đi xin ăn thì không nói làm chi, vì họ là những người quả thật đáng thương và đáng cho, dù ta cho họ một đồng tiền hay bát gạo. Ngược lại, có những kẻ không bệnh hoạn tật nguyên hay nghèo đói chi cả, ấy thế mà, họ vẫn trá hình nguy trang dưới mọi hình thức để xin ăn. Đây là hạng người lười biếng chuyên đi lừa đảo lường gạt qua mắt thiên hạ. Hạng người này hiện nay không thiếu gì trong xã hội. Kẻ viết bài này cũng đã từng chứng kiến hạng người vô liêm sỉ này. Mong rằng, chàng thanh niên Pilotika chắc là không phải hạng người tội tệ hèn hạ như thế. Nếu như ông có cái tâm xấu xa hèn hạ đó, thì tại sao khi gặp Tôn giả A Nan, ông lại phát tâm cầu xin xuất gia? Xuất gia theo ý nghĩa cao thượng, chứ không phải xuất gia để mượn chiếc áo thầy tu moi tiền thiên hạ. Chính vì ông xuất gia bằng cái tâm chân thật đó, nên khi ông tìm kiếm tấm y giẻ rách mà xưa kia ông đi xin ăn quăng trên cành cây, nay trở lại tìm không thấy, bấy giờ ông khởi tâm thiên quán và tự trách với tất cả tấm lòng hổ thẹn. Nhờ thiên

yêu hơn nữa, lời Phật dạy trên, đức Phật ngầm ý muốn nhắc nhở chúng ta phải có tâm tầm quý trước khi nói năng hay hành động. Nếu biết lời nói hay hành động của mình nhằm mục đích: "thủ đoạn, lừa bịp, gian xảo, dối trá lợi mình hại người... thì Phật khuyên chúng ta nên biết xấu hổ ngăn ngừa". Một khi đã ngăn ngừa tiêu diệt ngay trong trứng nước thì chắc chắn không có hậu quả xấu ác xảy ra. Người nào biết ngăn ngừa từ trong ý tưởng như thế, Phật cho đó là người khéo biết tu và thật hiếm có trên thế gian này.

Tuy khó, nhưng nếu ai cố gắng thật hành được, thì Phật nói người đó khéo tránh khổ nhục, như ngựa hay khéo tránh roi da. Con ngựa hay khi thấy người ta nhá roi lên là nó sẽ biết tránh ngay. Nhờ thế, mà nó không bị ăn đòn để phải chịu nhiều đau khổ. Qua so sánh này, Phật ngầm ý nhắc nhở mọi người, nên phải có tâm tầm quý ngay từ trong ý nghĩ, chớ đừng để nó phát hiện ra ngoài thành hậu quả không tốt. Chừng đó, có ăn năn hối cải thì cũng đã muộn màng rồi. Chi bằng ta khéo tránh nhân xấu, thì sẽ không có quả xấu.

Nếu ai cũng hằng nhớ đến hai tâm sở thiện **Tàm** và **Quý** này, thì chắc chắn trong đời sống hằng ngày của chúng ta sẽ ít gây ra những cảnh đau khổ cho mình và người. Vì đó là người sống có ý thức. Sống có ý thức là có chánh niệm. Mà có chánh niệm thì không có khổ đau. Mong sao mọi người nên nhớ lời Phật dạy trên để xây dựng nếp sống hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội. Có thể, mới thật xứng đáng và đúng với ý nghĩa làm người vậy.

Qua câu chuyện ngắn của vị trưởng lão Pilotika, quả thật

Vu Lan Suy Niệm

Vu Lan là một lễ hội lớn trong truyền thống Phật giáo Bắc tông, cũng là mùa gợi nhớ thức nhắc chúng ta suy niệm về thân phận của con người. Sự có mặt của chúng ta hôm nay là kết quả của những nghiệp nhân mà chúng ta đã gây tạo từ trong quá khứ. Nghiệp nhân đó đã được thẩm định đánh giá bằng cái quả báo hiện tại mà chúng ta đang mang. Trong Khế Kinh đức Phật có dạy: "*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị, yếu tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*". Nghĩa là, nếu muốn biết nghiệp nhân đời trước của ta ra sao, thì hãy nhìn vào cái nghiệp quả hiện tại mà ta đang thọ lãnh. Nếu muốn biết đời sau của ta như thế nào, thì hãy xem hiện đời này ta đang gây tạo nghiệp nhân gì. Căn cứ vào lời Phật dạy đây, thì chúng ta khỏi cần tốn công hao sức đi soi căn hoặc coi bói kiết hung lành dữ với những ông bà thầy bói mù, vừa tốn tiền, vừa tốn sức mà chẳng có ích lợi gì! Vì các ông thầy đó, thử hỏi có ông thầy, bà thầy nào có thần thông biết được quá khứ vị lai chưa? Hay cũng chỉ là đoán mò theo sách vở. Người Phật tử vì nhẹ dạ cả tin, không tin chắc vào luật nhân quả nên dễ bị rơi vào con đường tà ngoại mê tín. Chúng ta tin rằng, nếu hiện đời này ta gây tạo nghiệp nhân lành, thì chắc chắn đời sau chúng ta sẽ thọ hưởng được quả báo an vui tốt đẹp. Ngược lại, thì chúng ta sẽ lãnh lấy quả báo khổ đau. Đó là căn cứ theo luật nhân quả được đặt định trên chiều thời gian. Hiểu thế, chúng ta nên cố gắng gây tạo nhân lành. Chẳng hạn như năm nguyên lý

đạo đức mà người Phật tử đã phát nguyện gìn giữ:

- Thứ nhất, không giết hại sinh vật và con người, đó là chúng ta khéo biết tôn trọng mạng sống và giữ niềm hòa hiếu thương yêu muôn loài. Đó là chúng ta đã thể hiện được đức hiếu sinh. Đã thế, tất nhiên, chúng ta sẽ tránh được quả báo oán thù trả vay, vay trả.

- Thứ hai, không gian tham trộm cắp hay cướp giựt của người, đó là chúng ta tôn trọng quyền lợi và tài sản của kẻ khác. Hiện đời ta không bị quả báo tù tội và tương lai ta cũng không bị kẻ khác cướp đoạt tài sản của ta.

- Thứ ba, không hành động tà dâm phi pháp, đó là chúng ta khéo biết tôn trọng phẩm giá cá nhân và bảo vệ hạnh phúc gia đình của mình và người.

- Thứ tư, không dối trá, điêu ngoa, gian xảo, lường gạt lợi mình hại người, đó là chúng ta khéo biết tôn trọng sự thật và bảo vệ uy tín cho nhau.

- Thứ năm, không uống rượu và sử dụng các chất ma túy say sưa, nghiện ngập bài bạc, cá độ v.v... gây tác hại bản thân, gia đình và xã hội, đó là chúng ta khéo biết vận dụng trí năng sáng suốt để bảo vệ sức khỏe, cũng như bảo vệ hạnh phúc cho mình và người.

Nếu muốn xã hội loài người không bị xáo trộn loạn động, thiết nghĩ, ngoài năm nguyên lý đạo đức này ra, sẽ không còn phương cách nào khác. Trợ cấp an sinh xã hội chỉ có thể giúp cho người ta ổn định một phần nào đó về phương

Trong lời Phật dạy, ta thấy Phật có nêu ra vấn đề hổ thẹn. Hổ thẹn là nghĩa của hai chữ tầm quý. Tầm quý là hai món tâm sở thiện trong mười một món thiện của Duy Thức học. Tầm nghĩa là hổ thẹn với chính mình; còn quý là hổ thẹn với người khác. Cả hai đều nói lên một ý nghĩa cao đẹp hướng thượng. Hai món tâm sở thiện này rất cần thiết trong đời sống. Con người sở dĩ hơn loài cầm thú, là vì con người còn biết hổ thẹn. Nhờ biết hổ thẹn nên con người không làm những điều sai quấy xấu ác. Nghiệp dụng của hai tâm sở này là ngăn ngừa hai món tâm sở ác là "vô tầm, vô quý". Người không biết xấu hổ, chuyện gì họ cũng dám làm. Dù đó là chuyện tội ác tày trời. Họ bất chấp dư luận khen chê. Họ thuộc hạng người mà người ta thường gọi họ là thứ mặt chay mày đá hay vô liêm sỉ. Dù xã hội có lên án hay chê trách nguyên rửa họ đến đâu, họ cũng chẳng mản để ý đến. Thói nào vẫn tật nấy. Thật đây là hạng người rất khiếp đảm và vô cùng tai hại cho xã hội.

Sống trong xã hội loài người, tất nhiên, con người cần phải có nhân phẩm. Mất đi đặc tánh cố hữu này, con người đâu khác gì loài cầm thú. Vì tự trọng thể diện nhân phẩm, nên người ta không làm những chuyện bậy bạ trái với luân thường đạo lý. Người biết tự trọng xấu hổ khi nghĩ quấy làm sai, họ đều biết ăn năn hối cải. Trừ phi con người mất hết lương tâm đạo đức, thì không ai lại không biết xấu hổ. Dù việc làm sai trái đó không ai biết, nhưng chính họ cũng cảm thấy xấu hổ. Họ tự thâm trách hối hận chính họ. Họ bị lương tâm cắn rứt vầy vò khó chịu. Họ là người đang đi trên con đường thánh thiện. May mắn thay! Nhơn loại cũng còn có những hạng người biết hướng thiện này. Nếu không thì cả thiên hạ đều đại loạn. Điều quan

Tâm Và Quý

Chuyện kể rằng, trưởng lão Pilotika trước khi xuất gia, ông là một thanh niên nghèo khổ đói rách đi lang thang xin ăn rày đây mai đó. Một hôm tình cờ ông gặp Tôn giả A Nan và ông hết lòng khẩn khoản cầu xin Tôn giả cho ông được xuất gia. Tôn giả chấp nhận cho ông được toại nguyện. Sau khi xuất gia, ông trở nên một Tỳ kheo đấp y, do tín thí dâng cúng. Từ đó ông đi hành hóa khắp nơi.

Một hôm, ông nghĩ đến cái tấm y giẻ rách mà xưa kia ông đã mặc vào mình để đi xin ăn. Nay trở lại tìm kiếm nơi mà trước kia ông đã quăng nó trên một cành cây. Trong khi tìm kiếm, ông khởi niệm thiền quán và tự thông trách với tấm lòng hổ thẹn. Ông tự trách: tại sao mình phải tìm kiếm nó? Tìm kiếm nó để làm gì? Vì cái đó đã mất rồi. Cái gì đã mất rồi, tại sao mình phải tìm kiếm lại? Tìm kiếm thế có ích lợi gì không? Ông cứ mãi thiền quán về những câu hỏi đó. Không bao lâu, ông đã chứng quả A la hán. Và từ đó, mọi vọng tưởng phiền não ràng buộc thế gian coi như chấm dứt. Khi trở về tinh xá, ông trình bày sự thật về sự chứng quả của ông. Khi ông nói, các vị Tỳ kheo khác không tin, cho là ông nói dối. Liên đó, ông được đức Phật xác chứng lời ông nói là sự thật. Và do đó, nên Phật dạy: "*Biết lấy điều hổ thẹn để tự cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Nhưng người đã làm được họ khéo tránh điều khổ nhục như ngựa hay khéo tránh roi da*"

diện tiền bạc vật chất, chớ không thể nào giúp mọi người được ổn định hoàn toàn trong cuộc sống. Bởi con người còn quá nhiều tham vọng và những độc tố xấu ác. Sự trợ cấp đó chỉ là ngọn ngành, chớ không phải là cái gốc làm cho người ta hết khổ. Muốn hết khổ, mỗi người phải quyết tâm giữ tròn năm nguyên lý đạo đức này, thì đó là phương cách tốt nhất nhằm đem lại sự lợi ích thiết thực cho bản thân, gia đình và xã hội.

Hình ảnh thọ khổ cực hình đau đớn của bà Thanh Đề như trong Kinh Vu Lan đã diễn tả, đó là kết quả của một nghiệp nhân bất thiện mà chính bà đã tạo nên. Nghiệp nhân đó phát xuất từ một cái tâm độc ác. Biệt nghiệp xấu ác của mỗi cá nhân sẽ tạo thành một cộng nghiệp khổ đau chung cho cả cộng đồng Nhơn loại. Hiện trạng này đã và đang xảy ra hằng ngày trên thế giới. Thiên tai ách nạn, bệnh dịch lan tràn, Nhơn tai khủng bố, chiến tranh tàn phá, ô nhiễm môi sinh, cướp giựt lộng hành, dâm ô đồi bại, buôn lậu nha phiến, hành hung giết người, tù tội chung thân, tử hình thảm khốc v.v... đó là những thảm họa mà ngày nay cả Nhơn loại đang phải hứng chịu.

Vì thế Kinh Pháp Cú ở Phẩm Song Yếu Phật dạy: "*Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả, nếu đem tâm ô nhiễm nói năng hoặc hành động, thì sự khổ sẽ kéo đến như bánh xe lăn theo con vật kéo xe*". Ngược lại, "*nếu đem tâm thanh tịnh nói năng hoặc hành động, thì sự vui sẽ kéo đến như bóng theo hình*". Hiếu đạo là nền tảng xây dựng hạnh phúc tình người. Vì đó là nhân phẩm đạo đức căn bản mà làm người ai cũng phải có. Muốn xây

dựng một xã hội tốt đẹp công bằng, tự do, nhân ái, thì mỗi cá nhân phải tu tâm dưỡng tánh, xây dựng chất liệu đạo đức ở nơi chính mình. Đó là nguyên lý đạo đức thiết thực làm đẹp cho mình, cho người và rộng ra là cho tất cả muôn loài. Đó là chúng ta thể hiện tinh thần thương yêu hòa ái, bao dung rộng mở trong mỗi trái tim mang nặng chất liệu tình người. Thiếu hay mất đi tình người, thì con người sẽ mất đi những thứ tình khác. Nó là nền tảng, là chất keo, là cốt tủy kết nối trong vòng tay lớn cảm thông, hiểu biết trong thâm tình yêu thương đồng loại.

Biểu hiện cho tấm lòng từ bi cao cả rộng lượng vị tha đó, qua hình ảnh của đức Phật và các hàng Thánh chúng cũng như đông đảo hàng Phật tử tại gia trong buổi lễ trai nghi thanh tịnh, do một người con chí hiếu là Tôn giả Mục kiên liên đã thiết lễ thỉnh cầu để cúng dường trai tăng siêu độ cho mẫu thân của ngài. Đó là một trợ duyên tốt đẹp đã đánh động được tâm thức của bà Thanh Đề, nên bà hồi tâm chuyển ý, ăn năn cải hối, kết quả bà đã được thác sanh về cảnh giới an lành. Hình ảnh này cho ta một bài học, nếu cộng đồng Nhơn loại thức tỉnh, mỗi cá nhân tự ý thức vươn lên điều chỉnh hoán cải, chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, mỗi người đều gây nhân tốt, tất nhiên là sẽ đưa đến cho Nhơn loại một đời sống cộng nghiệp an bình và hạnh phúc. Đó là một sự cải thiện rất lớn mà bắt nguồn phải từ nơi tâm địa hướng thượng thăng hoa cao đẹp của mỗi cá nhân.

Thế giới ngày nay cho thấy, có nhiều hiện tượng đang trên đà băng hoại, tuột giốc thê thảm. Nếu mỗi cá nhân không

Đây cũng còn là nơi để chúng ta tôn thờ hướng lòng tri ân và báo ân đối với các bậc tiền nhân, những vị đã có công lao dựng nước và giữ nước, gắn nhứt là các đấng sanh thành đã dày công khó nhọc giáo dưỡng chúng ta nên người.

Về thực chất đạo đức, ngôi chùa còn có tác dụng trực tiếp hướng dẫn con người hướng thiện. Nền luân lý đạo đức của Phật giáo dạy người Phật tử phải ăn ở hiền lành. Năm giới cấm của người Phật tử tại gia, đó là năm nguyên lý đạo đức căn bản mà người Phật tử phải giữ gìn cẩn thận. Đồng thời phải ý thức và áp dụng lý nhân quả vào đời sống. Có thế thì người Phật tử mới tránh được những điều tội lỗi. Đó là hướng tiến thăng hoa đạo đức của người Phật tử trong việc tu thân tề gia và đem lại nhiều lợi ích cho nhân quần xã hội. Thử hỏi được thế do đâu? Nếu không có ngôi chùa, thì làm sao người Phật tử có thể quy tụ công phu thực tập tu học thành công như thế?

Nói tóm lại, ngôi chùa ngoài hình thức ngoại diện như lối kiến trúc thẩm mỹ mang tính chất nghệ thuật tuyệt hảo biểu trưng đầy đường nét hoa văn dân tộc tính ra, nó còn có nhiều chức năng nhằm nuôi dưỡng đời sống tâm linh và đóng góp xây dựng nếp sống đạo đức hiền hòa cao đẹp cho con người theo chiều hướng thánh thiện. Đồng thời, nó cũng còn đáp ứng được những nhu cầu tín ngưỡng, thờ phụng, lễ bái, tu học, sinh hoạt xã hội của mọi tầng lớp dân chúng. Do đó, ngôi chùa thật là quan trọng mà chúng ta cần phải có bổn phận bảo tồn duy trì và phát huy mạnh mẽ trong tinh thần phụng sự Nhơn sinh vậy.

dựng bảo vệ và phát huy mạnh mẽ. Mái chùa là niềm an ủi xoa dịu những nỗi ưu phiền đè nặng trong tâm hồn của họ. Và vì thế nên họ không thể nào quên được:

*Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi! bỏ chùa.*

Bỏ quê bỏ cả gió trăng nhưng niềm đau nhứt là phải bỏ chùa! Làm sao có thể quên được? Vì chùa là nơi mà họ đã từng lui tới ấp yêu tràn đầy những kỷ niệm yêu thương gắn bó nhớ nhung. Đã thế, bảo sao họ có thể quên lãng cho được! Đó là một tình cảm thật thân thiết đậm đà nồng nàn, chứng tỏ hình ảnh của ngôi chùa nó đã ăn sâu trong lòng người dân Việt, như là một dấu ấn sâu đậm không thể nào phai nhòa trong tâm trí của họ. Chính vì lẽ đó, nên chúng ta cũng không lạ gì, khi thấy bất cứ nơi đâu có đồng đảo đồng hương Phật tử sinh sống, thì chắc chắn nơi đó sẽ mọc lên ngôi chùa.

Chùa là một biểu tượng thiêng liêng thấm sâu vào lòng dân tộc Việt từ ngàn xưa, như nước thấm sâu vào lòng đất. Do đó, dù đã trải qua mấy ngàn năm thăng trầm, thanh suy, vinh nhục, vật đổi sao dời, qua phân ly tán, nhưng hình ảnh của ngôi chùa vẫn mãi mãi hiện ngang hiện hữu tồn tại trong lòng người dân Việt.

Quả đúng như lời thơ của Vũ Hoàng Chương đã viết:

*"...Dân tộc ta không thể nào thua
Đạo Phật ta đời đời sáng lạn
Dầu trải mấy qua phân ly tán
Nhưng vẫn còn núi còn sông
Còn chót vót mãi ngôi chùa".*

ý thức chế ngự những dục vọng vị kỷ thấp hèn của chính mình, thì sẽ gây ra một thảm họa lớn lao cho nòi loài. Nguyên nhân gây ra khổ đau cho nhau, bởi do con người còn nuôi lớn quá nhiều tham vọng chấp trước. Những ước vọng mong cầu chiếm hữu, tạo mọi thế cách thủ đoạn tương tranh sát hại, nhằm mục đích phục vụ thỏa mãn cho mọi nhu cầu của bản ngã, mà nguyên nhân nội tại của nó chỉ vì ba độc tố nguy hiểm: "*Tham, Sân, Si*".

Ngày nào nòi loài còn bị ba thứ độc tố này nắm trọn quyền hành điều khiển sai sử, thì ngày đó chắc chắn nòi loài sẽ còn phải gặt hái nhiều hệ lụy khổ đau. Cụ thể là những hiện tượng họa hại khủng khiếp đã và đang xảy ra, luôn đe dọa không chế siết chặt đời sống con người. Muốn đem lại nguồn an vui hạnh phúc cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội, theo đạo Phật, chỉ có cách duy nhất là mỗi người hãy tự nỗ lực quán chiếu sâu vào nội tâm, để chuyển hóa những hạt giống xấu ác vô minh, thành những hạt giống tốt lành sáng suốt. Có thế, thì xã hội loài người mới thực sự có tiến bộ văn minh về cả hai phương diện: vật chất lẫn tinh thần. Và như thế, mỗi người mới giữ được sự quân bình trong cách thể phẩm chất đạo đức của đời sống hiện thực.

Dù không gian có cách biệt, thời gian có đổi dời, nhưng bản chất tình thương của con người sẽ không bao giờ thay đổi. Tình thương đó sẽ được thể hiện bằng những trái tim rộng mở bao dung trong ân tình thấm đượm của gia đình huyết thống và gia đình tâm linh. Ân đền nghĩa trả, tri ân và báo ân đã tạo thành một nếp sống tập quán truyền

thông lâu đời của người Việt Nam. Lòng hiếu thảo nghĩ về các đấng sanh thành không phải chỉ có cô động bằng ý tưởng hay lý thuyết không thôi, mà mỗi người cần phải thể hiện bằng những hành động cụ thể mang lại niềm vui yêu thương thiết thực cho ông bà cha mẹ. Đó là bổn phận của mỗi người con đối với các đấng sanh thành đã từng mang nặng đẻ đau giáo dưỡng chúng ta.

Nhân mùa báo hiếu, trong tiếng vọng của tình người, trong tiếng kêu than trầm thống của những con người bất hạnh, đang đắm chìm trong biển lửa khô đau, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện cho những tai chướng chóng qua, tình người rộng mở, thực sự thương yêu, bao dung tha thứ, xóa tan mọi hận thù, kỳ thị, tranh chấp, trưởng dưỡng lòng từ bi làm thăng hoa nếp sống an bình nội tại, cùng nhau hướng về một mục đích chung, quyết tâm xây dựng một xã hội công bằng, tự do, an bình và hạnh phúc. Đó là tâm nguyện không chỉ riêng cá nhân, mà có thể nói đó là tâm nguyện chung của mọi người. Bất cứ ai còn có trái tim yêu thương rộng mở, còn nghĩ đến tình người muôn thuở và còn quyết tâm kiến tạo một xã hội an bình.

Nguyện cầu mọi người trọn hưởng một mùa báo hiếu an lành và hạnh phúc trong niềm yêu thương huynh đệ.



đề ra chương trình giáo dục thực tiễn nhằm xây dựng đạo đức nhân bản cho con người. Mục đích là nhằm đào tạo con người có được đời sống tâm linh phong phú và trên hết là chất liệu văn hóa tình người. Đó là con đường hướng đến "Chân, Thiện, Mỹ" mà những vị tăng ni đóng vai trò chủ chốt trong việc đào tạo này. Một học giả đã viết: "*Thời Giao Châu đô hộ phủ, các lò huấn dục nhân tài ắt phải ở tại các ngôi chùa Phật giáo cổ xưa, vốn thân cận với nhân dân bị trị, nơi quy tụ tín ngưỡng của nhân dân*" (PGVN, Nguyễn Đăng Thục, tr. 248)

Đạo Phật là con đường sống, hay một nghệ thuật sống thực tế, nó có năng lực dẫn ta đi vào con đường tuệ giác siêu việt sáng ngời. Nếu đi lệch con đường chánh kiến này, không khéo chúng ta sẽ rơi vào con đường tà ngoại. Một khi đã rơi vào con đường tà ngoại rồi, thì than ôi! chúng ta sẽ chuốc lấy muôn ngàn sự đau khổ. Như thế, thì việc tạo chùa hay đi chùa của chúng ta, cần phải có ý thức trong sáng cao đẹp, đúng theo tinh thần chánh pháp tự hành hóa tha.

Ngoài ra, ngôi chùa còn là một hình ảnh thân thương rất quen thuộc gần gũi với nếp sống hiền hòa của những người dân quê mộc mạc. Câu nói: "*Đất vua, Chùa làng*" đã cho ta thấy cái giá trị tín ngưỡng thiêng liêng trong tình tự hài hòa gắn bó thể hiện trong nếp sống tình cảm chơn chất đơn thuần của người dân quê. Vì chùa là mái ấm che chở ấp ủ nuôi dưỡng đời sống tâm linh của họ. Họ xem ngôi chùa như là một mái ấm gia đình chung. Do đó, nên họ cùng nhau quyết tâm đóng góp xây

tại muốn được vững chắc bền bỉ lâu dài, vẫn phải hướng lòng cảm rể sâu vào việc chuyển hóa nội tâm, tạo cách thể cho đời sống nội tâm phong phú, đó mới thực sự là có khế lý.

Đó là một con đường rộng lớn thênh thang mà ngôi chùa phải có đủ tầm vóc hướng dẫn mọi người trong tinh thần hướng thượng vị tha cao đẹp đó. Vì đó là con đường mà khi người phật tử bước chân vào cổng chùa, thì cổng chùa đã dạy cho chúng ta bài học đó. Người phật tử phải hằng trau dồi trí tuệ, phải có cái nhìn sắc bén thẩm thấu xuyên qua mọi hiện tượng. Không nên đặt mình dính mắc chết cứng trên mọi hiện tượng. Nếu thế, thì chúng ta sẽ bị những cơn sóng hiện tượng vật chất của thời đại cuốn phăng và nhận chìm tất cả. Bây giờ nhìn lại, thân phận ta chỉ còn lại là cái xác chết không hồn mà thôi!

Từ thời xa xưa, ngôi chùa là hình ảnh luôn ngự trị trong tâm thức người Việt. Vì nó có một chức năng mang tính giáo dục thực tiễn. Nói chung, dù chùa nhỏ hay lớn, đơn sơ hay hoành tráng, đều có chung một mục đích là mang tính tác dụng giáo dục. Thử nhìn lại, những giai đoạn hưng vong, thịnh suy của dân tộc và Phật giáo, lịch sử đã chứng minh, bất luận thời nào, ngôi chùa cũng đóng một vai trò then chốt quan trọng trong việc điều hướng giáo dục quần chúng nhân dân. Có thể nói chùa là cái nôi là cái lò rèn luyện chuyên đào tạo cho mọi người hướng thiện tu hành.

Có những ngôi chùa biến thành như một ngôi trường làng,

Xuân Di Lạc

Nói đến Xuân, người ta nghĩ ngay đến hình ảnh Bồ tát Di Lạc. Đây là một vị Bồ tát mà tương lai sẽ hạ sanh thành Phật gọi là Phật Di Lạc. Hiện tại phải gọi Ngài là Bồ tát mới đúng. Theo sử liệu ghi lại, thì hiện nay Ngài ngự ở cung trời Đâu Suất, thuộc nội viện thiên cung. Và theo lời huyền ký của Đức Phật Thích Ca thì, tương lai Ngài sẽ hạ sanh ở cõi này và tu hành thành Phật gọi là Phật Di Lạc. Một vị Bồ tát mà đại đa số trong các chùa Phật giáo Bắc tông, đều có tạc tượng tôn thờ. Không những người ta thờ Ngài ở trong chùa thôi, mà người ta còn thờ Ngài ở một vị trí thích hợp ngoài trời nữa. Tùy theo vị thế cảnh trí của ngôi chùa mà người ta thiết trí tôn thờ. Về hình tượng của Ngài thì ai cũng biết Ngài ngồi chênh chếch phạch ngực, bụng phệ to, miệng thì luôn cười toe toét và có 6 đứa con nít bu chung quanh thân Ngài. Đứa thì móc tai, đứa thì móc miệng, đứa thì móc mắt, đứa thì móc mũi v.v... Tuy nói là 6 đứa nhưng còn một đứa ẩn bên trong nên người ta không thấy.

Các đứa trẻ này có ý nghĩa là tiêu biểu tượng trưng cho 6 căn. Riêng ý căn ở bên trong nên không thể thấy. Tuy không thấy, nhưng nó rất quan trọng. Nói ý căn là vì nó nương thức thứ bảy là thức Mạt na để làm chỗ sở y. Còn nói đúng tên nó phải nói là ý thức, tức thức thứ sáu. Thức này chính là chủ động tạo nghiệp lành dữ. Khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần sanh ra 6 thức nên trong Kinh thường gọi

chung là Thập bát giới. Ở đây, chúng tôi không muốn phân tích giải thích đi sâu về phần này, mà chúng tôi chỉ muốn đề cập đến tại sao ngày mừng một Tết người Phật tử lại rước vía đức Bồ tát Di Lặc? Điều này nó mang ý nghĩa gì? Và tại sao phải là ngày đầu năm mới?

Trước hết, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về vị Bồ tát này. Chữ Di Lặc là phiên âm tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là Từ Thị (Thị là họ, từ là từ bi). Có thuyết nói rằng, khi người mẹ mang thai Ngài, bà phát khởi lòng từ không nở sát hại ăn thịt chúng sinh. Nên khi sanh Ngài ra liền đặt tên cho Ngài là Từ Thị. Tuy nhiên, một thuyết khác lại nói rằng: "Thuở xưa, do Ngài chuyên tu về Từ bi tam muội, cho nên sau này có tên là Từ Thị". Thật ra tên Ngài là A Dật Đa, Trung Hoa dịch là Vô Nan Thắng, có nghĩa là khó có thể hơn được. Vì đối với Ngài xét về trí tuệ và hạnh tu ít có người hơn được, nên mới có tên là Vô Nan Thắng. Đó là nói theo thói quen về Ngài qua sự hiểu biết thô sơ của chúng ta. Thời Phật còn tại thế, Ngài là một nhân vật có lịch sử hản hoi. Ngài sanh ở miền Nam Ấn thuộc dòng Bà la môn. Sau gặp Phật, Ngài xuất gia thật hành tu theo hạnh Bồ tát.

Ta thấy, rải rác trong nhiều kinh điển đều có đề cập đến Ngài. Ở đây, chúng tôi xin được lược dẫn Kinh A Hàm trong Trường A Hàm có nêu ra thế này: "*Đức Phật dạy rằng, sau này ở cõi Ta bà, tâm con người càng ngày càng hung ác, mười nghiệp lành họ bỏ qua mà luôn tạo nhiều nghiệp ác. Cho đến bao giờ họ quý mười nghiệp ác cũng như thuở xưa họ quý trọng mười nghiệp thiện và tuổi thọ*

Thế nên, ngôi chùa đúng nghĩa của nó phải là một sức sống lớn mạnh về mọi mặt. Trên hết vẫn là lấy việc tu học hoàng dương Phật pháp làm phương châm tiến thủ. Đó là gốc rễ, là mạch ngầm nuôi lớn và duy trì được mạng mạch của Phật pháp lâu dài. Thiếu yếu tố tu học ra hồn, thì dù cho ngôi chùa đó có cao lớn đẹp đẽ uy nghiêm hùng tráng tới đâu, đó cũng chỉ là một cái vỏ rỗng tuếch vô bổ mà thôi.

Nói cách khác cụ thể hơn, nếu không có sự tu học cắm sâu vào gốc rễ tâm linh, hướng thiện cải hóa lòng người, thì ngôi chùa đó, dù cho có hùng vĩ nguy nga tráng lệ đến đâu, nó cũng sẽ trở thành một trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng hời hợt ngoài da, một môi trường giao tiếp theo kiểu của một xã hội cứu tế cấp dưỡng qua lại hạn hẹp nhút nhát, thiếu kích thích chiều sâu tâm linh, thì khó có khả năng tồn tại lâu dài.

Đối với xã hội hiện tại, không ai có thể phủ nhận tinh thần nhập thế của đạo Phật. Mà ngôi chùa là một biểu tượng, là một cái nôi, là môi trường thuận lợi nhằm phục vụ cho tinh thần nhập thế đó. Nhưng đạo Phật nhập thế không có nghĩa là bị biến thể mất chất. Mà nó mang một ý nghĩa sâu sắc là tùy duyên nhưng lại bất biến. Đó là tinh thần hướng thượng cốt lõi của đạo Phật. Mất đi tính chất đặc thù này, thì không còn là đạo Phật nữa.

Thiết nghĩ, chúng ta cũng cần minh định đúng hướng nội tại và ngoại tại của nó. Ngoại tại chỉ là tùy duyên theo trào lưu xu thế thời đại, mang tính khế cơ nhứt thời, nhưng nội

nhưng không bao giờ chịu đầu hàng khuất phục. Lịch sử dân tộc đã chảy dài hơn hai ngàn năm hiện diện trên quê hương đã trải qua không biết bao lần thăng trầm, thanh suy, vinh nhục. Nhưng mỗi lần gục ngã là mỗi lần rèn luyện thêm ý chí phấn đấu kinh nghiệm và rút ra từ những bài học xương máu để cương quyết hùng tráng đứng lên để rửa nhục phục hồi lại quê hương.

Đạo Phật và dân tộc Việt Nam hòa quyện với nhau như nước với sữa, luôn luôn hợp nhất thành một tổng thể bất khả phân ly. Tinh thần vô ngã hay Thiên Phật giáo là chất keo nuôi lớn đức hỷ xả, hy sinh, bao dung. Một dân tộc dù đã bị trị, nhưng vẫn khéo biết thích nghi với mọi hoàn cảnh để sinh tồn. Đánh đuổi nhưng không phá hoại, đương đầu tranh đấu quyết liệt sống còn, nhưng không thù hận nuôi dưỡng trả thù. Vì có nhiều bài học thực tế cho chúng ta thấy, hận thù mà muốn tìm mọi phương cách để tiêu diệt hận thù, thì hận thù kia chẳng những không tiêu diệt được mà nó lại càng chong chóng chất sâu dày thêm. Vì dân tộc ta rất tôn trọng đức hiếu sinh của con người và muôn loài.

Dù đã chống lại quân phương Bắc xâm lược, đã bao lần rửa nhục không thẹn với tổ tiên, hồn thiêng sông núi, nhưng không vì thế mà dân tộc ta lại cao ngạo nuôi lớn hận thù. Đó là nhờ ảnh hưởng đức hỷ xả bao dung tha thứ rút ra từ bài học thấm nhuần "*Từ bi, vị tha và vô ngã*" của Phật giáo. Sở dĩ được như thế, nguyên ủy của nó cũng nhờ phát xuất từ nơi cửa Thiên.

của chúng sanh giảm xuống đến cuối cùng còn 10 tuổi, đó là cùng cực của kiếp giảm. Và lúc đó thế giới sẽ có những tai nạn đao binh, (đao binh nói ở đây, không phải là người ta dùng vũ khí tàn sát lẫn nhau, mà chính những lá cây cỏ cũng có thể biến thành gươm bén. Chúng ta bị chặt bị cắt mà chết). Qua tai nạn đao binh đó, rồi đến tai nạn bệnh dịch. Do bị dịch nhiễm lan lây cùng khắp nên con người chết rất nhiều, chỉ còn sống sót một số ít người tu hành ở ẩn trên núi non mà thôi. Số ít người còn sống sót lại, sau khi trải qua thời gian chết chóc đó, họ mới tìm thấy bà con dòng họ của họ chết hết, chỉ còn vài người sống sót. Bây giờ họ mới biết rằng, trước giờ dòng họ mình làm điều ác đức nên mới bị quả báo chết thê thảm như vậy. Từ đó họ nỗ lực tu tạo 10 điều lành trở lại, tuổi thọ họ tăng lên. Cứ 100 năm thì tăng lên 1 tuổi. Đến bao giờ tuổi thọ loài người lên đến 64.000 tuổi, lúc đó dân chúng đông đảo thuận hậu, làm lành thì Bồ tát Di Lặc ra đời và tu hành thành Phật dưới cây Long Hoa. Do đó, mới có câu: "Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật". Đó là ước định thời gian sự có mặt của Ngài ở cõi đời này.

Bây giờ, xin được trở lại vấn đề trên: Tại sao ngày mừng một Tết người Phật tử lại tổ chức rước vía Bồ tát hay Phật Di Lặc? Nói chính xác hơn, người Phật tử cử hành lễ rước vía Ngài là đêm giao thừa của đầu năm mới. Ở đây, ta thấy một ý nghĩa rất quan trọng. Hầu hết người Việt chúng ta đều coi trọng ngày đầu năm mới. Chính vì coi trọng, nên người ta kiêng cử đủ thứ. Họ cẩn trọng từ lời nói cho đến việc làm. Vì họ cho rằng, nếu như ngày đầu năm mà

nói hay làm những điều sai trái, thì nó có ảnh hưởng không tốt cho đến trọn cả năm. Đó là vấn đề xui xẻo mà không ai muốn cả. Chính vì thế, nên ngày đầu năm mới, người ta chỉ muốn mọi việc đều mang lại những điều tốt lành may mắn không thôi. Đây là một tập tục, một niềm tin thuần phát mang tính văn hóa của dân gian. Do đó, mà trong nhà Phật, chúng ta gọi ngày đầu năm là ngày vía đức Di Lặc. Vì sao? Vì Ngài là hiện thân của những niềm vui mang lại cho người ta nhiều an lành hạnh phúc. Trên gương mặt của Ngài luôn nở nụ cười tươi. Đó là biểu lộ niềm hoan hỷ xuất phát từ tâm hồn hỷ xả bao dung và tha thứ. Bởi thế, mà trong dân gian người ta truyền tụng bài thơ 4 câu:

*Đức Di Lặc ngôi trơ bụng đá
Bao bụi trần bám đã rồi rơi
Mặc cho thế sự đầy voi
Dững dưng như một nụ cười an nhiên*

Bốn câu thơ này ý nghĩa rất thâm thúy. Câu đầu tác giả muốn nói đến hình tượng của Bồ tát Di Lặc. Nhìn vào hình tượng của Ngài, đủ làm cho người ta phát khởi niềm an vui và với một tâm hồn thanh thoi buông xả. Dù sống trong hoàn cảnh nào, gặp phải khó khăn thử thách đến đâu, người ta cũng có thể khắc phục vượt qua bằng cái tâm kiên nhẫn và ý chí xung thiên. Đó là hình ảnh của một con người luôn vui sống trong hài hòa và cởi mở. Đó là một con người rất hạnh phúc. Chỉ nhìn vào hình tượng của Ngài thôi mà chúng ta cũng cảm thấy cõi lòng của mình thật là nhẹ nhàng an thoát. Càng mở rộng cõi lòng chừng

Ngôi Chùa Trong Tâm Thức Người Việt

..."Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông".

Đó là hai câu thơ cuối trong bài thơ "Nhớ Chùa" của thi sĩ Huyền Không (tức cố Hòa thượng Mãn Giác). Hai câu thơ này phần nhiều đã được người ta thường hay nhắc đến. Vì nó đã gọi lên hình ảnh thiết thân cao đẹp của một ngôi chùa trong tâm thức người Việt. Ngôi chùa, không những là một biểu tượng thiêng liêng về mặt văn hóa, tôn giáo, mà nó còn là cái nôi hun đúc nuôi dưỡng phát triển đạo đức của đời sống tâm linh.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc hiền hòa không hiếu chiến, nhưng gặp việc bất bình có nguy cơ cho sự tồn vong của dân tộc, thì mọi người như một anh dũng quyết chí hiên ngang đứng lên dám hy sinh xả thân quên mình vì đại nghĩa. Đó là gì? Nếu không nhờ sự hun đúc nuôi dưỡng lớn mạnh theo tinh thần "**Bi, Trí, Dũng**" của đạo Phật, thì làm gì có sự hy sinh cao cả đó. Nói thế để thấy rằng, tiềm năng lực dụng của một ngôi chùa nó có một sức mạnh vô hình duy trì và giữ vững được tinh thần dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử.

Từ trong suốt một ngàn năm tù đầy nô lệ tối tăm của thời Bắc thuộc, dân tộc ta đã bao lần anh dũng hùng tráng vươn lên chống lại đánh đuổi giặc ngoại xâm. Dù chết,

lớn làm gương cho những con trâu nhỏ.

Ngưng một lát, Bụt tiếp:

- Này các vị khát sĩ! Một vị khát sĩ giỏi cũng phải làm tương tự như một em bé chăn trâu. Nếu em bé chăn trâu biết nhận ra được trâu của mình thì người xuất gia cũng phải biết nhận ra được những yếu tố tạo nên sắc thân của mình. Nếu em bé chăn trâu biết được hình tướng của mỗi con trâu trong đàn trâu của mình thì người xuất gia cũng phải thấy được những hành động nào của thân của miệng và của ý là những hành động đáng làm và những hành động nào không đáng làm. Nếu một em bé chăn trâu biết cách cọ xát tắm rửa cho trâu thì người xuất gia cũng phải biết buông xả và gột rửa khỏi thân tâm những tham dục, si mê và hờn oán..."

Một người chăn trâu giỏi là phải biết rõ về những đức tánh của trâu và ý muốn của trâu. Muốn thành tựu được đạo quả và có an lạc hạnh phúc ngay trong đời sống hiện tại, thiết nghĩ, người tu chúng ta cũng phải nỗ lực và học theo cách chăn giữ trâu như một em bé chăn trâu giỏi vậy.



nào thì ta càng có nhiều an lạc hạnh phúc chừng đó. Chúng ta hãy tập sống theo hình ảnh của Ngài.

Câu thứ hai, chữ bụi nói ở đây chúng ta cũng có thể hiểu là bụi nhơ bên ngoài và bụi phiền não bên trong. Cả hai thứ bụi bặm này, chúng đều là những thứ nhơ nhớp không thật. Sống trong cõi đời này, không ai có thể tránh khỏi bụi nhơ.

*"Nơi trong cõi trần ai bụi bặm
Giữ làm sao khỏi lấm tất son"*

Tuy nhiên, bụi nhơ bên ngoài không quan trọng, vì người ta có thể dùng nước rửa sạch được. Còn bụi nhơ bên trong, tức những thứ phiền não cấu uế cấu bợn, thì chúng ta lấy nước gì mà rửa cho sạch? Chỉ có nước cam lộ từ bi mới có thể rửa sạch thôi. Nói rửa cũng chỉ là một cách nói, thực tế là ta phải vận dụng trí huệ bát nhã để chiếu phá vô minh. Khi vô minh phiền não không còn thì ta mới thực sự ngồi yên được. Đối với đức Bồ tát Di Lạc, vì tâm Ngài luôn an định nên không có bụi nào có thể bám được cả. Tâm an định thì làm gì có phiền não? Nước đã trong thì làm gì có nước đục? Tuy nhiên, nước dù đục nhưng ta khéo biết lóng thì chính nước đục đó sẽ trở thành nước trong. Như thế, ta tìm nước trong không ngoài nước đục mà có. Hoa sen mà rời bùn nhơ thì làm gì có hoa sen? Chính nhờ bùn nhơ, hoa sen mới mọc lên được. Nói cách khác bùn nhơ có khả năng nuôi dưỡng hoa sen. Nên nói phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn là ý này vậy.

Câu thứ ba, nói lên tánh cách tùy duyên xử thế ở đời. Cõi đời này, chuyện thịnh suy, đắc thất, thành bại, đầy voi, nên hư, phải trái... đó là những cặp đối đãi thường xảy ra như cơm bữa có chi phải bận lòng. Trăng khi tròn khi khuyết, nước lúc lớn lúc ròng, đời lúc vầy lúc khác là chuyện bình thường trong nhân thế. Mọi hiện tượng trên đời này có hiện tượng nào mà thoát khỏi vô thường sinh diệt biến đổi đâu? Tất cả đều chịu chung trong định luật vô thường sinh diệt biến đổi. Tuy nhiên, vô thường không có nghĩa là làm cho ta đau khổ. Mà trái lại, chính nhờ vô thường mà ta mới có được cuộc sống tốt đẹp hơn. Hiểu thế, thì ta cứ an nhiên tùy duyên theo dòng đời mà vui sống. Sống vui, sống đẹp, sống có ý nghĩa, đó là ta khéo biết ứng dụng một nghệ thuật sống cao đẹp tuyệt vời. Tùy duyên nhưng phải bất biến. Tùy duyên mà bị cuốn hút theo dòng đời truy lạc sa đọa, thì đó không còn ý nghĩa tùy duyên nữa. Tùy duyên phải có ý thức chủ động. Nói chính xác hơn là ta phải thường xuyên áp dụng chánh niệm, chánh quán vào trong cuộc sống. Người nào sống có chánh niệm, chánh quán là người đó chắc chắn có hạnh phúc. Ngược lại, thất niệm là rơi vào trạng huống triền miên đau khổ.

Câu cuối là tác giả nhằm ý khuyên ta nên có cái nhìn dừng đọng an nhiên với cuộc đời. Dững dưng không có nghĩa là thờ ơ lãnh đạm lạnh nhạt, mặc cho thế cuộc ra sao thì ra. Bất cần nghĩ đến, ai chết mặc ai. đó là ích kỷ chứ không phải là dững dưng. Đó không phải là thái độ của con người có nếp sống dững dưng. Dững dưng là không cố chấp bám víu vào sự vật. Như dòng nước chảy trôi an thoát nhẹ nhàng. Ta đi như một dòng sông. Đó là hình ảnh

Thiền sư Quảng Trí (đời Hậu Lê) luận giải về mười bức tranh chăn trâu, trong phần vấn đáp giải nghi, Ngài lấy thức thứ sáu (ý thức) làm chăn, năm thức trước làm trâu. Trong ý thức thứ sáu này ta nên chú ý có hai phần: ý nghĩ a dua theo năm căn và ý nghĩ chặn đứng năm căn. Dụ như mắt vừa thấy sắc, ý thức liền phân biệt đẹp xấu, rồi khởi niệm khen chê, thương ghét v.v... đó là người chăn a dua theo con trâu. Ngược lại, nếu mắt thấy sắc vừa khởi niệm phân biệt đẹp xấu, thì ý thức liền ngăn chặn lại không cho phân biệt khởi niệm khen chê yêu thích v.v... thì đó là thằng chăn có ý thức. Ý ngăn chặn là ý biết tu, còn ý a dua theo dục lạc là ý chưa biết tu. Người chăn phải luôn luôn tỉnh thức và không rời roi, dây. Roi và dây là hai dụng cụ thiết thân nhứt, mà người chăn trâu phải luôn sử dụng.

Để kết luận bài này, chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn một đoạn nói về nghệ thuật chăn trâu trong quyển Đường Xưa Mây Trắng ở Chương 2 trang 12 của Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

... "Hôm nay tôi muốn nói chuyện với đại chúng về việc chăn trâu, và thế nào là một em bé chăn trâu giỏi. Một em bé chăn trâu giỏi là một em bé có thể dễ dàng nhận ra được trâu của mình, biết hình tướng của mỗi con, biết cách cọ xát tắm rửa cho trâu, biết chăm sóc những vết thương của trâu, biết đốt khói un trâu để trâu không bị muỗi đốt, biết tìm đường đi an toàn cho trâu, biết thương yêu trâu, biết tìm bến tốt để cho trâu qua sông, biết tìm chỗ có cỏ non và nước uống cho trâu, biết bảo trì những vùng thả trâu và cuối cùng là biết để cho những con trâu

- **Đến bức thứ mười là thông tay vào chợ.** Hình vẽ một nhà sư vai mang hành lý, chống gậy đi xuống chợ, tay cầm bầu rượu, tay xách cá chép để cùng người đời nhậu nhẹt. Giai đoạn này nhà Thiền gọi là vào cõi ma, tức trà đình tửu điểm giai vi thanh tịnh đạo tràng. Nói theo Tuệ Trung Thượng Sĩ là "hòa quang đồng trần". Mang ánh sáng trí tuệ đi vào cuộc đời để hòa mình cùng mọi người mọi giới mà cứu độ chúng sanh. Có thế, thì công hạnh của Bồ tát mới thực sự viên mãn. Đây là giai đoạn nhập thế tích cực giáo hóa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Thật hành công hạnh Bồ tát để hoàn thành sứ mệnh: "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự".

V. Nghệ thuật chẵn trâu

Qua mười bức tranh chẵn trâu nêu trên, chúng tôi chỉ trình bày một cách khái lược đón gọn thôi. Tuy nhiên, chúng tôi thiết nghĩ, ngàn ấy cũng tạm đủ để cho chúng ta quy chiếu lấy đó làm thước đo trong lúc nỗ lực công phu tu hành. Người tu hành dù xuất gia hay tại gia đối với việc chẵn trâu rất là hệ trọng. Trong nhà Thiền có nêu ra nhiều mẫu chuyện vấn đáp về việc chẵn trâu. Mã Tổ hỏi Thạch Củng: "Ông ở đây làm gì?" Thạch củng đáp: "Chẵn trâu". Mã Tổ hỏi: "Trâu làm sao chẵn?" Thạch củng đáp: "Một phen ulla vào đồng cỏ nắm mũi lôi kéo trở lại". Mã Tổ bảo: "Ông giỏi chẵn trâu".

Thiền sư An ở núi Đại Qui nói: "Tôi ở Qui Sơn không học thiền Qui Sơn, chỉ chẵn giữ một con trâu".

Thiền sư Đoan ở Bạch Vân hỏi Quách Công Phụ: "Trâu thuần chưa?" Ngài lặng thinh.

của một con người siêu thoát "hòa quang đồng trần" trong dòng nhân thế. Một nụ cười an nhiên bất diệt chỉ có, khi nào con người không còn vướng mắc bất cứ thứ gì. Thiền quán sâu xa để ta có được một cuộc sống hài hòa, vững chãi và thanh thoi.

Hòa nhịp trong niềm vui xuân trong ánh hào quang của đức Bồ tát Di Lặc, chúng tôi liên tưởng đến công hạnh và đức tánh hỷ xả bao dung cao cả tuyệt vời của Ngài. Nhân đó, chúng tôi có làm bài thơ với tựa đề là:

Xuân Di Lặc

*Xuân sang mấy độ xuân qua
Xuân về mấy chốc xuân xa ta rồi
Xuân nào ta nhớ đời đời
Là "Xuân Di Lặc" nụ cười không phai
Sống vui sống đẹp hằng ngày
Sống cho trọn đạo hòa hài thế nhân
Duyên lành gặp tạo chuyên cần
Phước lành ta hưởng quả nhân rõ ràng*

*Xuân về muôn vạn ý
Hoan hỷ vẫn là hơn
Buông bỏ mọi giận hờn
Cho đời thêm tươi sáng*

Vô thường nhanh chớp nhoáng
Thức tỉnh gấp lo tu
Vô minh là ngục tù
Giám mình trong đau khổ
Hằng quán soi tự hổ
Ba nghiệp chẳng sạch trong
Sống chết mãi trong vòng
Trăm luân trong "ba cõi"
Người tu hành thật giỏi
Là phá chấp trừ mê
Dù ai có khen chê
Chỉ một lòng niệm Phật
(Thích Phước Thái)

Hôm nay chúng ta vui xuân và đón xuân trong niềm hoan hỷ vô biên, không thể nào quên được hình ảnh thân thương và sống động nhứt của đức Bồ tát Di Lặc. Mong rằng, niềm vui tươi và nụ cười hỷ xả đó mãi mãi luôn có mặt trong đời sống hiện thực của mỗi chúng ta.



tri giác xem chừng, nên còn người mà trâu đã mất. Tức vọng tưởng không còn. Người tu khi hết vọng tưởng, hoàn toàn lặng lẽ, tức là tâm đã trở lại chỗ ban sơ thanh tịnh sáng suốt thì không còn dụng công tu nữa, mà tùy thời nhậm vận. Như Thiền sư Vạn Hạnh đã nói: "Nhậm vận thanh suy vô bố úy, thanh suy như lộ thảo đầu phô". Nghĩa là: Mặc cuộc thanh suy không sợ hãi, thanh suy như cỏ hạt sương đông.

- **Đến bức thứ tám là người và trâu đều quên.** Đến đây năng sở câu vọng, chủ khách không còn. Hành giả không còn dính kẹt hai bên: có không phải trái, đúng sai ... đều mất, chỉ còn một tâm thể vắng lặng sáng suốt. Ngã và pháp không còn thì trí tuệ viên mãn, nên tượng trưng bằng một vòng tròn "Viên Giác" là chỗ mà Lục Tổ Huệ Năng nói: "Bản lai vô nhứt vật". Xưa nay không một vật, thì còn gì để luận bàn. Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác cũng nói: "Chúng thật tướng vô nhơn pháp, sát na diệt khước A tỳ nghiệp..." Khi chúng được tướng không (thật tướng) của vạn pháp, thì còn gì mà nói đến ngã - pháp. Ngã pháp không còn, thì ngục A tỳ gì cái gì mà tồn tại?

- **Đến bức thứ chín là trở về nguồn cội.** Nguồn cội ở đây là chỉ cho tâm thể thanh tịnh sáng suốt của mỗi chúng sanh sẵn có. Vì thế mà vẽ ra một cái cây lá đang rụng xuống gốc. Nên nói lá rụng về cội, hay chim bay về tổ là vậy. Tu mà chỉ trở về an trú chỗ không tịch (lặng lẽ) thì thật là buồn tẻ, vì im lìm không còn gì cả. Tu đến giai đoạn này, trong nhà Thiền thường gọi là nhập Phật giới. tức là vào cảnh giới của Như Lai.

nhận được tánh thể chân thật của chính mình. Tuy nhận được trâu, nhưng trâu còn hung hăng ngang ngạnh không chịu khuất phục rất khó chăn giữ, để nói lên sự bảo nhiệm cái tâm thể chân thật của chính mình thật hết sức khó khăn. Vì lâu nay trâu quen sống trong hoang dã, tánh khí còn rất hung hăng thật khó trị. Cũng thế, tuy biết mình có sẵn tánh giác, nhưng vì tập khí phiền não nhiều đời của chúng ta thật quá sâu dày, nên khó trừ khó đoạn.

- **Đến bức thứ năm là chặn trâu.** Khi nhận được trâu rồi, thì cần phải siêng năng chăn giữ. Đây là giai đoạn cực kỳ khó khăn trong lúc hành trì. Vọng niệm vừa khởi, thì nhận diện ngay. Người chăn phải dùng dây, roi để trị. Phải luôn tỉnh giác không chút lãng xao. Hằng sống trong chánh niệm lâu ngày trâu sẽ thuần thực.

- **Đến bức thứ sáu là cỡi trâu về nhà.** Trải qua bao sự khó khăn nhọc nhằn chăn giữ, nay chú mục đồng mới được thanh thoi, cỡi trâu về nhà. Vì trâu không còn ngang ngạnh và ngoan ngoãn chịu phục tùng, nên chú mục đồng không còn phải chú tâm chăn giữ cực khổ như trước kia. Người tu đến giai đoạn này thì không còn bị ngoại cảnh chi phối, trần duyên lôi kéo, vì biết tất cả đều là giả danh hư huyễn không thật. Nên tâm được thanh thoi an nhàn tự tại.

- **Đến bức thứ bảy là quên trâu còn người.** Người tu đến giai đoạn này, tuy đối tượng nhận thức (trâu) không còn, nhưng chủ thể nhận thức (chăn) vẫn còn. Tuy mục đồng quả thật có thanh thoi một mình, nhưng còn cái nhìn tức là

Quán Niệm Tự Thân

Trong một buổi hướng dẫn về thiền tập cho các tu sinh trong khóa tu xuất gia ngắn hạn hai tuần tại Tổ Đình Phước Huệ, tôi có đề cập đến vấn đề quán thân. Quán thân là nhìn kỹ lại ở nơi tự thân của mỗi người. Phần đông trong chúng ta, vì nhu cầu mưu sinh cấp thiết cho sự sống, nên chúng ta ít có thời gian để quán chiếu kỹ nơi thân mình. Thường thì chúng ta hay bị rơi vào hai trạng thái: "*Nuôi tiếc về dĩ vãng, hoặc hướng vọng về tương lai*". Trong khi đó, chúng ta quên mất sự sống trong hiện tại. Mà hiện tại mới là sự sống đích thực của chúng ta. Mọi sự sinh hoạt hằng ngày, chúng ta đều sử dụng ở nơi thân tâm. Nhưng nếu có người hỏi: Thân là gì? Và tâm là gì? Chắc chắn là chúng ta sẽ lúng túng ngay. Nói về thân, thì chúng ta không cần phải suy nghĩ, liền chỉ ngay thân mình. Còn tâm thì chúng ta không biết chỉ nó ở đâu, bởi nó không có hình tướng thì làm sao chỉ được.

Bài viết này, tôi chỉ muốn đề cập đến thân thôi. Tuy nhiên, thường chúng ta hay có khuynh hướng tách biệt ra giữa thân và tâm khác nhau. Nhưng kỳ thật thân và tâm không phải là hai thực thể riêng biệt. Danh và sắc lâu nay người ta thường hay tranh luận về đề tài này. Càng tranh luận thì chỉ mất thêm thời giờ vô ích. Nếu chúng ta lưu tâm quán chiếu thật kỹ, thì chúng ta thấy thân chính là đối tượng hay tướng phần của tâm. Tâm là chủ thể nhận thức, hay còn gọi là kiến phần. Nếu không có đối tượng nhận thức

thì cũng không có chủ thể nhận thức. Khi chúng ta nói thấy, thì nó đòi hỏi phải thấy cái gì. Dù cái thấy đó đối tượng của nó là hư không. Như thế thì ta nói tôi thấy hư không. Ngược lại, nếu không có chủ thể nhận thức, thì cái đối tượng nhận thức cũng không thành. Như tôi thấy chai nước trên bàn, vì có cái thấy của tôi nên mới biết đó là chai nước. Thế thì thân và tâm không thể ly khai ra mà tồn tại được. Cái gì thân biết cũng chính là tâm biết. Như nói tôi đau. Vậy cái đau đó thuộc về tâm hay thuộc về thân. Nếu không có thân thì cái gì biết đau. Đau cái gì? Nếu có thân mà không có tâm thì cái gì biết đau. Như vậy, cái biết đau đó là gồm cả thân và tâm.

Tuy nhiên, để cho hành giả dễ quán niệm hơn, thì Phật dạy hãy quán niệm về tự thân trước. Nghĩa là lấy thân làm đối tượng để quán niệm. Quán là nhìn sâu vào, niệm là luôn nghĩ đến hay biết đến. Quán niệm về thân theo trong Tứ niệm xứ quán, Phật dạy quán thân bất tịnh. Nghĩa là quán ở nơi thân mình và thân người không sạch, bất an. Cách quán này để chúng ta dẹp bớt lòng tham chấp ở nơi thân. Khi quán thuần thực, thì hành giả mới thực sự nhận ra thân này chỉ là đồ bất tịnh. Có nhận thức như thế, thì những nhu cầu cung phụng vật chất cho thân, chúng ta mới giảm bớt được. Vì cung phụng nhu cầu cho thân, mà người ta dám làm tất cả những điều hung ác để bảo vệ cho thân. Nếu quán kỹ, ta thấy cái thân này khi mới bắt đầu có cái thân này, thì chính nó không thể tự có mà phải do duyên hợp. Như tinh cha huyết mẹ và cộng thêm thân thức, tức cái hiểu biết, thì mới thành thân được. Như vậy, cái nhân từ buổi đầu nó là không trong sạch rồi. Vì ý thức

bám theo trần lao, từ đó ngày càng xa cách. Như chàng cùng tử cứ mãi lang thang rày đây mai đó, càng đi càng xa quê hương, thật đáng thương xót. Chàng cùng tử đó chính là thân phận của chúng ta. Nhưng may mắn thay! chúng ta còn có chút phúc duyên nên sớm thức tỉnh hồi đầu tìm lại đường về trở lại quê hương muôn thuở.

- **Đến bức thứ hai là thấy dấu.** Nhờ nương vào kinh điển Phật dạy mà chú mục đồng tìm ra được dấu vết của con trâu. Tuy dấu chân chưa phải là con trâu, nhưng nếu không nương theo dấu chân thì cũng không thể nào tìm thấy trâu. Cũng thế, tuy kinh điển không phải là tánh giác, nhưng rời kinh điển ra, thì chúng ta cũng không thể nào biết được tánh giác. Trong nhà Thiền gọi là "kiến sắc minh tâm". Như nương ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Tuy ngón tay không phải là mặt trăng, nhưng nếu rời ngón tay cũng không thể thấy được mặt trăng.

- **Đến bức thứ ba là thấy trâu.** Thấy trâu là sao? Tức tánh giác hiển lộ qua sáu căn, trong khi chúng ta tiếp xúc với sáu trần, mà không bị sáu trần làm ô nhiễm. Nói cách khác, tánh giác luôn hiển lộ trong mọi thi vi động tác của sáu căn, nó chưa bao giờ vắng mặt giây phút nào. Tuy nhiên, khi vừa động dụng thì có vọng thức xen vào nên bị loạn động. Do đó mà chúng ta không nhận ra được. Ngay nơi sáu căn có cái thể tánh chân thật (Phật tánh) này, nếu chúng ta nhận được thể tánh chân thật này thì gọi đó là thấy trâu.

- **Đến bức thứ tư là được trâu.** Được trâu có nghĩa là

do Thiên sư Thanh Cư họa. Về sau, ngài Tắc Công họa thêm mục thứ IX là Phản Bản Hoàn Nguyên, tức lá rụng về cội. Sau đó, ngài Từ Viễn họa tiếp mục X là thông tay vào chợ. Về việc tạo tranh đương nhiên cũng có kẻ khen người chê. Ngài Quách Am cho rằng: "chỗ rớt ráo không hình tướng vốn thanh tịnh sẵn vậy, mà gắng tạo ra hình tướng, đó là làm cho dậy sóng. Tâm vốn thanh tịnh không hình tướng, bỗng dung vẽ ra hình tướng, giống như đầu sừng mọc ra không manh mối. Tâm không hình tướng làm sao có thể tìm, huống là có trâu để tìm kiếm! Cho tới Buồng Thông Tay Vào Chợ, đó là việc làm rất là ma muội, lừa gạt người" (Tranh Chăn Trâu Giảng Giải Thích Thanh Từ - 1996).

Tuy nhiên, ở một chỗ khác thì ngài lại khen: "không phải các bậc tiền bối không biết việc đó, nhưng vì quá từ bi tạo ra phương tiện để cho người sau dễ thấy mà tự tu hành. Song người sau không hiểu, nhờn đó mà chấp hình tướng, nên nói "ông cha không rõ họa đến cháu con". Ngài nói họa ra tranh ảnh là chuyện hoang đường, nhưng ngài thì không ngại, nên cần đề xướng" (Tranh Chăn Trâu giảng giải Thích Thanh Từ Ấn Tống 1996)

IV. Giải thích sơ lược về mười bức tranh chăn trâu

Bức tranh thứ nhất là tìm trâu. Người tu, nếu muốn tiến thẳng trên con đường giác ngộ giải thoát, tất nhiên ai cũng phải trải qua giai đoạn thứ nhất là tìm trâu. Thật ra ai cũng sẵn có tánh giác, thế thì đâu cần phải kiếm tìm. Tuy sẵn có, nhưng ngật gì chúng ta quên, nên trái với tánh giác

được cái thân bất tịnh này, nên có bài thơ diễn tả như sau:

*Có chi là sạch ở hời thân!
Pheo phổi ruột gan máu thịt gân
Mũi dãi tanh hôi đường cừu khiêu
Nhớp nhúa ra vào tợ ổ phân
Thế gian lắm kẻ thương yêu tiếc
Thượng sĩ xuất trần chẳng đoái thân
Ai người tỉnh giác chơn thường quán
Bất tịnh từ đầu đến chí chân*

(Thích Phước Thái)

Hơn thế nữa, trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Già thứ XI, đức Phật có dạy:

*"Hãy ngắm cái thân tốt đẹp này, chỉ là đông xương lở lói,
chồng chất tật bệnh mà người ta tưởng là êm ái, trong đó
tuyệt đối không có gì trường tồn".* Pháp cú này Phật dạy tại Veluvana, có liên quan đến Sirima.

Sirima vốn là một cô gái giang hồ ở thành Vương Xá. Cô có một nhan sắc tuyệt đẹp, chuyên sống bằng nghề mãi dâm. Tuy là một cô gái bán thân sinh sống, nhưng hạt giống lành trong tâm cô vẫn có. Một hôm cô gặp Phật và cô tỏ ra rất hồ thẹn. Đồng thời, cô đến trước Phật cầu xin sám hối, vì một sự lỗi lầm gây xúc phạm với nữ cư sĩ Ullata, vợ của Sumana. Hai vị này là con của một phú gia có thế lực. Khi đó Phật nói kệ cho cô nghe:

*Lấy không giận thắng giận
Lấy thiện thắng không thiện*

*Lấy thí thắng xan tham
Lấy chơn thắng hư ngụy*

Nghe xong bài kệ, cô liền chứng quả Dự Lưu (Tu đà hoàn)

Sau đó Sirima xin quy y với Phật và đã được Phật chấp nhận. Kể từ đó, cô ta trở thành một phật tử tại gia rất thuần thành. Cô thường cúng dường thức ăn cho Phật và chúng tăng. Vì nhan sắc quá đẹp, cho nên cô ta đã làm cho bao nhiêu chàng trai mê say đắm đuối vì cô. Có người, chỉ một lần nhìn qua nhan sắc kiều diễm, thiên kiều bá mỹ của cô, liền đâm ra thâm yêu trộm nhớ và rồi mang bệnh tương tư.

Thời gian không lâu, Sirima lâm trọng bệnh và chẳng bao lâu cô ta qua đời. Phật hay tin, bảo vua quàng xác để trong nhà thiêu, không nên hỏa táng sớm. Bốn ngày sau, thi thể Sirima sinh trưởng lên, giống như một đồng thịt lở lói và những con dòi lúc nhúc từ chín lỗ bò ra, trông rất ghê tởm. Vua đánh trống rao truyền cho mọi người đến xem xác Sirima. Lệnh vua loan truyền, không bao lâu mọi người đến xem đông đúc. Đức Phật và các hàng Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni cũng có mặt dự kiến.

Sau đó, nhà vua ra lệnh, nếu ai bỏ ra ngàn đồng, thì được quyền sở hữu thi thể của Sirima. Từ giá cao hạ xuống giá thấp nhất và cuối cùng cho không, cũng không ai thèm lưu tâm để ý đến. Nhân đó Phật liền nói Pháp Cú này. (hết phần lược dẫn cốt chuyện)

thì thấy khác, nhưng bản thể thì không hai. Cũng thế, bản thể xưa nay vốn là thanh tịnh sáng suốt, nhưng vì bị vô minh phiền não che ngăn, nên tuy có đó mà chúng sanh không nhận ra. Khi chúng sanh thức tỉnh hồi đầu nỗ lực tu hành hết vô minh phiền não, thì bản thể chơn thường hiện rõ. Cũng như con trâu khéo biết tắm rửa kỳ cọ sạch hết phần đen thì nó sẽ hiện lại nguyên hình là con trâu trắng. Nhưng khi trâu đã đen thì không thể nói trắng được. Nhưng ngoài trâu đen đi tìm trâu trắng thì không bao giờ có. Cũng thế phiền não không ngoài Bồ đề mà có, nhưng phiền não không phải là Bồ đề. Phiền não vô minh không còn thì tánh giác hiện bày. Đây gọi là phản bản hoàn nguyên. Điều quan trọng không phải trắng hay đen, vì trắng hay đen cũng chỉ là danh từ giả lập, mà phải làm sao cho hết đen thành trắng. Đó mới là điều quan trọng. Vì thế nên mới nói đến chẵn trâu.

III. Tiến trình tu chứng theo tranh Thiền tông

Dựa trên tiến trình tu chứng, ta thấy tranh Thiền Tông trải qua những giai đoạn từ dễ đến khó, từ cạn đến sâu. Những giai đoạn trong tiến trình tu chứng là: *"Tìm trâu, thấy dấu, thấy trâu, được trâu, chẵn trâu, cỡi trâu về nhà, Quên trâu còn người, Người trâu đều quên, trở về nguồn cội, thông tay vào chợ"*. Thứ lớp của mười bức tranh chẵn trâu này, hiện nay ta thấy như thế. Tuy nhiên, tranh cũng có sự thay đổi thêm vào. Tranh chẵn trâu từ mục I là tìm trâu tới mục thứ VIII không còn trâu và không còn người chẵn được biểu hiện bằng một vòng tròn, tức chủ và khách thể không còn hay năng sở câu vong. Tranh này là

nêu rõ, tam thừa chỉ là phương tiện, song cứu cánh thì chỉ có một Phật thừa thôi. Gọi là "khai quyền hiển thật, khai cận hiển viên, hội tam quy nhất". Có nghĩa là hội tam thừa về nhất thừa. Nhất thừa là "Thật" mà ba thừa là "Quyền". Ba thừa là Thinh Văn, Duyên Giác và Bồ tát. Trong Kinh có nêu ra ba cỗ xe là xe dê, xe nai, và xe trâu. Lấy hình thể của ba con vật để dụ cho ba thừa. Dê và nai so với con trâu thì trâu đương nhiên nó phải to lớn hơn. Vì vậy mà trong Kinh mới gọi là Đại thừa. Trong đạo Phật tuy có nêu ra ba thừa như thế, nhưng tất cả cũng chỉ là phương tiện giả lập. Chung qui cũng chỉ có một Phật thừa. Bạch ngưu xa cũng chính là cái tâm đại viên giác. Ngài Quách Am nói rằng: "Nguồn chơn chư Phật, chúng sanh ai cũng có sẵn; Phật có nguồn chơn ấy, chúng sanh cũng có nguồn chơn ấy. Vì chúng sanh quên (mê) nguồn chơn nên trầm luân trong tam giới; nếu ngộ nhận được nguồn chơn sẵn có nơi mình thì chóng thoát sanh tử. Do đó, mới có chư Phật nhận được nguồn chơn đã thành Phật và chúng sanh còn tạo nghiệp nên trầm luân trong tam giới".

Theo nhận định của Hòa thượng Quách Am thì, trắng là chơn, đen là vọng. Cùng một con trâu nhưng trắng (Phật tánh) và đen (vô minh) thấy dường như có khác mà không khác. Vì "vô minh thật tánh, tức Phật tánh". Thật tánh của vô minh chính là Phật tánh (Chứng Đạo Ca). Như vậy, trắng cũng chính là đen mà đen cũng chính là trắng, Trắng là ngộ, đen là mê. Mê và ngộ tuy có khác nhưng thực thể thì vốn không hai. Dụ như hai mặt của một đồng tiền các, bên hình, bên chữ tuy có khác nhau, nhưng chất liệu kim loại tạo nên đồng tiền thì không khác. Về mặt hình tướng

Sắc đẹp của con người, ngoài phước báo do người ta tu tạo ra, nó còn được người ta luôn quan tâm chăm sóc, nhất là phái nữ. Hầu hết phái nữ, đều muốn làm đẹp. Đó là đặc tính cố hữu mà không có người phụ nữ nào là không muốn. Ngày nay có nhiều thẩm mỹ viện chuyên sửa trau chuốt sắc đẹp. Đối với thân thể ngoại hình, không chỗ nào mà người ta không sửa được. Tuy nhiên, ở đời tương đối không có gì là hoàn hảo cả. Có người nhờ sửa mà trông đẹp ra. Ngược lại, cũng có người do sửa mà xấu đi, thậm chí còn đưa đến cái chết. Chuyện đời không ai dám bảo đảm và lường trước được. Tuy nhiên, cũng có người họ có sắc đẹp rất tự nhiên, không cần phải trang điểm hay sửa nhiều.

Sirima nhờ tiền kiếp tu hành khá, nhất là nhờ tu hạnh nhẫn nhục, nên đời này cô ta được cái thân hình đẹp đẽ, sắc nước hương trời. Nhưng rất tiếc, người con gái hồng nhan này lại bạc mệnh phải nuôi sống bằng nghề mua hương bán phấn. Có lẽ tâm cảnh của Sirima cũng không khác gì tâm cảnh của Kiều. Tâm cảnh ở đây là cả hai đều hành cái nghề bán mình, đưa người cửa trước, rước người cửa sau. Hơn thế nữa, còn giống nhau ở điểm hồng nhan bạc phận. Tuy nhiên, Thúy Kiều trải qua mười lăm năm luân lạc, không phải do tự ý Kiều muốn như vậy, mà tất cả chỉ vì hoàn cảnh trở trêu bạc mệnh đưa đẩy Kiều phải hứng chịu như thế. Ra vào lầu xanh, đó là chuyện bất khả kháng!

Kiều tuy trải qua nhiều nỗi gian truân dạn dày sương gió éo le như thế, nhưng cũng còn có chút cơ may là gặp được sư bà Giác Duyên. Lúc gặp sư bà Giác Duyên, thì Kiều đã

xuất gia có pháp danh là Trạc Tuyên. Song có điều, không biết Kiêu xuất gia với ai và ai là thầy làm lễ thế phát xuất gia cho Kiêu (lúc Kiêu ở trong Quan Âm Các của Hoạn Thư) đặt pháp danh là Trạc Tuyên? Chuyện đó xin được gát qua. Ở đây, chúng ta thấy sư bà Giác Duyên đạo hạnh và tuệ giác không sâu sắc. Vì thế mà sư bà không độ nổi ni cô Trạc Tuyên, để Trạc Tuyên phải tái sanh vào thanh lâu một lần nữa.

Ngược lại, ở đây, Sirima có duyên phúc hơn Thúy Kiều nhiều. Mặc dù mang thân phận là một cô gái giang hồ, nhưng chỉ một lần gặp Phật, nghe Phật thuyết giáo, tức thời tâm thức của cô ta hoàn toàn tỉnh ngộ chuyển đổi và từ đó cô ta nỗ lực dụng công tu hành, không bao lâu đắc thành thánh quả. Đó là sự khác biệt rất lớn giữa hai cô gái sắc nước hương trời này.

Tuy nhiên, dù có đẹp đến đâu, bản chất của con người cũng vẫn là bất tịnh. Dù chúng ta có quan tâm chăm sóc lo sửa đến mấy chẳng nữa, rốt lại, nó cũng hiện bày nguyên hình xấu xí của nó. Như gương mặt, làn da hay mái tóc chẳng hạn. Mắt có cất sửa đẹp, rồi tới ngày nó cũng xụ xuống. Tóc có nhuộm cho đen để nhìn thấy trẻ ra, nhưng rồi hết thời kỳ, nó cũng bày ra trắng toát. Làn da có căng ra ửng hồng đến đâu, cuối cùng rồi nó cũng phải nhăn nheo trở lại. Vì đó là sự thật. Không ai có đủ quyền năng sửa đổi được sự thật. Chỉ sửa được trong một giai đoạn ngắn ngủi tạm thời mà thôi.

Ngày xưa, chính vua Trần Thái Tông, khi còn tại vị, có lần ngài nói: "*Đầu da sọ trâm cài lược giắt, túi da hôi ướp xạ*

tranh chẵn trâu. Tranh ra đời từ triều đại nào, dưới ngọn bút lông nào, khó mà tra cứu cho đích xác được. Điều chắc chắn là tranh có từ xa xưa lắm, ban đầu chỉ có sáu bức, sau thất lạc luôn. Mãi đến từ đời nhà Tống, thế kỷ XII, nhiều bộ tranh mới bắt đầu xuất hiện từ các tông lâm, thiền viện, phản ảnh nhiều khuynh hướng khác nhau trong sự tu tập. Như vậy là không phải chỉ có một bộ, mà nhiều bộ "Mục Ngưu Đồ" khác nhau, tất cả đều đượm nhuần tinh thần Phật giáo Bắc tông. Trong số ấy hiện nay được truyền tụng nhất là tranh của hai họa sĩ áo nâu Thanh Cư và Quách Am".

Qua đó, cho chúng ta thấy tranh tuy có nhiều bộ, mỗi bộ đều có mười bức, mỗi bức đều có một bài tụng bằng thơ tứ tuyệt (4 câu) và một bài chú giải bằng văn xuôi. Hình thức là như thế. Còn phần nội dung thì tranh chỉ có hai loại: một, theo khuynh hướng Đại thừa, một, theo khuynh hướng Thiền tông. Trong hai loại tranh vẽ sai khác nhau, nhưng bài tụng và bài chú riêng cho mỗi loại vẫn không thay đổi. Ở đây, chúng tôi chỉ xin trình bày ý nghĩa khái quát của mười bức tranh chẵn trâu theo Thiền tông mà thôi. Nhưng trước hết, chúng ta thử tìm hiểu con trâu theo tinh thần Đại thừa như thế nào?

II. Con trâu theo tinh thần Đại thừa

Trâu trong tranh Thiền Tông người ta vẽ có hai loại: trâu đen và trâu trắng. Trâu trắng là tượng trưng cho ý nghĩa "bạch ngưu xa", xe trâu trắng, tức chỉ cho Phật thừa. Đây là lấy ý trong Kinh Pháp Hoa ở phẩm Thí Dụ thứ ba. Kinh

Con Trâu Trong Nhà Thiền

Năm nay là năm Tân Sửu (2021), tức năm con trâu. Trâu là một loài động vật có thân hình to lớn mập mạp, hiền từ rất dễ thương. Trâu là một trong 12 con vật biểu trưng cho 12 con giáp. Trâu dĩ nhiên có nhiều giống loại: trâu đen, trâu trắng, trâu nhà, trâu rừng, trâu nước, trâu ngựa, trâu mộng, trâu gié, trâu ngổ v.v... Trâu đối với nhà nông thì nó rất gần gũi thân thiết. Vì thế, nên người ta nói: "con trâu là đầu cơ nghiệp". Có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ nói về trâu. Tiêu biểu như câu: "Trâu ơi ta bảo trâu này, trâu ra đồng ruộng trâu cày với ta..." Nội dung của bài viết này, chúng tôi chỉ muốn nói đến hình ảnh con trâu trong nhà thiền. Thế nên, chúng tôi không muốn đề cập nhiều về nguồn gốc xuất xứ cũng như về ý nghĩa mang tính chất tập tục văn hóa qua hình ảnh con trâu. Dĩ nhiên, mỗi quốc gia đều có cái phong tục tập quán và văn hóa riêng. Hình ảnh con trâu đã được trong nhà Thiền sử dụng nó như thế nào? Ai cũng biết, trong nhà Thiền có nêu ra hình ảnh "Thập Mục Ngưu Đồ", tức mười bức tranh chăn trâu.

I. Xuất Xứ

Trong quyển Tranh Chăn Trâu Giảng Giải của Hòa thượng Thích Thanh Từ xuất bản năm 1996, trong lời mở đầu, Hòa thượng có dẫn lời ông Trúc Thiên nói về xuất xứ của mười bức tranh chăn trâu như sau: "*Mục Ngưu Đồ là*

xông hương, cắt lỵ là che đậy máu tanh, dôi sơn phấn át thùng phân thúii" (bản dịch HT Thanh Từ trong Khóa Hư Lục). Hơn thế nữa, cái thân này dưới cái nhìn của các Thiền gia, thì nó giống như là gốc củi mục mà thôi. Dù chúng ta có ra sức cắt sửa, tô trét đến đâu, cuối cùng nó cũng hiện nguyên hình bày ra cái sự thật, vì bản chất của nó là hôi thúi.

Là một ông vua cư sĩ, quyền uy tột đỉnh, chung quanh kẻ hầu người hạ, có biết bao cung phi mỹ nữ, toàn là những nàng tuyệt thế giai nhân, thế mà đối với ngài, nhan sắc của các mỹ nhân kia, dù có đẹp đến đâu, tất cả cũng chỉ là một lớp sơn hào nhoáng phủ che bên ngoài để mê hoặc lòng người. Nhưng thực chất bên trong, nó chứa toàn là những thứ ô uế, hôi tanh bất tịnh.

Sirima là một cô gái cũng thuộc về hạng tuyệt thế giai nhân. Cô là người chuyên nghề buôn hương bán phấn, thuộc hạng làng chơi thứ thiệt. Nhưng khi gặp Phật, thì cô hồi tâm thức tỉnh quay về nẻo thiện. Đương thời, có biết bao chàng trai say mê đắm đuối, thậm chí có người tương tư nhan sắc của cô mà sanh bệnh. Thế mà, sau khi cô chết, không ai muốn nhìn ngó đến cái tử thi của cô. Vì cái đẹp tuyệt trần kia, giờ đây chỉ còn lại là một đồng thịt thúi tha hôi tanh làm mỗi ngon cho ruồi bu dòi đục.

Bởi thế Pháp Cú trên, Phật bảo chúng ta hãy "*Hãy ngắm nhìn cho thật kỹ cái thân tốt đẹp này chỉ là đồng xương lở lói, chông chát tật bệnh, đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì là trường tồn*".

Ở đời, người ta không dám nhìn sự thật. Thiên hạ đua nhau sống bằng giả dối. Dùng thứ giả dối này phủ che lên thứ giả dối kia. Cái thân là thứ giả hợp, bất tịnh, bất an, nhưng có mấy ai nhìn thấy được sự thật đó. Vì do nhân duyên giả hợp bởi 4 chất: đất, nước, gió, lửa mà người ta cứ tưởng là thật, là trường tồn. Kỳ thật nó là thứ vô thường huyền ảo tan hợp bất thường, khác gì bọt nước. Cái thân này, ngoài vô thường bất tịnh ra, nó còn là một ổ vi trùng. Vì là ổ vi trùng, nên nó có nhiều tật bệnh, Bệnh là một hiện tượng hư hoại bởi một bộ phận nào đó, nếu chữa không lành, thì sẽ đưa đến tử vong. Nhưng dù có chữa lành đi chăng nữa, cũng chỉ tạm duy trì kéo dài thêm sự sống một thời gian ngắn nữa thôi. Cuối cùng, nó cũng sẽ hoại diệt. Hiểu như thế, ta không nên cố chấp vào thân này, để tạo thêm ác nghiệp mà thọ khổ. Ta hãy lợi dụng nó khi còn mạnh khỏe để tích lũy tu hành tạo thêm nhiều thiện nghiệp lợi mình, lợi người trong hiện tại và mai sau.

Trên đây, đứng về mặt cảnh tỉnh tu hành, để thoát ly khổ hải, thì Phật dạy chúng ta hãy quán thân này là bất tịnh, là hư hoại v.v... Tuy nhiên, đứng về mặt giá trị của thân này, thì ta cũng phải chăm sóc và tôn trọng nó. Chăm sóc không có nghĩa là ta nô lệ, cung phụng nuông chiều nó, mà ta phải quan tâm khi nó đau ốm bệnh tật. Ta nên chữa trị mỗi khi nó bị hư tổn một bộ phận nào đó trong cơ thể của ta. Ta xem nó như là một chiếc phao nổi, hay như một chiếc tàu bè để đưa ta từ sông mê đến bờ giác. Đó là ta khéo biết tôn trọng và cảm ơn thân ta. Vì có nó mà ta mới có thể tu tập và làm được nhiều điều phúc thiện. Tuy nhiên, tu tạo nghiệp lành hay nghiệp ác cũng từ nó mà ra.

ta phải thể hiện nếp sống đạo đức căn bản tình người. Phải có tấm lòng hiếu thảo, hiếu kính, hiếu thuận và hiếu hạnh của một người con trong gia đình, đối với các đấng sanh thành đã dày công giáo dưỡng cho mình được thành nhân và thành tài trong xã hội. Đó quả là một ân đức thật lớn lao sâu dày mà đạo làm con chúng ta phải nghĩ đến để lo báo đáp thâm ân trong muôn một.

Hiếu đạo không chỉ là nguồn sống đạo đức cho riêng mình, mà nó còn hướng đến đức hiếu sinh cao cả rộng lớn hơn. Hiếu sinh là mang đến niềm an vui hạnh phúc đến cho muôn người. Đó là con đường lý tưởng hành hóa của Bồ tát đạo. Hiện tình dịch bệnh hiện nay, đã minh chứng hùng hồn về những con người xả kỷ vì lợi ích mọi người mà hiên ngang cương cường hy sinh tánh mạng để đương đầu chống lại dịch bệnh. Đó là một đội ngũ anh dũng đầy can đảm của các bác sĩ, y tá, y công v.v... cương quyết phục vụ ngày đêm trị liệu cho các bệnh nhân mắc phải dương tính ở trong các bệnh viện. Đó là một nghĩa cử hùng tráng cao đẹp thật đáng kính phục. Đó không phải là hiện thân của các vị Bồ tát đó sao? Đừng tìm Bồ tát ở đâu xa hãy tìm Bồ tát ở chung quanh mình.

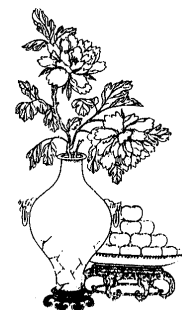
Chúng ta hãy cùng nhau thành tâm nguyện cầu cho con đại dịch chóng qua, nhơn sinh luôn sống trong tình thương và trí giác. Mỗi người sẽ là một đóa hoa tình thương nở rộ trong khu vườn nhân loại. Bằng tất cả tâm thành hướng vọng về Vu Lan Thắng Hội trong hoàn cảnh đặc biệt của nạn đại dịch, xin trân trọng cầu chúc cho mọi người luôn sống trong nếp sống an lành và thư thái gặt hái nhiều thành công tốt đẹp.

những bệnh nhân không may bị vướng vào con vi khuẩn nguy hiểm ác tính này. Cả nơon loại trên toàn cầu hiện nay đang phải đương đầu chống lại nạn đại dịch. Biết bao nhiêu người không may đã bị mất mạng. Hàng triệu người đã và đang lâm bệnh được điều trị ở trong các bệnh viện hoặc cách ly ở tại nhà. Đó là nỗi đau thương thống thiết do nạn đại dịch gây ra. Ngoài ra, còn có biết bao trận thiên tai giáng xuống gây nên tổn thất thiệt hại rất lớn lao về sinh mạng cũng như tài sản. Phải chăng, đây là một cộng nghiệp mà nơon loại đồng lao cộng khổ.

Tình thương là lẽ sống cao đẹp hướng thượng nâng cao giá trị màu nhiệm thiêng liêng của đạo làm người. Sống không có tình thương là nếp sống của con người thật khô cằn và mất hết ý nghĩa của đạo làm người. Phật dạy: "*tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật*". Đối với người phật tử, Phật dạy mỗi người nên ý thức mở rộng cõi lòng trang trải thương yêu đến đồng loại. Thương người khác thể thương thân, thấy người hoạn nạn khổ đau, đang lâm vào hoàn cảnh bức ngặt đói khát, bệnh tật v.v... thì chúng ta phải hết lòng trân kính thương yêu chia cơm xẻ áo trong thâm tình đồng loại. "*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*". "*Lá lành đùm lá rách, hay một miếng khi đói, bằng một gói khi no*".

Đó là những lời giáo huấn răn nhắc của tổ tiên cha ông của chúng ta từ ngàn xưa. Đó cũng là thể hiện tấm lòng thương yêu không giới hạn theo tâm nguyện của Bồ tát. Muốn đi xa, tất nhiên, phải khởi hành từ bước khởi đầu. Cũng thế, đối với người Phật tử, việc trước tiên là chúng

Quán niệm thân, là để thấy sự có mặt của thân. Thân ta cũng rất cần ta quan tâm chăm sóc. Nhờ thân mà ta mới có được hơi thở ra vô để sống còn. Cho nên quán niệm thân cũng chính là quán niệm hơi thở của ta. Phép quán này giúp cho ta có thêm chánh niệm rất nhiều. Thiền là sự tỉnh thức biết rõ thân mình và hơi thở của mình. Thiền là sự có mặt trong mỗi phút giây hành động và trong mỗi lời nói hay tư duy của ta. Đó là ta khéo biết thấp sáng chánh niệm ý thức về hướng chân trời an lạc và hạnh phúc vậy.



Xuân Qua Thiên Thi Kệ

Xuân mang lại cho chúng ta niềm hy vọng, sức sống và tin yêu. Mỗi lần xuân đến, ai cũng háo hức, nô nức chuẩn bị mừng đón xuân sang. Xuân trong ba ngày Tết, ngoài những tập tục tín ngưỡng dân gian ra, trong chùa cũng vui xuân và đón xuân. Đó gọi là Xuân trong cửa Thiền. Trong Thiền môn, cách vui xuân và đón xuân của chư Tăng Ni, tất nhiên là có khác hơn ngoài đời. Ngoài đời, người ta vui xuân, thưởng xuân rất nhộn nhịp trong ba ngày Tết, theo tục lệ tổ tiên ông bà truyền lại. Nào là đưa ông táo, thiệp chúc xuân, dựng nêu, rước ông bà, tiệc tùng, chúc Tết, lì xì v.v... Ngàn ấy, cũng đủ thấy cái sinh khí náo nhiệt vui mừng rộn rịp của ba ngày Tết như thế nào rồi. Hôm nay, chúng tôi muốn mời quý độc giả, chúng ta hãy cùng nhau bước chân vào cửa Thiền để xem cách vui và đón xuân của các Tăng sĩ như thế nào. Xem thử các ngài có quan niệm gì về ngày xuân. Đây chúng ta hãy nghe Sơ Tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Điều Ngự Giác Hoàng, nói về Xuân.

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không
Nhất Xuân tâm sự bách hoa trung
Như kim khám phá Đông hoàng điện
Thiền bản bỏ đoàn khán trụ hồng*

Dịch:

*Thuở bé chưa từng rõ sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng*

hạnh hiếu đạo, thì tránh sao khỏi những thảm cảnh tang thương nhiều nhưng tàn hại gây ra bao nỗi khổ đau khóc liệt cho nhau!

Vu Lan về, thức nhắc mỗi người chúng ta nên tự quán chiếu sâu vào tâm thức, kiểm nghiệm lại thật kỹ ở nơi ba nghiệp: "Thân, Ngữ, Ý" của mình, để hướng sâu vào cội nguồn tâm linh, tìm lại chân giá trị con người thật của chính mình. Có thể thì cõi lòng của chúng ta mới thật sự rộng mở bao dung trong tinh thần tương kính yêu thương và thật tâm hàn gắn lại những vết thương lòng, mà vì vô minh vọng động làm mất đi niềm hạnh phúc đầm ấm cho nhau. Đó là mỗi người hãy cương quyết hùng tráng vươn lên để tự chuyển hóa cứu khổ lấy đời mình, gia đình và xã hội. Vì ý nghĩa của hai chữ Vu Lan là cứu cái "*khổ bị treo ngược*". Treo ngược là hậu quả của đời sống tinh thần điên đảo mê vọng, nổi loạn, gây tạo nhiều nghiệp ác. Mỗi người chúng ta ít nhiều gì không ai lại không bị vướng mắc cái khổ bị treo ngược này. Một hành động xấu xa, một lời nói gian trá lừa đảo, xảo quyệt, một ý nghĩ đen tối hại người... tất cả đều bị rơi vào trạng huống của nỗi thống khổ treo ngược. Hiếu đạo là nền tảng vững chắc xây dựng con người toàn vẹn về mặt đạo đức tâm linh.

Tưởng niệm Vu Lan cũng là dịp để chúng ta hướng về chia sẻ niềm đau chung của nhơn loại hiện nay. Nạn đại dịch Covid -19 hiện đang tái bùng phát dữ dội chuyển biến thật vô cùng phức tạp. Đó là nỗi đau nhức nhối của các nhà khoa học ngày đêm vật vã bóp trán nặn óc suy tư hầu để tìm ra một phương thuốc trị liệu cấp thời cho

xã hội. Biết bao vụ thảm sát vô cớ mà không cần biết đến nguyên nhân từ đâu. Và cũng không cần biết đến đối tượng sát hại đó là ai. Nghĩa là, chúng nổi cơn thịnh nộ chém giết người loạn xạ như một tên cuồng vọng điên khùng. Chúng bất chấp hậu quả và xem thường luật pháp. Trường hợp này thật đau đớn thay! lại xảy ra ở những nước mệnh danh là văn minh tiên bộ vượt bậc trong mọi lãnh vực. Điển hình như trường hợp xảy ra ở Nhật Bản chẳng hạn. Hẳn chúng ta còn nhớ, một thanh niên 25 tuổi, tên là Tomohiro Kato đã lái chiếc xe vận tải nhẹ ủi càn vào đám đông và rồi cậu ta nhảy ra khỏi xe, đung ai chém giết nấy. Hậu quả gây ra một thảm trạng bi ai trong phút chốc có bảy người chết và mười người bị trọng thương. Thật là một thảm cảnh giết người quá đau thương tàn nhẫn khủng khiếp!

Đó là một trong muôn ngàn trường hợp bạo động ác liệt đã và đang xảy ra hằng ngày khắp nơi trên thế giới. Có khi nào chúng ta tự hỏi, sự nổi loạn gần như mất hết nhơn tính này là do đâu? Câu hỏi này, hẳn trong mỗi người chúng ta đều có sẵn câu trả lời rồi. Theo Phật giáo, tuy sự việc xảy ra có rất nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính yếu vẫn là thiếu sự giáo dục nâng cao giá trị phẩm chất đạo đức làm người của đời sống tinh thần cho giới trẻ từ trong gia đình cũng như ở nơi học đường.

Chúng ta đừng quên rằng, tinh thần mới là yếu tố quan trọng để xây dựng hạnh phúc gia đình và xã hội. Sống trong một xã hội mà lòng người đảo điên, thác loạn, tinh thần đạo đức suy vi, không được giáo dục nâng cao phẩm

Chúa Xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trái giường Thiên ngắm cảnh hồng
(HT Thích Thanh Từ)

Nội dung bài kệ, qua hai câu đầu Ngài cho chúng ta biết, thở thiêu thời khi chưa hiểu đạo lý sắc không, thì Ngài cũng như bao nhiêu đứa trẻ thơ khác. Cũng vẫn hồn nhiên ngây thơ chào đón nàng Xuân đến. Trong tâm tư rộn lên bao nỗi niềm ước mơ hy vọng. Khi ngắm cảnh quang Xuân sắc của mùa Xuân, đứng trước cảnh vật mỹ quan tuyệt đẹp của hoa nở, của chim kêu, của bao cảnh đẹp thiên nhiên tô điểm Xuân sắc càng thêm nổi bật. Lòng người cũng theo đó mà vui tươi rộn rã, cũng háo hức quyện vào cảnh đẹp của thiên nhiên. Đó là tâm trạng của nhà vua, khi còn trẻ ở vào lứa tuổi thanh xuân.

Hai câu sau, ý nói, khi tìm thấy khám phá được đạo lý rồi, thì Ngài cõi bỏ mọi tài sắc, danh vọng, quyền lực ở thế gian, tìm con đường giải thoát, không những cho riêng mình, mà còn cho tất cả chúng sinh. Đó là con đường hành hoạt xuất thế. Chúa Xuân là chỉ cho một thực thể bất sanh, bất diệt, hằng hữu mà cái "Biết" chân thật vượt ngoài thời và không gian. Kinh Lăng Nghiêm gọi thực thể này là: "*Thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể*". Thường trụ là một thực thể hằng hữu luôn luôn có mặt. Chúng ta vì quên cái thực thể này mà theo dòng vô minh tạo nghiệp, rồi phải chịu nổi trôi trong "ba cõi" "sáu đường". Khi khám phá được cái thực thể bất sanh bất diệt này rồi, và hằng sống được với nó, thì ngang đó là không còn tạo nghiệp để nổi trôi theo dòng sanh tử luân hồi nữa.

Nói cách khác, ngang đó là hoàn toàn giải thoát. Chùng đó mới thực sự là một con người tự do, tự tại hành hoạt mà không có gì làm ngăn ngại. Tâm Kinh gọi đó là "Vô quái ngại". Nghĩa là không còn gì phải bận lòng, sống thông dong tự tại đi trong lòng cuộc đời để hóa độ chúng sanh. Nhưng cũng không thấy một chúng sanh nào được độ. Đó mới thực sự là tâm hành Bồ tát đạo. Bây giờ thì: "*Chiếu trái giường Thiên ngắm cánh hồng*". Khi chưa khám phá được đạo, thì cũng chiếu trái giường, nhưng trái trên giường nhiễm trước; còn khi hiểu đạo rồi, thì chiếu trái giường Thiên, mặc tình tha hồ ngắm cảnh tiêu dao. Dù đó là những cánh hồng rất duyên dáng mỹ miều đẹp đẽ, cũng không đủ sức làm lay động quyền rũ tâm thức của một con người đạt đạo.

Bây giờ, chúng ta hãy bước sang qua một vị Thiền Sư khác, đó là Thiền Sư Giác Hải đời Lý. Xem thử Thiền Sư Giác Hải nói gì về Xuân:

*Xuân lai hoa dập thiện tri thì
Hoa diệp ứng tu cộng ứng kỳ
Hoa diệp bốn lai giai thị huyển
Mạc tu hoa diệp hướng tâm trì*

Dịch:

*Xuân về hoa bướm gặp nhau đây
Hoa bướm phải cần hợp lúc này
Hoa bướm xưa nay đều là huyển
Giữ tâm bền chặt bướm hoa đây*

(HT Thích Thanh Từ)

đau kia sẽ bùng nổ dữ dội. Có biết bao thảm cảnh xung đột bạo hành sát hại lẫn nhau trong gia đình. Đó là một hậu quả khổ đau mà nguyên nhân chính là bởi do ý thức chủ quan, điều động bởi vô minh nặng lòng vị kỷ chấp ngã mà ra. Từ đó, tình thương yêu trong gia đình mất định hướng xây dựng hạnh phúc và gây nên cảnh nồi da xáo thịt, cốt nhục tương tàn, nhà tan cửa nát. Thật là thâm.

Cứ nhìn vào thực trạng của xã hội loài người hiện nay, chúng ta thấy một sự phản ánh rất trung thực trong sự mất gốc đạo đức nhân bản này. Phải chăng, đó cũng là hậu quả của một nền giáo dục đặt định quá thiên trọng đề cao chủ nghĩa cá nhân và nhất là quá đặt nặng hướng ngoại về khoa học kỹ thuật vật chất, mà xem nhẹ coi thường yếu tố đạo đức tinh thần. Nhất là đối với thế hệ trẻ ngày nay, phần lớn, phải thành thật mà nói, dường như chúng đã đánh mất niềm tin định hướng đạo đức làm người. Chúng không còn tin tưởng vào thế hệ người lớn, nhất là đối với các bậc phụ huynh, những người có trách nhiệm hướng dẫn giáo dục, gần như là cha mẹ của chúng. Chúng đã chứng kiến đời sống của cha mẹ không có hạnh phúc. Thường hay rầy rà cãi vã kinh chống tranh chấp hơn thua với nhau. Từ đó, chúng đi tìm một lối sống riêng không còn thắt chặt mối dây liên hệ mật thiết gia đình. Đó là hậu quả dẫn chúng đi vào con đường tội phạm sa đọa và rồi tạo thành một mối cực kỳ nguy khốn lớn lao cho xã hội.

Bức tranh xã hội hiện nay ngày càng đen tối ảm đạm gần như tuyệt vọng. Giới trẻ đã thực sự nổi loạn. Chúng nổi loạn từ trong gia đình, trường học và lan lây rộng ra ngoài

Nền Tảng Hiếu Đạo

Hiếu đạo là nền tảng vững chắc để xây dựng đạo đức cá nhân, gia đình và xã hội. Bất cứ truyền thống của nền văn hóa nào, dù xưa hay nay, dù văn minh hay lạc hậu, tất cả đều không thể coi thường hiếu đạo. Riêng đối với nền văn hóa Việt Nam chúng ta, hiếu đạo luôn được dân ta đề cao và làm nền tảng cho mọi sinh hoạt hướng thượng tốt đẹp. Đức "*hiếu sinh và hăng hóa*" luôn là định hướng chỉ đạo cho nếp sống thẳng hoa trong mọi tư tưởng và hành động. Có thể nói, hiếu đạo là nguồn sống thiêng liêng, là chất keo gắn bó trong mối tương quan mật thiết giữa gia đình và xã hội. Nếu gia đình mất đi chất keo đạo đức thương yêu gắn bó hòa ái này, thì mái ấm gia đình chắc chắn sẽ bị mất gốc, lỏng lẻo và không khéo sẽ đi đến tai hại tan nát đổ vỡ. Và từ đó, nó sẽ dẫn đến hậu quả gây nên tình trạng bất an hệ lụy cho xã hội.

Có biết bao gia đình đã và đang lâm vào hoàn cảnh tang thương bi đát, chỉ vì những thành viên trong gia đình thiếu "*hiếu biết, cảm thông, thương yêu và nhường nhịn*" lẫn nhau. Từ đó, gây nên những mâu thuẫn xung đột bất hòa và mỗi người trở thành là một ốc đảo khép kín. Tuy sống chung trong một gia đình mà nguồn yêu thương cảm thông như bị héo mòn khô kiệt. Mỗi cá nhân luôn sống trong nỗi uất hận, buồn chán, dồn nén những "*nội kết*" phiền muộn, bức xúc, bất an. Đến một lúc nào đó, không còn chịu đựng được nữa, thì nỗi căm tức oán hận buồn

Nội dung của bài thi kệ này, ta thấy rõ, tác giả nêu ra hai hình ảnh: Tục đế và chơn đế rõ ràng. Hai câu đầu là nói lên mọi vật đều bị cuốn phăng theo dòng thời gian và qua lại trong không gian chưa từng ra khỏi. Mùa Xuân về (chỉ cho thời gian) hoa bướm gặp nhau (chỉ cho không gian) đó là lúc giữa thời gian và không gian tương hợp. Hoa và bướm là biểu trưng cho hình ảnh động vật và thực vật. Động vật thuộc về hữu tình thế gian. Hoa là chỉ cho loài thực vật, thuộc về vô tình thế gian. Nếu bướm cứ mãi bám vào hoa, thì bướm kia sẽ vô cùng đau khổ. Vì hoa nào tồn tại mãi với thời gian. Cái không tồn tại mà cứ mãi bám vào thì thử hỏi làm sao tránh khỏi sự đau khổ? Hiện con người của chúng ta cũng thế. Chúng ta đang bị lệ thuộc vào thời gian và không gian. Cũng như hoa và bướm đang lệ thuộc vào mùa Xuân. Nếu chúng ta không ý thức được vạn vật vô thường mà cứ mãi bám víu vào ngoại cảnh, nói rõ là 6 trần, thì tránh sao khỏi luân hồi sanh tử. Đó là hai câu đầu, Thiên Sư Giác Hải mượn hai hình ảnh hoa và bướm để cảnh tỉnh răn nhắc chúng ta. Đó là đứng trên bình diện Tục đế mà nhận xét.

Đến hai câu cuối, tác giả nhấn mạnh vào đạo lý chơn đế. Hoa và bướm cả hai đều là hư huyền. Đã hư huyền thì làm gì có thật. Chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức cả hai đều hư ảo, nhưng tánh của chúng là vắng lặng rỗng suốt (không tịch). "*Năng lẽ sở lẽ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghì*". Đó là hai câu trong bài Tán Phật, mà chúng ta thường trì tụng khi hành lễ. Đứng về mặt tướng tất cả đều là giả dối không thật. "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" (Kinh Kim Cang) Chữ hư vọng có

nghĩa là giả dối mà đa số chúng ta đều bị nó lường gạt. Bởi ta cứ tưởng là thật, nên ta mới bám chặt vào các tướng. Tuy mọi hiện tượng là giả, nhưng vì chúng ta chưa nhận ra thể tánh chơn thật của các pháp, nên chúng ta luôn bị chúng gạt gẫm vào con đường sanh diệt, diệt sanh luân hồi bất tận. Muốn chấm dứt sự lường gạt đó, với điều kiện là chúng ta phải gan dạ nhìn thẳng vào bản chất thực của chúng. Trước nhất là chúng ta phải vận dụng trí huệ để quán chiếu sâu vào tự thân. Phải thấy nhận diện cho thật rõ thân này là duyên hợp giả tạm. Bởi do ngũ uẩn kết hợp hình thành. Thân đã như thế, thì ngoại cảnh cũng thế. Nghĩa là muôn loài vạn vật, dù hữu tình hay vô tình, tất cả đều là hư giả. Phải nhận thức rõ như thế, thì chúng ta mới mong không bị chúng lường gạt. Tuy mọi vật đều phô bày trước mắt ta, nhưng ta không bám víu dính mắc vào chúng, thì dù chúng có đó nhưng cũng như không, vì chúng không thể lừa dối được ta. Hoa là hoa, bướm là bướm, đến đây, hành giả đã triệt tiêu chủ và khách thể, cả hai đối đãi không còn. Đến đây mới thấy được giá trị câu nói siêu việt của đức Lục Tổ Huệ Năng nói với Thượng tọa Minh bằng câu nói bất hủ: *"Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính ngay giây phút đó cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh"*. Chính nhờ câu nói khẳng khái mãnh liệt này mà ngài Huệ Minh mới thấy được con người chơn thật của chính mình. Khi thấy được con người thật rồi, thì mới biết rõ được con người giả. Đó là mặt mũi xưa nay của chính mình. Nói rõ hơn là: "mặt mũi xưa nay là mình". Đó là tìm ra được người "Chủ" xây dựng căn nhà năm uẩn này. Khi đã liễu ngộ như thế, thì đâu còn là kẻ nô lệ tù đày nữa. Đến đây, mới thực sự phông tay vào

sao? Vì nghĩa của Bồ tát là tự giác và giác tha hay tự lợi và lợi tha.

Ngoài đội ngũ hùng hậu này ra, còn có biết bao những con người mang tâm hồn vị tha nhân ái khác. Họ là những người âm thầm chịu khó, chịu khổ, dần thân phục vụ như cung cấp thực phẩm cho các bác sĩ, y tá... Đồng thời có nhiều người phát tâm may khẩu trang tại nhà để cung cấp cho các bệnh viện. Phải chăng đó là những tấm lòng vàng mà họ đã quyết tâm hành thiện, dù chỉ là một việc lành rất nhỏ họ cũng quyết không thể bỏ qua. Họ cùng tương trợ giúp đỡ cho nhau trong cơn hoạn nạn. Quả đúng như lời người xưa nói, trong cơn hoạn nạn mới biết người có lòng nhân. Như vậy, thay vì lay lục van xin khẩn nguyện cầu Bồ tát hộ độ ở trên bàn thờ, sao bằng chúng ta cùng nhau quyết tâm thể hiện tâm nguyện của Bồ tát ngay trong hành động cụ thể cứu người. Như thế, có phải là thực tế và tốt hơn không? Đừng tìm Bồ tát ở đâu xa, mà hãy tìm những Bồ tát ở chung quanh mình. Nếu chúng ta hằng tưởng niệm đến Bồ tát Quán Thế Âm, thì mỗi người nên mở rộng cõi lòng và sẵn sàng ra tay cứu giúp cho mình và người chóng thoát qua cơn đại dịch này. Đó là chúng ta thật hành đúng theo hạnh nguyện của Bồ tát Quán Thế Âm là cứu khổ cứu nạn bằng tâm thức sáng suốt và tình thương rộng lớn của mỗi người chúng ta vậy.



chịu ứng dụng ngay trong lời dạy thiết yếu này? Hiện trạng dịch bệnh Covid -19 đang lan lây trên toàn cầu hiện nay, rất cần những tâm hạnh Bồ tát có đủ ngàn mắt, ngàn tay để dẫn thân cứu đời giúp người. Một Bồ tát khi lăn xả vào đời cứu nhân độ thế, tất nhiên, Bồ tát đó phải trang bị cho mình có đầy đủ hai đức tính: "Từ bi và Trí huệ". Tuy nhiên, chỉ có Bi và Trí không thôi cũng chưa đủ, mà Bồ tát cần phải trang bị cho mình có thêm ý chí Dũng lực nữa. Dũng là một sức mạnh của tinh thần kiên quyết vượt qua tất cả mọi gian nguy thử thách khó khăn. Có thể, thì mới có thể hoàn thành tâm nguyện của Bồ tát đạo.

Hơn bao giờ hết, trong bối cảnh của đại dịch Covid-19 hiện nay, chúng ta thấy có biết bao vị Bồ tát anh dũng hiên ngang xông pha đương đầu chống lại dịch bệnh. Họ là ai? Họ cũng chỉ là những con người bằng xương bằng thịt như chúng ta. Nhưng họ có một tấm lòng nhiệt huyết vị tha nhân ái, dám hy sinh dũng cảm hơn chúng ta. Họ là những đội ngũ tiên phong các bác sĩ, y tá, y công v.v... ngày đêm túc trực trong bệnh viện để tìm mọi phương cách cứu nguy cho các bệnh nhân. Họ bất chấp hiểm nguy đến tánh mạng, dù họ biết rằng sự nguy hiểm đó có thể cướp đi mạng sống của họ. Ngoài cá nhân họ ra, họ còn có vợ con hay những người thân thuộc khác. Thế mà, vì lương tâm nghề nghiệp, vì sự sống còn của mọi người, không phân biệt màu da chủng tộc, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo, họ chỉ biết, trước mắt họ là những bệnh nhân đang oằn oại cần họ cứu chữa trị liệu mà thôi. Ngoài ra, họ không cần biết gì khác nữa. Đó không phải là những con người đang thật hành tâm hạnh của Bồ tát đó

chợ hay hòa quang đồng trần nhập thế độ sanh. Đó là chúng đạt được chơn đế, nhưng cũng không rời Tục đế. "Nhị đế dung thông tam muội ẩn".

Đến Thiên Sư Chân Không khi có một thiền khách hỏi Ngài về ý Xuân. Ngài đáp vồn vện chỉ có hai câu:

*Xuân đến Xuân đi ngõ Xuân hết
Hoa nở hoa tàn chỉ là Xuân.*

Đây là một hình ảnh tuyệt đẹp của mùa Xuân bất tận. Mùa Xuân mà Thiên Sư Chân Không nói ở đây, không có nghĩa là mùa Xuân theo sự vận hành của thời tiết, hạn cuộc vào thời gian. Thông thường, hầu hết chúng ta luôn bị kẹt vào thời gian. Vì kẹt vào thời gian nên mới thấy có Xuân đến rồi Xuân đi. Đó là mùa Xuân ngoại tại, theo sự vận hành đổi thay vô thường. Cuộc sống thường nhật của chúng ta luôn mơ ước những gì tốt đẹp cho ngày mai. Chúng ta luôn đánh mất hiện tại. Tiếc nuôi dĩ vãng, khao khát hướng vọng về tương lai, đó là tâm trạng của con người phàm tục chúng ta. Chúng ta luôn bị giam hãm trong hai cái ngục tù đó. Nhưng chúng ta đừng quên rằng, sự sống chỉ có mặt thực sự là trong giây phút hiện tại mà thôi. Đánh mất hiện tại là đánh mất sự sống. Do đó, mà chúng ta không tiếp xúc được với sự sống, dù sự sống chung quanh ta rất là màu nhiệm. Nước chảy, thông reo, chim hót, hoa nở, mây bay v.v... tất cả đều là cảnh quan tươi đẹp màu nhiệm. Vì chúng ta luôn hỏi hả vội vàng về hướng tương lai nên quên mất hiện tại. Trong khi đó hiện tại là những cảnh vật luôn luôn hiện hữu với ta. Chúng ta

đừng quên, tương lai có ra chính là do chất liệu hiện tại tạo nên. Muốn xây căn nhà đẹp, trong khi đó chúng ta không có một vật liệu nào hết, tiền không có, vật liệu cũng không, vậy thì thử hỏi căn nhà đó có với chúng ta hay không? Hay căn nhà đó, chỉ có trong ảo giác giấc mơ tưởng tượng mà thôi. Bởi chất liệu hiện tại không có, thì đừng hòng mong có được ở tương lai.

Mùa Xuân có qua đi, hoa nở hay hoa tàn, tất cả đều hệ thuộc vào tính chất vô thường luật định của nó. Không gì cảnh vật đổi thay mà lòng người cũng thay đổi, như vậy thì chúng ta chưa hiểu được Ý Xuân. Hoa mai tuy có rụng hết, nhưng cành mai kia vẫn còn. Như vậy, Thiền Sư Chân Không muốn nhắc nhở nhấn nhủ với chúng ta rằng, Xuân đến, Xuân đi, hoa nở, hoa tàn, đó chỉ là ngoại cảnh theo dòng thời gian sinh diệt. Còn cái bất sanh bất diệt thì không hệ thuộc vào thời gian hay không gian. Chính cái chơn thật này mới thực sự là mùa Xuân miên viễn mà mỗi người chúng ta cần phải tìm cho được mùa Xuân này.

*Xuân đạo lý mùa Xuân bất diệt
Xuân chơn như không hạn cuộc thời gian
Sống vui Xuân trong cảnh khổ cơ hàn
Người con Phật vẫn vui niềm thanh thoát.*

(Thích Phước Thái)

Đến đây, ta hãy nghe thêm một vị Thiền Sư nữa nói về Xuân. Thiền Sư Cao Phong Diêu ngâm nga 4 câu thơ, trước đại chúng trong ngày Tết Nguyên Đán.

*Bách niên nan ngộ tuệ triều Xuân
Xá nữ sơ trang việt dạng tân*

Tất cả muôn pháp lành đều phát xuất từ tâm lòng yêu thương rộng lớn. Tình yêu thương này không phân biệt thân sơ, bao trùm khắp cả muôn vật. Đó là ta thể hiện "Tâm đà la ni". Đây mới thực sự là tâm hạnh của Bồ tát, nguyện với lòng không từ nan bất cứ một hạnh lành nào, dù chỉ là một việc lành rất nhỏ. Như thế mới thật sự xứng hợp với bài kệ Phật dạy:

*"Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý trong sạch
Đó là chơn Phật dạy".*

Bài kệ ngắn gọn này đối với người học Phật, thiết nghĩ, chắc ai cũng thuộc nằm lòng. Tuy nhiên, học thuộc thì rất dễ, nhưng thật hành thì rất khó. Rất khó thôi, chứ không phải là không làm được. Các điều ác chớ làm, đặt nặng phần tự lợi. Vâng làm các điều lành, đặt nặng phần lợi tha. Như vậy tự lợi và lợi tha là hai hạnh nguyện thiết yếu của người tu Phật. Muốn thành tựu quả vị Phật, thì mỗi hành giả cần phải thật hành nghiêm chỉnh hai hạnh nguyện này. Nói cách khác là phải tự giác và giác tha, đến khi nào cả hai công hạnh này đều hoàn toàn viên mãn, thì gọi đó là bậc Đại Giác Thế Tôn.

Tóm lại, qua phần tìm hiểu khái lược trên, cho chúng ta thấy rằng câu mở đầu của toàn bài tụng Chú Đại Bi rất là quan trọng. Chỉ cần tu tập đúng theo tinh thần của câu mở đầu này, thì chúng ta sẽ có nhiều lợi lạc vô cùng. Thay vì chúng ta ngồi đó mà trì tụng, thì tại sao chúng ta không

phải là từ bi, mà tình thương đó chỉ là ái kiến. Ái kiến là thứ tình yêu thương nặng về tình cảm luyến ái triền phược. Người ta không riêng gì luyến ái người thân mà còn luyến ái cả những tài vật sở hữu mà người ta tạo ra. Đó là thứ ái kiến ngã và ngã sở. Người nào còn nặng mang nhiều ái kiến thì người đó rất đau khổ. Ngược lại, từ bi thì có khác. Từ bi là lòng yêu thương bao la chan hòa cùng khắp. Đó là thứ tình thương xả kỷ bất vụ lợi. Từ bi khác hơn ái kiến là ở chỗ đó. Từ bi giống như ánh sáng mặt trời tỏa chiếu khắp muôn nơi. Vì ánh sáng mặt trời soi tỏ không phân biệt nơi nào. Còn ái kiến giống như ánh sáng của cây đèn pin chỉ chiếu soi trong một phạm vi nhỏ hẹp. Vì thế nên ái kiến thường rơi vào trạng huống vị ngọt của tình yêu thương vị kỷ. Còn từ bi là thứ tình thương chỉ biết mang lại hạnh phúc đến cho muôn loài, nên chỉ có vui mà không có khổ.

Như vậy, ta thấy lòng từ bi cứu khổ của Bồ tát không có gì làm ngăn ngại nên nói là "Vô ngại đại bi". Tình thương bao la rộng lớn không biên giới này, chỉ có Phật và các vị Đại Bồ tát mới có được. Còn phàm phu chúng ta lòng từ bi còn rất yếu kém nhỏ hẹp. Thế nên, trên bước đường tu tập, chúng ta luôn cố gắng trau dồi phát triển công hạnh từ bi, mở rộng lòng thương yêu được bao nhiêu là tốt bấy nhiêu. Nói phát triển công hạnh từ bi là vì chúng ta đã sẵn có bản chất từ bi. Vì sẵn có nên chúng ta cần phải mở rộng phát huy mạnh mẽ hơn. Càng khai phát mở rộng lòng thương rộng lớn chừng nào, thì chắc chắn chúng ta sẽ có an lạc hạnh phúc nhiều chừng ấy. Đó là một sự thật mà mỗi người chúng ta tự chứng nghiệm bản thân thì biết rõ.

*Duy hữu Đông thôn vương đại tá
Ý tiền mãn diện thị ai trần*

Dịch:

*Trăm năm khó gặp một ngày Xuân
Trang điểm cô em vui vẻ mừng
Chỉ một Làng Đông riêng chị ở
Như xưa trên mặt phủ bụi hồng.
(HT Thích Thanh Từ)*

Đọc qua bài thơ này, ta thấy Thiền Sư Cao Phong Diệu dường như nói những việc xảy ra rất tầm thường. Tác giả diễn tả một cô gái trang điểm lòe loẹt quần nầy áo nọ trong ngày Xuân. Ai cũng biết, mùa Xuân là mùa khí hậu ôn hòa ấm áp, hoa lá xanh tươi, muôn ngàn vẻ đẹp đều phô bày trước mắt. Cảnh vật đã thế, thì nói chi đến con người khi Xuân về mà không trang điểm cho đẹp. Các cô thiếu nữ trẻ trung kiêu diễm áo tím quần hồng, trâm cài lược giắt, lũ lượt kéo nhau đi thăm viếng chúc tụng mừng vui từng nhà. Thực là một quang cảnh nhộn nhịp xinh tươi của một ngày Xuân. Trong khi mọi người đang vui vẻ khoe hương khoe sắc, thì bên Làng Đông có một cô nàng đứng tuổi với vẻ mặt nghiêm trang như tượng nữ thần, im lìm như thạch nữ mặc cho sương pha bụi phủ, không hề vương chút bụi trần đổi thay. Vẫn giữ được vẻ mặt nghiêm trang, bình thản an nhiên như tự thuở nào.

Đó là nói lên ý gì? Đâu có Thiền Sư nào rảnh rỗi dành thời gian để ca tụng một cô thiếu nữ hương sắc tuyệt trần như thế! Đây chẳng qua là một xảo thuật của Thiền Sư khéo trình bày cho chúng ta thấy, trong cái hình ảnh đổi thay vô thường sinh diệt, lại có cái thực thể bất sinh bất

diệt ân tàng trong đó. Vì thế, khi đọc sách thiên, chúng ta không nên chạy theo những hình ảnh sắc trần mà các ngài thường mượn cảnh ngoài để diễn tả. Thiên là một nghệ thuật sống. Chúng ta phải cẩn trọng đừng để các ngài lừa chúng ta. Thiên không phải là cái gì nằm ở bên ngoài mà thiên chính là sự sống chân thật của chính ta. Thiên không có ý đưa chúng ta vào thế giới mê hồn trần của khái niệm ngôn ngữ. Mà thiên là cái gì rất thực tế. Chúng ta hay có thói quen vẽ rắn thêm chun. Rắn vốn không chun, mà chúng ta dồi dào tưởng tượng quá nên vẽ quá nhiều chun. Thực tế cuộc đời này không có gì quan trọng mà chúng ta vẽ vời tô điểm thành quá quan trọng. Càng vẽ vời thì lại càng xa thực tế. Chúng ta đừng quên hai câu mà Phật đã dạy trong Kinh Lăng Nghiêm:

*"Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn
Tri kiến vô kiến, tư tức Niết bàn"*

Thấy biết mà còn lập thêm thấy biết thì đó là gốc vô minh. Ngược lại, thấy biết mà không lập thêm thấy biết thì đó là Niết bàn. Như vậy, Niết bàn không phải là cảnh giới nào xa xôi mà chúng ta không thể với tới, mà Niết bàn nằm ngay trong cái thấy biết hằng ngày của chúng ta. Thường chúng ta hay có cái bệnh, không chịu thấy biết đơn giản, mà muốn cầu kỳ vẽ vời tô điểm thêm đủ thứ. Thấy trái núi không ai chịu biết đó là trái núi, mà phải nghĩ ngợi tô đậm trái núi lên qua nhiều hình thức bằng cái óc tưởng tượng vẽ vời của chúng ta. Do vậy, mà chúng ta đánh mất bản chất thực tại của trái núi. Nếu thấy núi chỉ biết là núi thôi, đừng có thêm một khái niệm gì nữa, thì trái núi kia đẹp biết mấy. Nhưng không, ít ai chịu nhìn như thế, bởi chúng ta có quá nhiều ý niệm về trái núi. Từ đó mới có ra nhiều

Đại trí huệ. Bi và Trí, cả hai đều được thành tựu viên mãn là thành Phật, đó là biểu trưng cho tượng Phật Di Đà đứng giữa. Qua những hình ảnh này cho ta thấy rõ giữa Từ bi và Trí huệ trong đạo Phật rất là tối ưu quan trọng. Chính vì thế nên con mắt sáng là tượng trưng cho trí huệ. Tay là tượng trưng cho từ bi. Đó là nêu rõ Bi và Trí luôn luôn có mặt song hành với nhau. Nếu nói một cách nghiêm khắc hơn thì, trong bi có trí và trong trí có bi. Nếu có bi mà không trí thì bi đó trở thành mù quáng. Ngược lại, trí không bi là trí khô khan (càng huệ địa) không làm lợi ích gì cho ai. Nếu chỉ có con mắt sáng mà không có tay, thì cũng chỉ để nhìn xem thôi, chứ không làm gì lợi lạc cho ai cả. Ngược lại, có tay mà không có mắt, thì cũng không làm được việc gì. Thế nên cả hai đều rất cần thiết cho việc độ sanh, cũng như trong việc hành trì áp dụng ngay trong đời sống hiện thực. Hơn nữa, chúng ta thấy hình ảnh tôn tượng của đức Chuẩn Đề có nhiều tay, nhiều mắt, với thâm ý là để tiêu biểu cho lòng từ bi và trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm ứng hóa thân cùng khắp để cứu độ chúng sanh.

Như thế là chúng ta cũng tạm hiểu phần nào về ý nghĩa của ngàn tay và ngàn mắt rồi. Tuy nhiên, chúng ta cũng đừng quên cụm từ kế tiếp là lòng thương rộng lớn vô biên của Đại Bồ tát Quán Thế Âm. Gọi là "Vô ngại đại bi". Từ bi của Bồ tát là thứ từ bi không đòi hỏi điều kiện (vô duyên từ bi). Còn có điều kiện là lòng từ bi còn có giới hạn. Và như thế tất nhiên, là không phù hợp với bản chất từ bi. Cần nói thêm, chúng ta đừng lầm lẫn giữa từ bi và ái kiến. Mẹ thương con không phải là từ bi. Vợ chồng thương nhau, hay ông bà thương con cháu, đó cũng không

Bởi cánh tay là để làm công kia việc nọ, nếu không có tay, thử hỏi chúng ta làm được gì? Tục ngữ có câu: "Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ". Như vậy, nhờ có hai bàn tay, ta mới có thể làm nên sự nghiệp hữu ích. Ở đây ta thấy, mở đầu Chú đại bi là nêu lên "Ngàn tay, Ngàn mắt" và tiếp theo là nêu rõ lòng từ bi của Bồ tát Quán Thế Âm rộng lớn vô biên không ngại. Đó là "Vô ngại đại bi". Tâm đại bi đó thu nhiếp tất cả các pháp lành không bỏ sót một pháp lành nào cả (tâm đà la ni). Dù là một việc lành rất nhỏ nhiệm, Bồ tát cũng vẫn làm. Vì đó là những pháp lành nhằm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nêu ra số ngàn đó chỉ là một con số tượng trưng, còn cánh tay là biểu trưng cho hành động. Vì từ bi là hành động cứu đời giúp người chứ không phải là lời nói suông cho sướng miệng. Nếu chỉ biết nói suông thì thử hỏi có làm lợi ích gì cho ai? Và như thế thì sao gọi là Bồ tát? Đó là nói ý nghĩa của ngàn cánh tay.

Giờ chúng ta sẽ tìm hiểu về ngàn con mắt. Chúng ta nên nhớ, trong đạo Phật khi nói đến từ bi mà không nói đến trí huệ thì đó là điều rất thiếu sót. Từ bi và trí huệ luôn đi đôi với nhau, gọi là bi trí song vận hay tri hành hợp nhất. Chính vì thế, nên người ta tôn thờ hai vị Bồ tát: Phổ Hiền và Văn Thù song song với nhau. Hễ có Bồ tát Phổ Hiền (tượng trưng cho từ bi) thì bên cạnh đó phải là Bồ tát Văn Thù (tượng trưng cho đại trí). Sự tôn thờ bên Tịnh độ tông ta cũng thấy rất rõ ở tượng tam Thánh: Hai bên phải và trái thì có hai vị Bồ tát: Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Chính giữa là đức Phật A Di Đà. Bồ tát Quán Thế Âm là tiêu biểu cho Đại từ bi. Bồ tát Đại Thế Chí là tiêu biểu cho

hiểu biết phân biệt về trái núi. Mỗi người nhìn trái núi theo lăng kính của mình, rồi tranh cãi nhau theo sự nhận thức biến kế của mình. Đó là cội gốc của vô minh. Đó cũng là cội gốc của sự tranh chấp gây nên bao hận thù kỳ thị chém giết nhau, cũng chỉ vì nhìn trái núi qua nhiều phương diện. Chúng ta hay có thái độ cực đoan, chủ quan, bắt trái núi phải theo chủ quan nhận thức của mình. Chính đó là đầu mối của sự tương tranh, gây nên chiến tranh là thế.

Cái hay của thiền là không cho chúng ta quá đi sâu vào thế giới "Đói chất cảnh" hay "Độc ảnh cảnh", mà thiền muốn chúng ta hãy sống thực với "tánh cảnh". Phải tiếp xúc trực tiếp với sự vật mà không cần phải qua khái niệm. Có khái niệm là có chia chẽ sự vật thành muôn ngàn mảnh vụn. Từ đó mà chúng ta rơi vào đau khổ. Thiền đưa chúng ta trở lại đầu nguồn của sự sống. Khi thở ra tôi có ý thức với hơi thở của tôi. Tôi biết rõ ràng hơi thở của tôi. Cái biết đó là trở về đầu nguồn của sự sống. Sống với chánh niệm là sống trong an lạc. Đó là ta khéo biết sống trong hạnh phúc. Thiền giúp cho chúng ta có được cuộc sống hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại.

Để kết luận bài viết này, chúng tôi xin tạm mượn 4 câu thơ của Thiền Sư Nhất Hạnh:

*"Thở vào tâm tĩnh lặng
Thở ra miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời".*

(TS. Thích Nhất Hạnh)

Quyền Lực Và Hạnh Phúc

Quyền lực có một hấp lực rất lớn mà hầu hết con người đều mong ước. Dù ở địa vị nào, người ta cũng muốn mình phải có quyền lực. Đối với thế gian quyền lực có nhiều địa vị đẳng cấp khác nhau. Tùy theo địa vị cao thấp mà quyền lực theo đó cũng có những dị biệt bất đồng. Quyền vua tôi, cha con, chồng vợ, thầy trò v.v... Ngoài ra, còn có một thứ quyền lực chung cho tất cả, đó là quyền làm người. Trong lĩnh vực chính trị, nếu như chúng ta sử dụng quyền lực mà thiếu căn bản đạo đức, thì rất là nguy hại cho nòi loài. Thế nên, muốn xây dựng quyền lực bền lâu, thì ta không thể thiếu tính chất đạo đức được. Ngoài những thứ uy quyền này ra, ta còn có những thứ uy quyền khác, cao đẹp hơn, vượt bậc hơn, đó là uy quyền tâm linh. Một thứ uy quyền vượt lên trên mọi thứ quyền lực giúp ta thoát khỏi mọi ràng buộc và sẽ đạt được hạnh phúc ngay trong đời sống hiện thực. Đây là một thứ quyền lực mà bất cứ ai cũng có thể sử dụng như là một lợi khí giúp ta luôn thăng hoa trong cuộc sống.

Thời xưa, có nhiều ông vua khéo biết sử dụng quyền lực tâm linh đi đôi với quyền lực chính trị, và đã mang lại nhiều sự lợi lạc cho bản thân, gia đình và quốc gia xã hội. Ở Ấn Độ, vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, thì có hoàng đế Asoka tức A Dục vương. Sau khi thống nhất đất nước, ông khéo biết áp dụng giáo lý Phật dạy vào đời sống để trị dân, và đã trở thành một vị quân vương nhân từ đức độ nổi tiếng. Ở nước ta, vào hai thời đại Lý, Trần, đã có những vị vua làm rạng danh đất nước. Đời Lý, thì có vua

Điều này nói lên ý nghĩa gì? và tượng trưng như thế nào? Đó là điều thắc mắc mà chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu.

Sở dĩ nêu ra ngàn cánh tay, theo tôi, thì đây chỉ là một ẩn dụ. Khi đọc tụng kinh điển Đại thừa, chúng ta sẽ gặp rất nhiều ẩn dụ. Tiêu biểu như Kinh Pháp Hoa chẳng hạn. Kinh Pháp Hoa Phật nêu ra nhiều ẩn dụ: Ngôi nhà lửa, Viên ngọc trong búi tóc của nhà vua, Hiện bảo tháp, Hóa thành, Bồ tát từ lòng đất vọt lên v.v... Tất cả đó là những hình ảnh Phật nêu ra để thí dụ chứ không có thật. Nếu chúng ta tụng đọc kinh mà không hiểu rõ những ẩn dụ này, cứ theo văn kinh diễn tả mà hiểu, thì đó là oan ức cho ba đời chư Phật. Vì thế mới có câu nói: "*Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhưt tự, tức đồng ma thuyết*". Nghĩa là y cứ theo Kinh mà giải nghĩa thì oan cho ba đời chư Phật, mà li Kinh ra một chữ, tức đồng với ma nói. Cho nên khi đọc tụng Kinh điển Đại thừa, ta nên cẩn trọng chú ý đến những ẩn dụ. Phật nêu ra những hình ảnh cụ thể để dụ, nhưng kỳ thật là Phật muốn ngầm chỉ một ý nghĩa thâm sâu khác. Vì nếu nói thẳng ra, e rằng người ta khó nhận hiểu. Thế nên, buộc lòng đức Phật phải mượn những hình ảnh cụ thể để diễn tả cho người ta dễ hiểu. Những ẩn dụ mà trong kinh đã nêu ra, cũng giống như là những câu chuyện ngụ ngôn mà ở thế gian người ta thường dùng. Nói cách khác là ý tại ngôn ngoại. Nghĩa là ý nghĩa ở ngoài lời nói. Bên nhà Thiền gọi đó là "Giáo ngoại biệt truyền".

Nói ngàn cánh tay là để nói lên ý nghĩa Từ bi. Nói cách khác là nêu ra một ý nghĩa hành động tức phải thật hành.

Ngàn Tay, Ngàn Mắt

Những ai thường trì tụng Chú Đại Bi đều biết rõ, ngay câu đầu đã nêu ra hình ảnh ngàn tay, ngàn mắt. Nếu ta tụng nguyên câu thì: "**Thiên thủ, thiên nhãn, vô ngại đại bi, tâm đà la ni**". Câu này, rõ ràng không phải là câu thần chú. Vì chúng ta có thể cắt nghĩa giải thích được. Nói cách khác câu này thuộc về Hiền giáo, chứ không phải Mật giáo. Nếu chiết tự để giải thích thì ta thấy toàn câu có một ý nghĩa rất thâm sâu. Thiên thủ là ngàn cánh tay. Thiên là ngàn, thủ là tay. Thiên nhãn là ngàn con mắt. Thiên là ngàn, nhãn là mắt. Vô ngại đại bi có nghĩa là lòng thương rộng lớn không gì ngăn ngại. Vô ngại là không có gì làm cản trở chướng ngại. Tâm đà la ni là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là tổng trì. Tổng trì có nghĩa là gìn giữ tất cả các pháp lành không cho sót mất.

Để hiểu rõ hơn, chúng tôi tạm phân giải ý nghĩa qua từng cụm từ một. Trước hết nói về ngàn tay (thiên thủ). Thử hỏi trên đời này, có người nào có ngàn cánh tay không? Thông thường, một người chỉ có hai cánh tay, nếu có thêm một hoặc nhiều cánh tay nữa, thì đây không phải là một con người bình thường, mà là một con người kỳ quái dị hợm. Thế thì tại sao ở đây nói đến tới ngàn cánh tay? Đến con mắt cũng thế. Thường thì một người chỉ có hai con mắt thịt (nhục nhãn). Nếu có thêm nhiều mắt thì không còn là một con người thường nữa mà là một con người quái dị. Thế thì tại sao ở đây lại nói đến ngàn con mắt?

Lý Công Uẩn, một vị minh quân khai sáng khởi đầu cho nhà Lý. Ông là người đã được sử sách ghi lại tôn vinh đánh giá rất cao trong việc trị nước an dân. Công lao của ông rất lớn. Ông khéo biết sử dụng quyền lực của mình trong việc trị nước an dân. Nếu chỉ biết sử dụng quyền lực chính trị không thôi, thiếu phẩm chất đạo đức cao đẹp, thiếu tấm lòng từ bi độ lượng bao dung rộng mở, thiếu sáng suốt trong việc hành xử xảo thuật quyền biến, tấn thối, biết mình, biết người, thì khó có thể thành công trong lĩnh vực cai trị. Những chất liệu đó có được là do đâu? Phải chăng là do ảnh hưởng sâu đậm và sức huân tu thiên quán trong Phật pháp. Nhà vua đã được Thiên sư Vạn Hạnh, một bậc kỳ tài đức độ vẹn toàn, un đúc uốn nắn đào tạo nhà vua từ thuở thiếu thời. Do ảnh hưởng chất "Thiền" Phật giáo mà nhà vua mới có được sinh thức và hành động một cách xuất sắc tuyệt vời. Đó là nhà vua khéo biết ứng dụng cả hai quyền lực: "Thế quyền và Tâm quyền". Tâm quyền thuộc về quyền lực của tâm linh. Quyền lực này tuy vô hình, nhưng nó đóng một vai trò chủ đạo rất quan trọng. Nói đến uy quyền tâm linh, ta không thể không nói đến ba thứ uy quyền tâm linh trong Phật giáo.

Uy quyền thứ nhất là Trí đức. Trí đức là đức tánh trí tuệ sáng suốt siêu việt. Một thứ trí tuệ vượt lên trên các thứ trí tuệ thông thường khác. Đây là thứ trí tuệ bát nhã, nó có khả năng quán chiếu sâu sắc, chặt đứt mọi thứ dây mơ rễ má phiền não. Uy quyền của trí tuệ này rất lớn. Nó soi sáng chỉ đạo cho một thứ uy quyền khác, đó là uy quyền Đoạn đức. Đoạn là chặt đứt hết mọi thứ. Cái uy quyền tâm linh thứ hai này, nó có khả năng đoạn trừ những thứ vô minh phiền não. Nó được sự huân luyện đào tạo rất tinh tế

của uy quyền tối cao thượng đỉnh trí tuệ. Nó là kẻ thừa hành rất giỏi trong việc tiêu diệt giặc loạn phiến não, đem lại sự trật tự an bình cho tâm thức. Do đó, người tu rất cần đến hai thứ uy quyền này. Bởi mục đích của người tu là muốn có được an lạc hạnh phúc. Muốn thế, thì cần phải sử dụng hai thứ uy quyền này thường xuyên. Đến uy quyền thứ ba là Ân đức. Ân đức là một thứ uy quyền làm cho mọi thứ đều được an bình tươi mát. Uy quyền này có khả năng bao dung tha thứ tất cả. Không ôm lấy hận thù, đức tánh của nó là bao dung rộng lượng cởi mở. Dù biết đó là kẻ hại mình, hoặc ganh ghét, kỳ thị với mình, nhưng nó không bao giờ cố chấp oán hận. Nó luôn luôn hỷ xả tha thứ và xoa dịu làm tan đi mọi vết thương lòng. Nó luôn che chở và hàn gắn cho những kẻ có ác tâm hãm hại gây ra tội lỗi làm tan nát đồ võ. Nó không bao giờ khởi tâm oán thù ai hết. Lòng từ bi độ lượng của nó rất cao thượng. Nó có đôi mắt thương người. Đó là thứ uy quyền có khả năng xây dựng tình người. Nó mang sức sống yêu thương hòa ái đến cho mọi người. Nó không phân biệt màu da chủng tộc. Nó có nguyện vọng mở rộng tình thương ôm lấy tất cả. Đó là thứ uy quyền mang lại sự trật tự an ninh cho quốc gia xã hội. Người đứng đầu cai trị muôn dân, thì cần phải học hỏi và khéo biết ứng xử ba thứ uy quyền tâm linh này vào đời sống thường nhật. Nhất là trong lúc sử dụng quyền hành thế lực của mình.

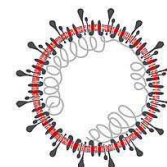
Chứng minh cho ba thứ uy quyền này, ta thấy các vị vua trong thời nhà Trần, từ vua Trần Thái Tông cho đến vua Trần Anh Tông, bốn vị vua này được người đời tôn xưng là bậc Thánh. Trong bốn vị vua, chỉ có Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông là xuất gia trở thành vị sơ tổ của

một đại họa khủng khiếp của nhơn loại. Điều này, tin hay không là tùy quý vị.

Thiết nghĩ, bấy nhiêu lời tâm tình trình bày của tôi hôm nay, kính mong quý vị hãy bình tâm suy xét. Dù sao, tôi cũng cảm ơn mọi người, mọi giới, đã chịu khó lắng nghe những lời tâm sự chân thành của tôi. Mong rằng, những ngày sắp tới, quý vị nhớ khi ra ngoài giao tiếp với mọi người, mỗi người nên cẩn thận là hơn. Thật ra, sự lan lây là do người này chuyển sang người khác. Chớ nếu ai cũng ý thức gìn giữ cẩn thận như những gì mà các bác sĩ, y tá thức nhắc căn dặn, cũng như những luật lệ nghiêm cấm của chánh quyền, thì tôi tin chắc rằng sự lây nhiễm sẽ không còn lan lây nhiều hơn nữa. Và thật tình, tôi cũng không muốn điều đó xảy ra. Những tâm tình của tôi hôm nay, nếu có gì sai trái xin mọi người hãy niệm tình thứ lỗi thương xót bỏ qua cho. Tôi luôn chân thành biết ơn mọi người. Và tôi sẽ sẵn sàng đón nhận tất cả những gì mà quý vị vô tình hay cố ý oán trách tôi. Tôi xin nhận mạnh và nhắc lại, thật tình tôi không bao giờ có ác ý muốn làm hại ai cả. Xin quý vị hãy lượng tình suy xét và chắc chắn một ngày nào đó quý vị sẽ hiểu những gì tôi nói hôm nay. Và chừng đó quý vị sẽ không còn oán trách tôi nữa.

Thân ái trân trọng kính chào toàn thể liệt quý vị

Ngày 20. 4. 2020



bá chủ thiên hạ, người ta vẫn luôn ôm ấp hy vọng và tìm đủ mọi cách để triệt hạ nhau cho bằng được. Như thế, thì biết đến bao giờ thiên hạ mới được yên thân và sống chung hòa bình an lạc! Viễn ảnh hòa bình ngày càng xa mờ... Nếu tâm mỗi người an bình, thì lo gì thế giới không an bình. Nhưng ngặt nỗi, tâm con người luôn luôn loạn động, ác tâm ngày càng mạnh mẽ, như thế thì bảo sao thế giới an bình cho được. An hay nguy, khổ hay vui, tất cả đều từ tâm thức của con người tạo ra. Lẽ ra, hơn lúc nào hết, chính lúc này họ phải thức tỉnh để yêu thương nhau hơn, tình người càng siết chặt thắm thía nhau hơn, cần tương trợ giúp đỡ cho nhau, chớ có đâu lại âm thầm ngầm ý triệt hạ hại nhau.

Sự có mặt của tôi khắp nơi, cũng là một sự thức nhắc mọi người nên ý thức đến vô thường, sinh diệt, sống chết nhanh như bóng chớp, như trở bàn tay. Lật qua thì còn, lật lại thì mất. Bản thân tôi cũng chết sống liên tục. Sanh rồi chết, chết rồi sanh. Có ý thức đến vô thường, vô ngã, nhân quả, như trong nhà Phật đã nói, thì tôi chân thành khuyên mọi người nên tu tĩnh nhiều hơn. Người ta cho đây là một trận đại dịch, theo như Kinh Phật nói, thì đây mới chỉ là một trong Tam Tai mà thôi. Tam tai là "dịch tai, hỏa tai và cơ căn tai". Cơ căn là đói khát. Đây là một đại nạn người ta chết vì đói khát. Nạn đói khát này người ta chết như rơm rạ không thể tính hết được. Biết thế, thì mọi người nên cố gắng tĩnh thức mà lo tu hành, cố gắng làm lành, lánh dữ, và luôn giữ tâm ý mình cho trong sạch. Như thế, thì còn may ra có thể chuyển nghiệp nặng thành nghiệp nhẹ, tức chuyển họa thành phúc vậy. Bằng không thì là

Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, còn lại ba vị vua kia (Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Anh Tông) đều với hình thức là cư sĩ. Dù là cư sĩ, nhưng đạo hạnh của các ngài thật xuất cách, không thua gì các vị xuất sĩ. Các ngài trị nước an dân bằng đường lối từ bi và trí tuệ của một vị quân vương Phật tử. Nghĩa là các ngài lấy ba đức nói trên làm phương châm hành trì tiến thủ. Do đó, mà các ngài được mọi người tôn kính xứng đáng là bậc phụ mẫu chi dân. Sở dĩ được như thế, là vì các ngài khéo biết sử dụng song hành hai thứ quyền lực trong khi cai trị. Nếu chỉ biết lợi dụng quyền lực trong tay của mình mà làm nhiều điều ác đức, thất nhân tâm, thì quyền lực đó trước sau gì nó cũng phản tác dụng trở lại hại mình. Như sắt sanh ra sét và chính chất sét đó trở lại tiêu hình của sắt. Thời nay, có biết bao người sử dụng quyền hành không đúng chỗ nên đã gây ra biết bao thảm họa cho mình và người. Vì cậy thế ý quyền nên ra tay hiếp đáp tàn hại kẻ khác.

Trường hợp như các hôn quân Tần Thi Hoàng của Trung Quốc, hay hôn quân vô đạo Lê Long Đĩnh (biệt danh là Lê Ngọa Triều) của Việt Nam. Và còn rất nhiều vị hôn quân vô đạo khác nữa. Đối với các ông vua hôn quân này, họ chỉ biết sử dụng quyền lực thế trị tối cao của mình mà nhẫn tâm chà đạp tàn hại lên những quyền lợi của kẻ khác. Đó là họ chỉ biết dùng quyền hành bạo lực để trị dân. Họ không biết sử dụng Đức trị. Họ là người bất chấp thủ đoạn gian ác. Ta nên biết rằng, các nhà cầm quyền dù xưa hay nay, bất cứ ở thời đại nào, mà thiếu Đức trị, họ chỉ biết sử dụng quyền lực thủ đoạn gian ác không thôi, thì kẻ đó sớm hay muộn gì cũng bị thân bại danh liệt và người đời luôn nguyện rửa. Thử hỏi các ông hôn quân này có ông

nào an hưởng được hạnh phúc hay không? Hay là các ông chết dần chết mòn trong đau khổ. Tâm các ông lúc nào cũng nơm nớp lo sợ bất an. Điều lo sợ nhất là họ lo sợ mất đi quyền lực của mình.

Sống trong một xã hội mà con người không còn một thứ quyền hành nào, kể cả quyền làm người cũng bị tước đoạt chà đạp, thì thử hỏi đời sống của người dân như thế nào? Câu hỏi này đã được các quốc gia bị trị như xã hội Ấn Độ thời Phật và Xã hội Việt Nam hiện nay đã chứng minh và trả lời thiết thực xác đáng. Cái quyền hành tối thiểu là quyền làm người cũng không còn, thì thử hỏi còn nói chi đến các thứ quyền lợi khác! Trong một xã hội có biết bao quyền sống. Mà cái gốc vẫn là quyền làm người. Vì có con người nên mới đặt ra những thứ quyền lực khác. Như quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, quyền tự do tôn giáo, quyền tự do tín ngưỡng, quyền tự do giao dịch vân vân và vân vân. Một khi mà quyền làm người đã mất, thì các quyền khác cũng không còn. Còn chẳng chỉ là hình thức giả trá che đậy mỹ dân bề ngoài, thực tế bên trong thì đã ruồng nát mất hết. Vì thế, mà trên thế giới người ta mới tổ chức ra một cái hội gọi là "*Hội Bảo Vệ Quyền Làm Người*". Tức là Hội bảo vệ nhân quyền. Nhưng đời hỏi là một chuyện, còn có được toại nguyện hay không lại là một chuyện khác. Điều này, chúng ta đã thấy rất rõ ở các quốc gia nhược tiểu bị trị. Bề ngoài tưởng như là tự do dân chủ, nhưng thực tế thì những kẻ nắm trọn quyền hành cai trị đứng đầu làm chủ dân. Thế thì, người dân thấp cổ bé miệng làm gì có được đời sống tự do an bình hạnh phúc? Thời xưa, tuy người dân sống trong thời đại quân chủ chuyên chế, nhưng nhờ các vị minh quân, các ngài

trực ngày đêm trong bệnh viện để cứu nguy chữa trị cho các bệnh nhân. Họ hy sinh phục vụ bệnh nhân bất kể tánh mạng của họ. Họ cũng có gia đình vợ con. Họ cũng muốn ở nhà để chung vui cùng với vợ con của họ. Nhưng họ vì lương tâm nghề nghiệp, vì bổn phận trách nhiệm của một lương y, nên họ không thể nào khoanh tay nhắm mắt làm ngơ an nhiên ngồi nhìn cho được. Thế là họ phải dấn thân tận tâm phục vụ hết mình. Mong quý vị hiểu và thông cảm cho họ. Quý vị có biết không, có rất nhiều bác sĩ và y tá đã bị mất mạng bởi do từ sự lây nhiễm của người khác. Như vậy, nếu quý vị cảm xót thương họ, thì tốt nhất là nên chịu khó ở nhà, tránh đi ra ngoài chừng nào thì càng tốt chừng ấy.

Quý vị có biết, sự có mặt của tôi kể ra từ lúc có mặt ở Vũ Hán cho đến nay trải qua thời gian cũng hơn 3 tháng. Vì thế, nên mọi người gọi là mùa dịch cúm. Đó là họ gọi một cách tổng thể, chớ không gọi đích danh tôi. Nhiều người cho đây là một thiên tai, nói như thế thật ra cũng chưa đúng hẳn. Nói thiên tai là do tự nhiên sanh ra. Thiên đây là thiên nhiên, chớ không phải thiên là ông trời. Như đã nói, tôi có mặt phần lớn là do tâm thức của con người chủ động. Nếu không, thì tôi đâu có mặt ở cõi đời này, để phải chịu nhiều oan ức. Thế thì phải nói hơn tai đúng hơn. Tuy nhiên, dù thiên tai hay hơn tai cả hai cũng đều gây ra làm cho người ta phải lãnh lấy những hậu quả tang thương hệ lụy khổ đau. Sự lan nhiễm chết chóc thương tâm như vậy, thế mà người ta cũng chưa chịu tỉnh thức. Họ cũng vẫn còn tìm đủ mọi cách gây hấn đấu đá, tranh giành, chém giết, chiếm đoạt lẫn nhau. Mong muốn làm

Có nhiều nơi, họ coi thường tôi, nên họ không phòng bị, cứ tụ họp vui chơi nơi chỗ đông người, rồi từ đó mới xảy ra việc lan truyền từ người này sang qua người khác. Đối với giới trẻ, họ còn có đầy đủ sức khỏe, năng lực dồi dào, khi tôi nhiễm vào, thì họ còn có đủ kháng thể chống chọi để vượt qua. Tôi nghiệp cho mấy ông già, bà cả, cơ thể của họ bị suy yếu, lại có người còn mang trong mình nhiều tật bệnh như: tiểu đường, máu cao, suy tim, phổi yếu, thận suy v.v... khi tôi nhập vào, họ không đủ sức đề kháng chống cự, vì thế mà họ không thể vượt qua như giới trẻ được. Nhìn thấy họ nằm quần quai rên la trên giường, thật tình tôi cũng đau lòng lắm, nhưng cũng không biết phải làm sao cứu họ. Thế là có người phải đi theo diện đoàn tụ ông bà, vĩnh viễn từ giã cõi đời này. Tôi thành thật khuyên mọi người, nhất là đối với những người trọng tuổi yếu đuối, trong giai đoạn này, không nên đi ra ngoài giao tiếp xã hội, tốt nhất là nên thường xuyên ở trong nhà. Đó là lời khuyên chân thành của tôi. Nếu có việc cần thiết lắm phải đi ra ngoài, thì quý vị nên nhớ mang khẩu trang cẩn thận và giữ khoảng cách giữa mình và người ít nhất phải là 2 mét. Những ai bị hắt hơi, sổ mũi, ho hen, thì phải nên tránh xa những người này, và phải khám nghiệm cách ly ngay. Như thế, thì tôi không thể nào xâm nhập vào cơ thể của quý vị được. Đó là tránh sự lan lây bảo đảm một cách an toàn cho mình và người.

Nếu mỗi người tự ý thức và giữ gìn cẩn thận, tuân hành theo luật cấm của chánh phủ, đó là quý vị đã tiếp tay giúp cho chánh phủ cũng như cho các bác sĩ, y tá và bảo vệ người khác. Tôi nghiệp cho các bác sĩ, y tá, họ phải túc

khéo biết lấy đức trị dân, nên đời sống của người dân cảm thấy dễ thở và an lạc hạnh phúc hơn. Thời nay, ở các nước văn minh tiên tiến, quyền dân chủ đã được đề cao, chánh quyền chẳng qua là người đại diện cho dân để thực thi những gì mà người dân mong muốn. Đó mới thực sự là dân chủ. Và đó mới thực sự mang lại những điều thực tế ích nước lợi dân. Vì nước giàu thì dân mới mạnh. Đó là luật tắc xưa nay. Ngược lại nước nghèo thì dân tàn tạ bệ rạc.

Tóm lại, hạnh phúc hay khổ đau đều do con người tự tạo lấy. Nhà cầm quyền thời nay, nếu khéo biết dùng "Đức" để trị dân như: các vị minh quân thời xưa của hai triều đại Lý, Trần ở Việt Nam và như vua A Dục ở Ấn Độ, thì đỡ khổ cho người dân biết bao nhiêu. Và như vậy, thì dân chúng sẽ không còn kêu than oán trách, cảm thấy mình là kẻ thấp hèn bị trị. Tất cả đồng quyết tâm xây dựng làm lợi ích cho quốc gia dân tộc. Sự đoàn kết trên dưới một lòng là yếu tố tất thắng. Được thế thì lo gì đất nước không hùng mạnh, vì mọi người đã đồng tâm hiệp lực chung lo góp sức xây dựng. Bởi đất nước không riêng là của ai cả. Không ai có quyền sở hữu đất nước cho riêng mình. Vì không phải riêng cá nhân nào, nên không ai có quyền dâng hiến bán rẻ cho ngoại bang. Xin đừng tạo thêm hố sâu ly cách giữa kẻ thống trị và người bị trị. Đó là một thứ giai cấp cũ rích đã lỗi thời xưa như trái đất rồi. Mong rằng, mọi người hãy tôn trọng quyền làm người như nhau. Và hãy noi gương các vị minh quân thời xưa mà cai trị đất nước. Dù mỗi thời đại tuy có khác nhau về mặt kỹ thuật văn minh tiến bộ, nhưng tâm lý con người vẫn không đổi khác. Tâm lý mặc cảm mình là kẻ bị trị, mất hết quyền tự

do dân chủ, đây là một thứ tâm lý mặc cảm ngàn đời bất di bất dịch. Nhà cầm quyền nên hiểu rõ tâm lý này mà phá tan mặc cảm của người dân bằng cách là phải lấy đức trị dân. Muốn có đức tất phải khéo biết ứng dụng tu tập chánh niệm, thiền quán. Nhất là phải học hạnh từ bi. Phải thể hiện cái uy quyền tâm linh lồng trong cái quyền hành thế trị, đó là khéo biết quân bình giữa hai thứ quyền lực tâm đạo và thế đạo trong việc cai trị đất nước. Phải lấy "Ba Đức" nói trên làm tiêu chuẩn trong việc thể hiện quyền lực của mình. Đó là con đường mang lại niềm an lạc hạnh phúc cho mọi người. Ngoài ra, không có con đường nào khác để kiến tạo một nền hòa bình an lạc hạnh phúc cho toàn dân. Mình có hạnh phúc thì mới có thể mang hạnh phúc đến chia sẻ cho mọi người. Các ông vua nói trên, vì các ông có quá nhiều hạnh phúc trong khi cai trị đất nước, nên các ông mới có thể chia sẻ cái hạnh phúc tuyệt vời đó cho mọi người. Sở dĩ các ông có được hạnh phúc như thế là vì các ông khéo biết ứng xử tu hành. Vua Trần Thái Tông là ông vua đầu đời Trần, trong Khóa Hư Lục do chính ông sáng tác, đã ghi lại cụ thể mỗi ngày ông ngồi thiền sáu thời, gọi là lục thời khoa nghi. Mặc dù đang ngồi trên ngai vàng cai trị đất nước, không ai bận rộn bằng ông vua, thế mà ông vẫn có thời giờ hành thiền tu tập như thế. Nhờ sự tu tập này mà đã giúp ông rất lớn trong công việc trị quốc an dân. Mong sao các nhà cầm quyền hiện nay, cũng nên ứng xử tu tập rèn luyện thân tâm mình để có được nguồn tuệ giác sáng suốt trong lúc sử dụng quyền hành của mình cai trị đất nước. Đó là hạnh phúc nhất của một con người, mang niềm an lạc hạnh phúc đến cho mọi người.

đôi mà con mắt thường của quý vị không bao giờ nhìn thấy được. Cần nói rõ, không phải tự nhiên mà tôi có mặt ở nơi này, nơi kia khắp nơi trên thế giới. Chẳng qua là do người ta vô tình mang tôi đi đó thôi. Khi tôi có mặt ở Vũ Hán, thì có lẽ lúc đó chắc cũng có mặt quý vị. Vì vậy, nên quý vị đã bị người khác làm lây nhiễm nên tôi lại có mặt trong thân thể của quý vị. Nếu như quý vị không có mặt lúc tôi ra đời ở Vũ Hán, thì làm gì mà quý vị bị tôi làm lây nhiễm? Đúng không? Như vậy, tôi thiết nghĩ, lỗi đó đâu phải hoàn toàn do tôi gây ra. Tôi đâu có đi tìm quý vị để gây ra cho quý vị mang bệnh. Nếu có trách thì phải trách kẻ nào đã có ác tâm, ác ý, chế tạo ra hình hài tôi. Khi sinh tôi ra, họ không quan tâm chăm sóc bảo vệ tôi kỹ lưỡng, chẳng những thế, họ còn bỏ rơi tôi để tôi phải trở thành một đứa con hoang lang thang nơi này, nơi nọ. Từ đó mới có xảy ra tình trạng không hay làm gây nhiễm bệnh tác hại trong cộng đồng như loại. Phải chi, họ cứ nhốt giam tôi ở một nơi xó xỉnh tồi tàn nào đó, thì làm gì có chuyện gây ra làm đau khổ mọi người.

Khi nhìn thấy kẻ ốm đau, người mất đi, tôi cảm nghe cõi lòng như tan nát đau khổ đến tột cùng. Sự thật, tôi nào có vui sướng chi đâu, khi nhìn thấy người khác đau khổ. Nhiều khi tôi tự hỏi, tại sao mình phải gây ra làm cho mọi người phải đau khổ vì mình như thế? Tự trách là vậy, nhưng ngẫm nghĩ kỹ lại, tôi cũng chỉ là một nạn nhân vô tội vạ. Bởi do ai đó đã cố tình tạo ra tôi thế thôi. Xin quý vị hiểu và thông cảm cho. Từ một biệt nghiệp cá nhân, tạo thành một cộng nghiệp cộng đồng. Thế là đồng lao cộng khổ.

chính xác nơi sản sanh ra tôi, thì thừa thật là tôi không hiểu mô tê gì cả. Tôi chỉ có thể trả lời với quý vị là do nhân duyên sinh thôi. Nghĩa là đủ điều kiện theo một tỷ lệ thuận nào đó, là tôi biểu hiện có mặt. Chỉ có thể thôi. Còn ai biết rõ nguyên uỷ xuất phát của tôi từ đâu, thì đó là do sự quyết đoán suy luận của họ. Mọi người đều có quyền suy luận và quyết đoán. Tuy nhiên, sự suy quyết nào cũng phải có chứng cứ. Tôi nghĩ rằng, trong tương lai một ngày nào đó thì sự thật sẽ được phô bày. Và tôi biết chắc hiện nay cũng có người đã quyết tâm đi tìm cho được sự thật này. Còn nếu nói một cách bâng quơ mơ hồ theo sự suy quyết của mình thì điều đó không thể thuyết phục được ai. Điều này xin quý vị hãy hết sức cẩn trọng khi phát biểu lập ngôn.

Phải thành thật mà nói, cho đến hôm nay, sự có mặt của tôi vẫn còn là một ẩn số. Chưa có ai biết rõ nguồn gốc thân phận của tôi. Vì tôi như một đứa con hoang. Một đứa con vô thừa nhận. Một đứa con lạc loài bị người đời khinh khi ghét bỏ, kinh hãi và nguyên rủa. Đến đâu cũng bị người ta lên án ghê tởm thật đáng sợ và tìm đủ mọi cách để tránh né. Người này không dám đến gần người kia. Có khi gặp nhau, họ cũng không dám đứng gần nhau nói chuyện. Trong gia đình nếu có người không may bị nhiễm bệnh, thì họ vội cho cách ly ngay. Vì họ sợ lan lây qua người khác. Điều lo sợ này cũng đúng thôi. Tôi biết mọi người rất ghét và sợ tôi. Dù quý vị chưa bao giờ một lần thấy được hình hài mặt mũi của tôi ra sao. Ai cũng biết, tôi là một trong những loài vi khuẩn. Có người còn gọi tôi là loại siêu vi trùng. Thân tôi rất nhỏ bé, nhỏ đến

Vấn Đề Học Phật

Nói đến học Phật, trong giới phật tử, có người hay lầm nhận giữa hai từ ngữ: Học Phật và Phật Học. Hai danh từ này có khác nhau đôi chút. Chữ "Học" theo từ nguyên Hán Việt có nghĩa là bắt chước làm theo. Khi nói học Phật, tất nhiên là chúng ta học theo công hạnh của Phật. Vì Phật là đấng Toàn Giác. Thế nên, nhứt cử nhứt động của Phật đều là tấm gương trong sáng đáng để cho chúng ta học hỏi noi theo. Ta học cái cung cách hành xử cao thượng của Ngài. Ta học từ lời nói cho đến việc làm của Ngài. Không lời nói và việc làm nào của Ngài mà không hướng về đạo lý giác ngộ và giải thoát. Hạnh nguyện của Ngài là cứu độ chúng sinh. Hạnh nguyện cao cả đó phát xuất từ lòng từ bi vô lượng vô biên của Ngài. Có thể nói, từ bi và trí tuệ là mạch nguồn của đạo Phật. Ta học hạnh từ bi là trải rộng lòng thương rộng khắp. Học đức tánh trí tuệ là sáng suốt trong mọi cách hành xử đúng theo hướng chân lý chỉ đạo. Học đức tánh nhẫn nhục là kiên trì chịu đựng mọi nghịch cảnh thử thách. Học đức tánh bình đẳng, vị tha là để dẹp lòng ích kỷ hẹp hòi, cố chấp, kỳ thị, bất công, cống cao ngã mạn, tự cao tự đại, coi mình là cái rún của vũ trụ, khinh thường kẻ khác, chỉ nghĩ đến quyền lợi cho riêng mình. Học Phật là để trau dồi phát huy Phật chất trong mỗi cá thể. Phát triển hơn cách phẩm hạnh đạo đức trong sáng cao đẹp, lợi mình, lợi người rộng ra là muôn loài. Hoàn thành nhân cách phẩm hạnh giá trị siêu việt của một con người, đó là phương

hướng thiết yếu của người học Phật.

Đại khái, nói học Phật là phải học như thế. Tuy nhiên, muốn có kết quả tốt đẹp trong việc học Phật, tất nhiên là chúng ta phải có phương pháp. Phương pháp học Phật như thế nào? việc này chúng ta sẽ bàn sau. Còn nói Phật học, là nói đến một môn học chuyên ngành. Cũng như bao nhiêu những môn học chuyên ngành khác như: khoa học, sử học, vật lý học, phân tâm học, sinh vật học v.v... Phật học là một ngành học chuyên nghiên cứu đào sâu vào những hệ thống giáo lý kinh điển của Phật giáo. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một vài nét về vấn đề học Phật mà thôi. Đó là sự khác biệt giữa học Phật và Phật học. Qua phần phân tích khái lược trên, ta có thể biện biệt rõ ràng rằng: Học Phật là nghiêng nặng về phần thật hành nhiều hơn là lý thuyết. Còn Phật học là đặt nặng chuyên sâu vào lĩnh vực nghiên cứu phân giải cặn kẽ sâu xa trong các hệ thống kinh điển: từ hệ giáo lý Nguyên thủy, đến giáo lý Bộ phái và Phát triển. Chính vì thế, mà người ta thường gọi là học giả và hành giả. Học giả là người chuyên sâu phân kiến thức lý giải. Hành giả là người chuyên sâu phân thực dụng thật hành.

Dù chúng ta học hỏi bất cứ ngành học nào ngoài đời hay trong đạo, tất nhiên, người học cần phải có phương pháp. Trong đạo Phật có nêu ra ba phương pháp: "Văn, Tư, Tu", gọi là Tam huệ học. Nghĩa là cả ba phương pháp, phương pháp nào người học cũng phải lấy trí huệ làm đầu. Văn huệ không phải chỉ có nghe thôi, mà còn đọc và tụng nữa. Nói chung, người học cần phải sử dụng tai và mắt trong

là một bài học tuy vỡ lòng, rất sơ đẳng, nhưng có lẽ vì người ta quá tham vọng, bị vô minh che mờ tâm trí, nên họ không còn đủ sáng suốt để ghi nhớ bài học quý giá thâm thúy này.

Đến đây, có người sẽ thắc mắc muốn biết ai đã tạo ra hình hài thân thể tôi? và tạo ra bằng cách nào? Tại sao họ phải làm như thế? Có người còn thốt ra những lời lẽ nặng nề hơn, cho rằng, kẻ nào tạo ra tôi, chính kẻ đó không phải là con người. Chỉ có loài ác quỷ mới nhẫn tâm làm như thế thôi. Như tôi đã thưa với quý vị ở trên, thật ra cho đến bây giờ, tôi cũng không hiểu lý do, tại sao mà tôi lại có mặt ở cõi đời này. Và tôi cũng không biết họ đã tạo ra tôi bằng cách nào cả. Tôi chỉ biết sự có mặt của tôi xuất hiện lần đầu tiên ở thành phố Vũ Hán bên Trung Quốc. Điều này cả thế giới đều biết. Và tôi cũng chỉ biết có thế thôi. Còn ai là kẻ tạo ra hình hài tôi, thú thật là tôi không biết. Bằng cách nào mà tôi có mặt ở đây, thật tình tôi cũng vẫn mù tịt. Nếu biết rõ thì tôi sẽ vạch trần bộ mặt thật của bọn chúng cho cả thế giới đều biết. Chừng đó, tôi tin chắc là cả thế giới sẽ lên án và bắt họ phải đền tội trước công lý. Chính họ là thủ phạm gây ra giết chết biết bao nhiêu con người vô tội. Quả họ là những kẻ đại gian đại ác, cần phải trừng trị họ thích đáng theo luật pháp công lý con người. Mặc dù tôi chưa biết rõ toàn bộ sự thật, nhưng tôi chỉ biết cái chính yếu là do từ tâm thức của con người tạo ra thôi. Điều chắc chắn là những người đó, họ rất am tường thông suốt về ngành sinh vật học, nên họ mới có đủ khả năng tạo ra tôi được. Xin quý vị đừng hỏi nguyên quán xuất xứ của tôi nữa. Nếu quý vị bắt buộc tôi phải nói ra một cách

cho một sự việc nào đó, thiết nghĩ cũng chưa đúng hẳn. Bởi cái gì nó cũng có nhân có duyên của nó. Thế thì, sự có mặt của tôi cũng do nhân do duyên mà có. Nhưng cái nguyên nhân chánh vẫn là cái tâm thức ác độc của con người. Vì con người có quá nhiều tham vọng. Họ muốn độc tôn độc quyền chiếm hữu tất cả và bắt mọi người phải quy phục quỳ dưới chân họ. Họ là những kẻ độc tài, độc đoán đến thế. Họ kết hợp với nhau tạo thành phe nhóm và có đủ quyền lực để quyết định mọi thứ. Thủ đoạn của họ là nhằm tạo tôi ra để giết hại tiêu diệt đối phương. Đó là một thủ đoạn thật hèn hạ bỉ ổi ác độc. Đó cũng là một ý muốn cực kỳ tham vọng của họ. Thế nhưng, luật tắc ở đời đâu phải dễ dàng hề muốn là được. Có khi mình muốn thế này, nhưng sự việc nó lại trở thành thế kia. Đúng là "mưu sự tại nhân mà thành sự tại thiên". Mình muốn hại người, nhưng trở lại hại mình. Người ta chưa bị hại, thì nó trở lại hại mình trước rồi. Đây là cái thế chẳng khác nào như "Gậy ông đập lưng ông". Từ xa xưa, cách đây mấy ngàn năm, đức Khổng Phu Tử cũng đã có nói: "*Hàm huyết phún nhơn, tiên ô tỵ khẩu*". Nghĩa là: "Ngậm máu phun người, thì dơ miệng mình trước". Hơn thế nữa, trong Chứng Đạo Ca, Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác Đại sư cũng có nói: "*Tòng tha báng, nhậm tha phi. Bả hỏa thiêu thiên, đồ tỵ bì...*" Nghĩa là, kẻ nào có ác tâm chê bai công kích hãm hại người khác, thì chẳng khác nào kẻ đó đang cầm cây đuốc giơ cao lên đốt trời, nhưng đau đốn thay! trời chưa thấy cháy mà tay của họ đã bị lửa đốt phỏng rồi. Giống như có người ngược mặt lên trời mà phun nước bọt, nước bọt kia không lên tới trời mà trở lại rớt vào mặt họ. Kẻ ác tâm hại người hiền lương cũng y như thế. Đây

khi tìm hiểu học hỏi Phật pháp. Nghe là phải nghe bằng tất cả tâm trí. Phải lắng lòng thật sâu, buông bỏ mọi thứ, không nên phân tâm phân duyên theo trần cảnh. Khi đọc hay tụng cũng thế. Nghĩa là chúng ta cũng phải nhiếp tâm chuyên chú vào việc đọc, tụng. Ta cũng cần nên phân biệt giữa đọc và tụng khác nhau. Đọc là cầm bản có thể đọc thầm hay thành tiếng. Còn tụng là không cầm bản mà chỉ tụng thuộc lòng thôi. Đồng thời khi tụng ngoài việc tụng thuộc lòng ra, người tụng còn phải chú tâm đến âm thanh trầm bổng, giai điệu cao thấp v.v... Tóm lại, dù nghe, đọc hay tụng, tất cả đều phải vận dụng năng lực trí tuệ để chuyên chú vào âm thanh hay ngôn ngữ. Có thế, thì việc nghe của chúng ta mới có được lợi ích thiết thực. Tuy nhiên, nghe không cũng chưa đủ, mà chúng ta còn cần phải tư duy chín chắn. Tư duy những gì mà chúng ta đã tiếp xúc qua thính giác hay ngôn từ. Tư duy cũng có nghĩa là thiền quán, phải thiền quán một cách sâu sắc vào những đối tượng của phần văn huệ trên. Sau khi nhận thức chính xác đúng đắn rồi, thì chúng ta cần phải đem ra áp dụng thật hành. Còn không, thì dù hai phần kia (văn và tư) có sâu sắc đến đâu cũng không có được lợi ích. Vì tất cả cũng chỉ nằm trong phần lý thuyết. Mà lý thuyết chỉ giúp chúng ta tăng thêm phần kiến thức. Kiến thức không thể giải quyết được vấn đề đau khổ hiện thực của chúng ta. Diễn tả phân tích thức ăn thật hay, nhưng bụng thì vẫn đói meo. Có kiến thức về lý thuyết thì tốt, nhưng cần phải thật hành. Như có đôi mắt sáng nhìn thấy thấu suốt tất cả, nhưng phải có đôi chân vững mạnh thì mới đi tới đích nhắm tới được.

Qua ba phương pháp này, đòi hỏi người học cần phải theo tiến trình của nó. Nghĩa là phải theo thứ lớp mà học hỏi hành trì. Tuy nhiên, nếu nói một cách nghiêm khắc hơn, thì trong Văn huệ, vẫn có Tư huệ và Tu huệ. Trong Tư huệ thì cũng có Văn và Tu huệ. Trong Tu huệ thì cũng có Văn và Tư huệ. Nói gọn, một là ba mà ba cũng là một. Đó là theo lý "*Tương tức, Tương nhập*" của hệ tư tưởng giáo lý siêu việt của Kinh Hoa Nghiêm. Ba môn học này rất quan yếu cho người tu học Phật vậy.

Trong giới học Phật, ai cũng biết rằng, đạo Phật phát nguyên từ một con người, chứ không phải là từ trên trời rơi xuống. Bởi người khai sáng ra đạo Phật đích thực là một con người. Là một con người có đầy đủ kinh nghiệm xấu, tốt, khổ, vui... trong cuộc sống. Người đó không ai khác hơn là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài xuất hiện giữa lòng cuộc đời này và trong lòng sự sống của nhân loại. Vì thế, hơn ai hết, Ngài hiểu rất rõ về thân phận của một con người. Ta nên nhớ rằng, đạo Phật có mặt trong nhu cầu của nhân loại, tồn tại vì nhân loại, để phụng sự cho nhân loại. Như vậy, đạo Phật không thể tách rời cuộc sống của nhân loại mà tồn tại. Thế nên, chúng ta cũng đừng nghĩ rằng, đạo Phật là một kho tàng tri thức và lý thuyết khô cứng. Nếu chỉ hiểu đạo Phật qua phần triết lý không thôi, thì chúng ta đã đánh giá sai lầm về đạo Phật. Muốn tìm hiểu đạo Phật, ta không nên đứng ở một góc độ hay một phương diện nào đó, mà vội phê phán cho rằng đạo Phật là như thế này hay như thế kia. Mà đạo Phật tự bản thân của nó là tất cả. Như tất cả cảnh vật không ngoài hư không mà có. Vì bản chất của đạo Phật là linh động tùy

Tâm Sự Của Covid - 19

Kính thưa liệt quý vị,

Không cần phải giới thiệu dài dòng, chắc quý vị cũng thừa biết tôi là ai rồi. Có người gọi tôi là Virus Corona, hoặc Covid -19 hay còn tên gọi gì khác nữa mà tôi chưa được biết. Thử hỏi tên gọi này từ đâu mà có? Có phải là do người ta nghĩ ra rồi đặt cho tôi cái tên gọi mỹ miều duyên dáng đó không? Thật ra tôi đâu có tên gì. Có người còn muốn biết rõ nguyên quán xuất xứ của tôi từ đâu mà ra. Tôi xin thưa, tôi không có từ đâu hết. Nói thế, quý vị vội cho tôi là thứ mất gốc không có cội nguồn ư? Vậy cội nguồn của tôi ở đâu? Là ai? Chẳng qua là do tâm thức của con người tạo ra. Nói theo giáo lý nhà Phật là do nhân duyên sinh. Nghĩa là khi hội đủ điều kiện thì tôi xuất hiện. Tuy nhiên, sự xuất hiện của tôi không phải tự nhiên mà có. Cái gì nó cũng có cái nguyên nhân của nó. Khi xảy ra sự việc hiểm nguy tột tể thì không có con ma nào chường mặt nhận tội. Có ai đại dốt gì nói rõ cái nguyên nhân gây ra của mình không? Thế là, họ chỉ biết ngậm ngậm đồ tội cho nhau mà thôi. Ông nói qua, bà nói lại. Thật ra, không ai còn lạ lùng gì cái thủ đoạn ném đá giấu tay của họ. Nếu quý vị nào có chút ít nghiên cứu về Phật học, thì hiểu rất rõ về điều này. Bởi đức Phật có dạy: "Tất cả đều do tâm tạo". Tâm là chủ thể tạo tác tất cả. Nhưng nếu chỉ có tâm thức không thôi thì cũng chưa đủ, mà nó cần phải có những yếu tố phụ thuộc khác. Như vậy, nếu quy kết đồ tội

hình thức. Tôi chỉ muốn nói lợi dụng hình thức để làm sáng tỏ nội dung mà thôi.

Tôi thiết nghĩ, trong hoàn cảnh dịch bệnh hiện nay, chúng ta không thể tổ chức rên rang, đánh trống thổi kèn linh đình inh ỏi bằng hình thức được, thì chúng ta nên đặt nặng phần nội dung Phật chất nhiều hơn. Nghĩa là chúng ta nên thực tập gìn giữ chánh niệm trong mọi hành động. Có thể chúng ta thực tập chánh niệm trong tứ oai nghi và những lúc tụng niệm, ăn uống, nghỉ ngơi v.v... Có thực tập nghiêm túc như thế, thì chúng ta sẽ có an lạc hạnh phúc ngay. Ta không cần phải tụ họp có mặt đông người. Bất cứ ở đâu, nơi nào, ta cũng có thể thực tập được cả. Tôi xin đề nghị, bước đầu ta có thể thực tập chánh niệm bằng cách quán niệm hơi thở trong ba bài thực tập đầu của 16 phép quán niệm do Thiền Sư Thích Nhất Hạnh soạn dịch trong Kinh An Ban Thủ Ý. Đó là phương cách giúp ta rất cụ thể để có được chánh niệm.

Nếu mỗi hành giả Phật tử thực tập được như thế, thì tôi nghĩ rằng kỷ niệm mùa Phật đản năm nay, thay vì chúng ta đặt nặng phô trương lớn lao về mặt hình thức lễ nghi, nay chúng ta có thể thay vào đó bằng một nội dung phong phú thiết thực của đời sống tâm linh. Như thế, tôi nghĩ rằng, nó sẽ mang lại nhiều sự lợi lạc cho bản thân ta cũng như cho gia đình và xã hội. Biết đâu đó là một hạnh phúc thật cao đẹp tuyệt vời mà không gì có thể so sánh được.

Nhân mùa Phật đản này, tôi xin chân thành kính chúc toàn thể Phật tử có một đời sống an lạc và tràn đầy hạnh phúc.

26.4.2020

duyên nhưng bất biến. Đạo Phật chưa hề tách rời ra khỏi sự sống của nhân loại, bởi chính đạo Phật là sự sống. Đạo Phật mang lại cho con người một nghệ thuật sống. Sống có nghệ thuật là một đời sống cao đẹp và tràn đầy hạnh phúc. Đạo Phật giúp cho con người có được một cuộc sống an vui và hạnh phúc. Tuy trong đạo Phật có rất nhiều pháp môn tu, nhưng pháp môn tu nào cũng nhằm mang lại cho con người có nhiều an lạc và giải thoát. Vì đó là con đường xuyên qua kinh nghiệm đời sống tâm linh của đức Phật. Đức Phật luôn tránh né những lý luận huyền đàm vô ích. Vì nó không giúp ích gì trong việc giải quyết thực tế đau khổ của con người. Trong Kinh Tiễn Dụ Phật nói rất rõ điều này. Đức Phật dẫn dụ như người bị trúng tên cắm sâu vào xương thịt, điều cấp bách trước tiên là phải tìm cách nhổ mũi tên ra và rồi băng bó vết thương cho người kia mau lành lặn lại, chứ không nên ngồi đó mà phân tích đặt ra những vấn đề về mũi tên. Như nói, mũi tên này từ đâu bắn tới? nó được làm bằng chất liệu gì? Người bắn tên họ là gì? Quê quán của người đó ở đâu? Tại sao họ phải bắn tên v.v... ? Trong khi đó thì người bị tên nằm quần quai rên la đau khổ! Phật cho rằng, đó là thái độ của kẻ khờ khạo đàn độn ngu muội. Hiện chúng ta cũng khờ khạo đàn độn ngu muội như người bị tên kia. Thay vì, phải lo gấp rút chữa trị hóa giải những vấn đề khổ đau rất bỏng, thì ta lại dừng dừng thờ ơ trong việc chuyển hóa khổ đau. Con đường Bát chánh đạo là con đường trị liệu khổ đau. Đó là một trong những phương pháp trị liệu tuyệt vời của đạo Phật.

Nhân mùa Phật đản lần thứ 2643 Tây lịch 2019, chúng ta

hãy thành tâm hướng về đức Phật pháp thân của chính mình. Đức Phật bên ngoài chỉ là để tượng trưng nhắc cho chúng ta nhớ lại ông Phật của mình. Hướng lại lòng mình để tìm ra nguyên nhân gốc rễ của đau khổ. Cội gốc của đau khổ là vô minh. Nói cách khác vô minh là hiện tượng của đau khổ. Truy tìm vô minh là để chuyển hóa. Vì bản chất vô minh không thực có. Chúng chỉ là những bọt bèo nổi trôi lều phều bập bềnh trên mặt nước. Tuy chúng không thật, nhưng ta không nên coi thường chúng. Tứ diệu đế là bốn phương pháp trị liệu tuyệt diệu để chúng ta nương đó tu tập. Đó là nguồn giáo lý cơ bản làm nền tảng cho mọi hệ thống kinh điển. Vì thế, ta phải hết sức trân quý để tìm hiểu học hỏi. Trên tiến trình tu học từ địa vị phàm phu cho đến khi lên thánh vị, không một hành giả nào có thể ly khai Tứ diệu đế mà có thể chứng đắc được. Vì tầm quan trọng vô song đó, ta nên nỗ lực nghiên tầm học hỏi và luôn áp dụng vào đời sống. Có thế, thì sự hành trì tu tập của chúng ta mới chóng có kết quả viên mãn tốt đẹp vậy.



bước đầu thực tập của ta. Khi tâm ta được an định, thì chính đó là hạnh phúc, là niết bàn rồi. Như vậy niết bàn hay hạnh phúc chúng nằm ngay trong từng hơi thở, trong từng bước đi và trong từng nụ cười của ta. Khi đã có định rồi thì mặt trời tuệ giác có mặt ngay với ta. Nhờ có thanh gươm sắc bén của trí tuệ mà ta có thể chặt đứt tất cả những dây mơ rễ má phiền não. Đó là con đường khai thông tròn sáng để Phật ra đời luôn có mặt trong tâm thức ta. Sống được như thế, lúc nào lại không có Phật xuất hiện. Còn chờ một năm đến ngày rằm trăng tròn tháng tư âm lịch, ta mới cùng nhau phô trương tổ chức kính mừng Phật ra đời, đó là ta làm theo tục lệ lễ nghi hình thức truyền thống. Thực tế, chưa chắc lúc ta làm lễ tiền hô hậu xướng, mà ông Phật thiết của mình có mặt với ta ngay lúc đó. Chỉ cần dấy niệm thì Phật đã nhập diệt rồi. Kinh nói, dấy niệm là trái với tánh giác rơi vào trần lao. Vậy thì muốn cho ông Phật thiết của mình thường xuyên có mặt, thì không cách gì hơn là chúng ta phải thực tập con đường: "Niệm, Định, Tuệ" đó thôi. Nếu ta đi ngược lại với con đường thiết yếu này, thì dù ta có tổ chức phô trương hình thức linh đình rền rang đến đâu, thì chất liệu nội dung vẫn là con số không rỗng tuếch. Nói thế, không có nghĩa là ta bỏ đi hình thức. Bởi hình thức có lỗi gì mà ta bỏ. Cái quan trọng trong đạo Phật thường nhắc nhở chúng ta là nương phương tiện để đạt đến cứu cánh. Mượn nôm để bắt cá, mượn ná để bắn chim. Ná và nôm chỉ là phương tiện. Chim và cá mới là cái cứu cánh mà ta nhắm tới. Nói cách khác là nương Sự để hiển Lý. Lý và Sự phải viên dung. Có thế thì việc tổ chức của chúng ta mới có được lợi ích cả hai. Xin chớ vội hiểu lầm là tôi đã phá

đều nằm trong phạm trù sinh diệt hư giả. Kinh điển đã dạy chúng ta rõ ràng như thế thì đâu còn gì phải nghi ngờ.

Tuy biết như vậy, nhưng cũng không phải dễ nhận, dễ sống. Đòi hỏi chúng ta phải có một quá trình bền chí tu học dài lâu. Tu hành ai cũng muốn cho mình có an lạc hạnh phúc cả. Chớ không ai muốn mình trầm luân trong đau khổ. Thế thì, muốn có an lạc, là ta phải chịu khó thực tập thôi. Con đường thực tập Phật dạy có nhiều cách. Nhưng cách nào cũng không ngoài con đường: "**Niệm, Định, Tuệ**". Đây là một con đường thù thắng tăng tiến đến thành Phật. Niệm là ta trở về có mặt thực sự trong giây phút hiện tại. Đã lâu rồi ta luôn rong chơi phiêu lưu thả trôi theo dòng đời sanh tử. Ta luôn bị hai ngục tù quá khứ và tương lai giam hãm. Ta bị thời gian và không gian luôn trói buộc. Đó là một ngục tù hai đầu làm ta mất hết tự do. Giờ đây, ta phải mạnh dạn quyết tháo tung hai cái ngục tù này để có được một đời sống thông dong tự tại. Tháo tung bằng cách nào? Bằng cách thực tập "Chánh niệm". Chỉ có chánh niệm mới tháo gỡ được cái niền kim cô "nhị nguyên" đó. Khi có chánh niệm thì chánh định sẽ xuất hiện. Niệm và định không rời nhau. Này nhe, khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, nói chung là tất cả mọi thi vi tạo tác hành động, ta đều phải có ý thức biết rõ ta đang làm gì. Đi ta biết ta đi. Ta đem tâm về hợp nhất với thân. Bởi thân và tâm không phải là hai thực thể riêng biệt. Lâu nay ta có thói quen sống chạy theo hai đầu phân biệt. Hễ nói tốt thì phải có xấu. Hễ nói hay ta liền nghĩ ngay đến dở. Thế thì từng cặp đối đãi đó nó luôn kèm kẹp giam hãm ta. Sở dĩ ta chưa thoát ra được cái đau khổ là vì ta chưa có chánh niệm. Chánh niệm là lá bùa hộ mạng trong

Vu Lan Tỳ Bút

ào những ngày giữa đông ở Melbourne, trời trở nên lạnh buốt tê tái, lạnh đến tận xương tủy. Cái lạnh ác nghiệt oái oăm này đã gây nên bệnh dịch cảm cúm, giết chết rất nhiều người, nhất là những người già yếu cao tuổi. Bởi tuổi già sức yếu bệnh hoạn, đâu có đủ năng lực kháng thể để chống lại thời tiết lạnh lẽo ác nghiệt. Vì thế mà có nhiều người cao tuổi đã phải mất mạng vì bệnh cảm cúm. Theo báo chí địa phương cho biết, có khoảng hơn ba trăm người đã chết. Riêng tôi, trong những ngày qua, tôi cũng có bị cảm nhưng may mắn là không đến nỗi nặng lắm. Phải chăng, nhờ tôi có chích ngừa cảm cúm. Đối với người cao tuổi từ sáu mươi trở lên, chánh phủ thường kêu gọi và khuyến nhắc mọi người nên nhớ đi chích ngừa. Tục ngữ ta có câu: "Ngừa bệnh hơn chữa bệnh". Thế nên, năm nào hễ vào những ngày đầu hoặc giữa tháng ba Dương lịch, thì tôi đều đến phòng mạch bác sĩ gia đình để chích ngừa. Thú thật, tôi không bao giờ quên việc chích ngừa này. Giả như, có lỡ quên, thì phòng mạch của các bác sĩ gia đình cũng gửi thư tới nhắc nhở. Do đó, nên năm nào tôi cũng phải đi chích ngừa cả. Vì đó là việc cần nên làm để bảo vệ sức khỏe cho mình. Tôi nghĩ rằng, những ai tuổi từ sáu mươi trở lên, chắc chắn không ai có thể quên được việc chích ngừa hữu ích này.

Nói thế để thấy rằng, mùa Vu Lan báo hiếu thường lại về

trong mùa đông lạnh lẽo ở Úc, nhất là ở Melbourne. Cái mùa mà khi nhắc tới là người ta cảm thấy rùng mình, vì ai cũng sợ lạnh cả. Dù có quen đến đâu, thì cái lạnh vẫn làm cho người ta có cảm giác khó chịu. Nhưng dầu có khó chịu, thì cũng phải chịu. Vì không ai có thể cưỡng lại hay thay đổi được thời tiết. Song có điều người ta khéo biết tìm cách để phòng lạnh, bằng cách là phải có lò sưởi hoặc áo ấm v.v... Riêng người dân sống ở Melbourne, hầu như phần nhiều nhà nào cũng có thiết bị hệ thống sưởi khắp nhà. Do đó, mùa đông có đến thì người ta cũng không mấy quan tâm lo sợ. Khi bước lên xe, thì cũng có lò sưởi ấm, chỉ trừ khi đi ra ngoài trời thì mới bị lạnh mà thôi. Nhưng lạnh thì cần phải có áo ấm mặc vào. Do đó, mà ai cũng lo chuẩn bị cho mình đủ thứ để chống lại cái lạnh. Chúng ta chỉ có tìm cách tránh lạnh chứ không thể xô dịch được mùa đông. Vì đó là một định luật tất yếu cố định của thời tiết theo quy trình vận hành tuần hoàn của vũ trụ. Từ việc này ta suy rộng ra, việc sinh tử của con người cũng giống như mùa đông vậy. Nghĩa là cái chết đến với con người cũng giống như mùa đông phải tới. Vì đó là một luật định tất yếu không ai tránh khỏi. Điều quan trọng là ta cần phải chuẩn bị cho mình chu toàn khi cái chết đến. Cũng như ta chuẩn bị giữ ấm khi mùa đông tới. Tuy nhiên, chuẩn bị giữ ấm cho mùa đông thì dễ, nhưng chuẩn bị cho cái chết không phải là chuyện dễ làm. Không phải ai cũng có thể làm được. Chuẩn bị cho cái chết đến như thế nào? Nếu phải nói một cách tổng quát, thì như trong bài kệ bốn câu mà chư Phật đã dạy:

*Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành*

đề hay chuyên sanh tử thành niết bàn. Chữ "chuyên" trong hoàn cảnh này đối với chúng ta, nó mang một ý nghĩa thâm sâu tuyệt vời. Thế thì, chúng ta cần nên đem ra áp dụng ngay. Hoàn cảnh càng khó khăn, thì ý chí mình càng vững chắc hơn. Điều quan trọng là chúng ta có bền chí kiên nhẫn hay không đó thôi. Người xưa có câu nói rất hay: "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài". Nghĩa là tùy duyên, tùy cảnh mà vui sống. Sở dĩ dòng nước lưu thông không gì ngăn cản được, là vì nước khéo biết lòn lách vượt qua tất cả trở ngại. Ta cũng nên học hạnh này của nước. Cái gì cứng thì dễ gãy, cái gì mềm thì dẻo dai bền lâu. Đó cũng là nguyên lý sống.

Tôi nghĩ, đức Phật nhìn thấy hoàn cảnh khó khăn của chúng ta hiện nay, chắc Ngài cũng thương xót chúng ta lắm. Vì đức Phật biết rất rõ, đây là nghiệp quả của chúng sanh, trong đó có loài người chúng ta. Một cộng nghiệp mà chúng ta phải đương đầu gánh chịu. Trong khổ đau ta tìm ra hạnh phúc. Giáo lý của đạo Phật dạy ta, phải tìm cho được cái hạnh phúc an lạc ngay trong tâm mình. Nếu ta chỉ đi tìm hạnh phúc ở bên ngoài thì đó chỉ là một ảo tưởng mà thôi.

Khi tâm ta có được hạnh phúc, thì lúc đó là Phật ra đời. Hạnh phúc chân thật chỉ là tên khác của Niết bàn. Ông Phật bên ngoài chẳng qua cũng chỉ là phương tiện thị hiện. Ngài có mặt với cuộc đời này, với mục đích duy nhất là nhằm khai thị cái tánh giác của ta. Trong Kinh Pháp Hoa thì gọi đó là Phật tri kiến. Cái thực thể bất sinh, bất diệt này dĩ nhiên, nó có rất nhiều tên. Suy cho cùng, tất cả cũng chỉ là giả danh, giả tướng mà thôi. Trên đời này không có cái gì là chân thật cả. Phàm cái gì có hình tướng

cả chúng ta đang hết lòng cung kính thiết lễ tưởng niệm, ông Phật đó cũng chỉ là ông Phật giả tạo bên ngoài. Bởi vì sự cấu tạo hình thành thân thể của Ngài, cũng đều do nhân duyên giả hợp mà thành. Ông Phật đó chẳng qua ứng hiện ra đời là để giáo hóa thức nhắc chúng ta, nên nhớ lại ông Phật thiết của chính mình. Ông Phật thiết đó mới thật là của báu quý giá của ta (gia trung hữu bảo hưu tầm mịch). Thế là ai ai cũng có sẵn ông Phật thiết đó (Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh - Kinh Niết Bàn). Đã thế, thì còn tìm cầu chi bên ngoài. Càng đi tìm thì lại càng không gặp Phật. Chi bằng ta hãy vô tâm, nghĩa là không để tâm dính mắc vào sáu trần, thì còn hỏi thiền làm chi nữa. Bởi thiền có nghĩa là tỉnh thức. Hằng giác là Phật. Phật thì không có mê, mê là chúng sanh. Giác mê thì mê diệt. Một niệm mê dấy khởi, thì lập tức có ông Phật độ liền. Mê đâu thì có giác đó. Như vậy thì Phật ra đời độ sanh liên tục không bao giờ dừng nghỉ. Muốn cho ông Phật dừng nghỉ, với điều kiện là chúng ta không còn mê nữa. Nghĩa là sạch hết vô minh phiền não. Đó mới thật là ý nghĩa của Phật ra đời. Còn chờ một năm ta mới thiết lễ tưởng niệm Ngài một lần, vậy thì những ngày khác chả lẽ ta cứ mãi sống trong mê lầm hay sao? Nói cách khác một năm ta mới có giác một lần, vậy thì còn lại 364 ngày kia không lẽ ta đắm chìm trong vô minh vọng tưởng sao? Câu hỏi này xin để mọi người tự quán chiếu suy xét lấy.

Qua bài kệ đó, ta thấy đó là tinh thần cốt lõi của đạo Phật. Như vậy trong hoàn cảnh đại dịch hiện nay, thiết nghĩ đây cũng là cơ hội tốt cho chúng ta. Tại sao ta không chuyển họa thành phúc? Cũng như ta chuyển phiền não thành Bồ

*Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo*

Nghĩa là:

*Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý mình cho trong sạch
Đó là lời của các đức Phật đã dạy.*

Bốn câu kệ trên, tuy rất ngắn gọn, nhưng nghĩa lý rất thâm sâu. Có thể nói, nó tóm tắt tất cả những nguồn giáo lý của đạo Phật. Bởi những lời Phật dạy chung quanh cũng chỉ ngần ấy thôi. Không làm các điều ác chỉ mới là tiêu cực. Mà phải vâng làm các điều lành, đó là hành động tích cực. Chỉ ác hành thiện, đó là con đường mà các bậc thánh hiền đã đi qua. Chỉ ác hành thiện, gốc từ cái tâm của con người. Cho nên cần phải giữ tâm ý mình cho trong sạch. Khi tâm đã thanh tịnh thì tất cả đều thanh tịnh. Cho nên câu thứ ba trong bài kệ Phật dạy: phải giữ tâm ý mình cho trong sạch. Nếu nói theo "Tứ chánh cần", tức bốn phương pháp siêng năng tinh tấn hợp với chánh đạo, thì nó gồm có bốn thứ mà chúng ta cần nên lưu ý thật hành: Bốn phép tinh tấn đó là:

1. Tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh
2. Tinh tấn dứt trừ những điều ác đã phát sinh
3. Tinh tấn phát triển những điều lành chưa phát sinh
4. Tinh tấn tiếp tục phát triển những điều lành đã phát sinh.

Trên ngôn ngữ nói thì dễ, nhưng thật hành thì rất là khó. Lý thuyết bao giờ cũng đi trước hành động. Thường tri và hành hay hạnh và giải ít khi đi đôi với nhau. Người thời nay nói nhiều mà hành ít. Ngược lại, người xưa nói ít mà hành nhiều. Vì thế mà Cổ Đức có câu nói: "*Đầu mồm nói suốt trăm phần diệu, dưới gót không ly một điểm trần*". Lời nói này như là một tiếng chuông cảnh báo thức nhắc cho chúng ta.

Nếu như chúng ta cố gắng tu tập những điều Phật dạy trên, thì lo gì khi bỏ báo thân ô uế này mà ta không được siêu thoát. Nếu nói một cách nghiêm khắc thiết thực hơn, thì không đợi đến khi bỏ thân này ta mới được siêu thoát, mà ngay trong đời sống hiện tại, ta cũng có được nhiều an lạc hạnh phúc lắm rồi. Ngoài ra, nếu ta khéo biết chọn cho mình một pháp tu thích hợp với căn cơ trình độ và thời đại mà mình đang sống, thì lại càng tốt đẹp quý báu hơn. Như ta chọn pháp môn niệm Phật chẳng hạn. Nếu ta chuyên cần nỗ lực hành trì đúng theo những gì mà Phật Tổ đã chỉ dạy trong pháp môn Tịnh độ - chấp trì danh hiệu sáu chữ Di Đà, nghĩa là hành trì một cách tương tục miên mật không gián đoạn, khi được nhứt tâm bất loạn, thì lo gì mà ta không được vãng sanh về cõi Cực lạc. Bởi đó là lời phát đại nguyện thiết thực của đức Phật A Di Đà. Ta nên nhớ, điều quan trọng của pháp môn Tịnh độ là niệm Phật để cầu vãng sanh Cực lạc, còn nếu ta chỉ niệm Phật mà không phát nguyện như thế, thì đó chưa phải là tôn chỉ của pháp môn niệm Phật. Nếu chỉ biết niệm Phật một bề để đoạn trừ phiền não không thôi, thì coi chừng ta đã bị lệch hướng rơi vào của pháp môn tu Thiền rồi vậy. Một

xứng hợp với sự kiện lâm phạm của đức Phật. Bởi đức Phật ra đời cũng chỉ nhằm mục đích duy nhất là chỉ bày tánh giác cho hết thảy chúng sanh. Đó là tinh thần chuyển mê khai ngộ, chuyển tà thành chánh, chuyển phàm thành thánh. Phàm hay thánh, chánh hay tà... tất cả cũng từ ở nơi tâm thức của chúng ta mà ra. Kia! hãy nhìn những đóa sen hồng vươn lên khỏi mặt nước để khoe hương khoe sắc với đất trời. Sen mọc lên từ bùn nhơ, nếu không có bùn nhơ thì không có sen. Hẳn mọi người vẫn còn nhớ 4 câu kệ trong bài Phú của sơ tổ Trúc Lâm:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*

Tạm dịch:

*Ở đời vui đạo cứ tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà của báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiên*

Đó là một sự thích nghi tùy duyên bất biến rất tuyệt vời của đạo Phật. Nếu còn biến thì không thể gọi là tùy duyên. Thích nghi với mọi hoàn cảnh mà không bị hoàn cảnh chi phối đồng hóa. Câu thứ ba Tổ muốn nhắc nhở khuyên chúng ta, không nên chạy tìm cầu ông Phật ở bên ngoài. Vì ông Phật bên ngoài chỉ là ông Phật giả tạo. Ông Phật ứng thân thị hiện ở Ấn Độ trong vườn Lâm Tỳ Ni, mà tất

Cảm Nghĩ Về Ngày Phật Đản

Năm nào cũng vậy, gần tới ngày đản sinh của đức Phật, lòng tôi cảm thấy dâng lên bao nỗi rộn rã vui mừng. Vì đó là một ngày trọng đại thiêng liêng, một ngày mà cả nhơn loại trên hành tinh này đều quy ngưỡng cung kính hướng về. Thế mà năm nay 2020, tức kỷ niệm Phật đản lần thứ 2644, Phật lịch 2564, tôi cảm nghe lòng mình gọi lên bao nỗi ưu sầu khôn tả. Một không khí trầm lắng nặng trĩu bao phủ khắp cả ngôi chùa. Cảnh chùa vắng vẻ không còn rộn rịp tiếng người cười nói như những mùa Phật đản năm nào. Cây lá chung quanh cũng ủ rũ héo tàn như hòa nhịp trong nỗi niềm đau khổ u buồn chung. Cái không gian chánh điện rộng lớn, nay chỉ còn một vài vị Tăng, Ni hành lễ. Với cái nhìn bằng con mắt Tục đế, thử hỏi như thế làm sao không buồn cho được. Nhưng có buồn cũng phải chịu, chớ biết phân giải cùng ai. Bởi tất cả đều nằm trong một hoàn cảnh chung của mùa dịch cúm. Nạn đại dịch Covid-19 hiện đang diễn ra rất phức tạp. Nó cướp đi biết bao sinh mạng con người. Cả thế giới đều đắm chìm trong nỗi lo âu sợ hãi. Tuy nhiên, đối với người phật tử chúng ta, dù hoàn cảnh có trở ngại khó khăn nghiệt ngã đến đâu, thì việc tổ chức kính mừng đức Phật ra đời, chúng ta cũng vẫn tiến hành trong một lễ nghi khiêm tốn giới hạn. Nếu không tiện phô trương lớn lao bằng hình thức, thì chúng ta tăng cường năng lực nội dung. Nội dung Phật chất càng dồi dào, thì tinh thần giác ngộ của chúng ta càng cao. Thiết nghĩ, như thế lại càng

khi chúng ta đã chuẩn bị cho mình những tư lương hành trang thiết thực chu toàn như thế, thì có lo sợ gì khi cái chết đến với chúng ta. Cũng như ta không sợ mùa đông, vì có lo sợ thì mùa đông vẫn cứ tới. Chi bằng ta phải khôn khéo tìm cách trang bị những vật dụng để sưởi ấm cho mình đầy đủ, lúc đó dù mùa đông có tới, ta cũng không còn lo sợ nữa. Cũng thế, khi ta đã chuẩn bị sẵn sàng cho ngày ra đi vĩnh viễn của ta rồi, thì cái chết có đến với ta, ta cũng vui cười mà đón nhận. Vì ta đã khéo biết chuẩn bị cho mình đầy đủ tư lương hành trang để lên đường. Đó là ta đã chuẩn bị cho mình có được một đời sống tâm linh phong phú rồi.

Mùa Vu Lan báo hiếu là mùa gọi nhớ, thức nhắc người phật tử chúng ta nên ý thức tạo nhiều hạnh lành, làm những điều lợi ích cho mình và tha nhân. Có rất nhiều hạnh lành mà ta cần phải làm. Như: tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, trì chú, bố thí, cúng dường, từ thiện, công quả, phụng sự Tam bảo v.v... Chỉ cần ta cố gắng vươn lên, thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ và trang bị cho mình có thêm hạnh nguyện từ bi, đó là hai đức tánh thiết yếu nhất trong việc tu tập của chúng ta. Được như thế, thì ta đã báo hiếu cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta rồi. Bởi mỗi chúng ta đều là sự tiếp nối của tổ tiên, ông bà, cha mẹ chúng ta. Nếu không có các đấng sanh thành đó, thì làm gì có mặt chúng ta hôm nay. Cũng như không có hạt cam gieo xuống đất, thì làm gì có mọc lên cây cam. Như vậy, cây cam là sự tiếp nối của hạt cam. Những tế bào trong thân thể của mỗi người chúng ta, đều có mặt của tổ tiên, ông bà nội ngoại của chúng ta. Trực tiếp là cha mẹ của chúng ta.

Cha mẹ đã ban tặng cho chúng ta có được cái hình hài quý giá này. Vậy thì ta cần phải trân quý bảo vệ cái thân thể quý báu mà tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta đã dày công tạo dựng nên. Người xưa có nói: *"Thân này quý trọng hơn cả ngàn lạng vàng, song ngày thường cứ bo bo cầu danh, cầu lợi, dù vật nhỏ cỡ một đồng tiền cũng không chịu rời bỏ, mà sao đối với cái thân ngàn vàng của mình lại chẳng quý trọng"* (Long Thư Tịnh Độ tr. 76).

Đó là công lao ân nghĩa sanh thành giáo dưỡng rất lớn. Có biết bao kinh sách đời và đạo đã đề cao chữ "Hiếu". Trên đời này không có một vật thể nào mà có thể so sánh với cái công lao sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ. Dù trời cao bể rộng đến đâu nó cũng còn có giới hạn, còn cái công lao sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ thì lấy gì có thể đong đo cho được. Thế nên, muốn báo hiếu cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta, thì như lời Phật dạy, chúng ta chỉ cần nỗ lực tu tạo những điều tốt đẹp lương thiện cho chính bản thân mình, cũng như cho gia đình và xã hội. Nói rõ ra, là ta phải giữ chữ "Hiếu" và thể hiện nó trong mọi sinh hoạt của đời sống hằng ngày. Như hiếu kính, hiếu dưỡng, hiếu hòa, hiếu đễ, hiếu thảo, hiếu nghĩa và rộng lớn cao cả hơn mọi chữ hiếu là "hiếu sinh". Đức hiếu sinh phát xuất từ tâm từ bi của con người. Đó là thể hiện tình thương yêu đối với muôn loài vạn vật. Mà cụ thể và thu hẹp hơn là tình người. Chỉ cần con người biết thương yêu trân kính và đùm bọc với nhau, thì lo gì thiên hạ chẳng thái bình. Bởi đức hiếu sinh là phải biết tôn trọng và bảo vệ mạng sống. Vì mạng sống của con người quý giá hơn tất cả các loài động vật khác.

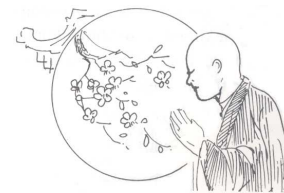
Còn tất cả mọi hiện tượng đều nằm trong phạm trù sinh diệt. Phải thấy cho được cái thật thể của vạn pháp thì ta mới không lầm nhận các hiện tượng là thật. Nhận nước thì quên sóng; ngược lại chỉ nhận thấy sóng thì không thể nào nhận ra nước được. Nước là dụ cho cái chân thật mà tất cả chúng ta đều sẵn có, còn sóng là dụ cho mọi hiện tượng sinh diệt giả dối. Chỉ có cách nhận diện thật sâu như thế, thì ta mới thực sự buông xả vì không còn lầm nhận cái giả cho là thật nữa.

Để kết luận cho bài viết này, chúng tôi xin dẫn bài kệ kết thúc của Kinh Kim Cang Bát Nhã 4 câu như sau:

Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ diệt như điện
Ứng tác như thị quán

Nghĩa là:

Tất cả các pháp hữu vi
Đều là mộng, ảo, bọt, bóng
Như sương móc và như bóng chớp
Nên phải thường quán sát như thế.



thì, thân này chỉ là một mớ duyên hợp đủ điều kiện thì tạm có, khi thiếu điều kiện thì tan hoại thể thôi. Vậy thì, chẳng lẽ mình chấp một thứ tạp nạp bại hoại lại cho là mình sao? Còn cái hiểu biết cũng là do nhân duyên mà có ra. Đâu có cái nào là thật. Phân tích như thế, thì bệnh chấp ngã lần hồi sẽ không còn. Nhưng muốn thế, tất nhiên là chúng ta phải vận dụng trí huệ bát nhã thường xuyên quán chiếu.

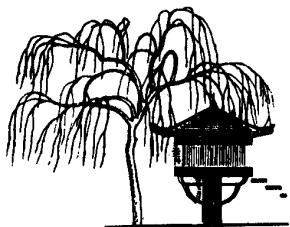
Đến pháp chấp nghĩa là chấp mọi hiện tượng trên thế gian này là thật. Giống như cho sóng trên biển cả là thật. Nhưng sóng có thật không? Hay lúc có, lúc không. Mọi hiện tượng trên thế gian này đều là vô ngã và vô thường. Không có một hiện tượng nào thoát khỏi vô thường và vô ngã cả. Đã là vô thường, vô ngã vậy thì ta chấp làm gì? Nếu chấp như thế, thì có khác gì ta là kẻ mò trăng dưới nước và bắt bóng trong gương. Cả hai hiện tượng này đều không có thật. Vậy thì chấp chặt làm gì? Quán chiếu thường xuyên như thế thì ta mới có thể buông xả được.

Hẳn chúng ta còn nhớ trong kinh Kim Cang Bát Nhã Phật dạy: "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*". Câu này ý nghĩa thật sâu sắc. Chỉ cần quán chiếu và hành trì sâu sắc vào lời dạy này, thì cũng đủ cho chúng ta giải thoát rồi. Phật nói, mọi hiện tượng trên thế gian này, tất cả đều là hư ảo. Tuy là hư ảo mà ta ly khai nó ra, thì cũng không thể tìm thấy cái chân thật. Thấy tất cả các tướng là giả dối, chẳng có tướng nào thật, thấy như thế mới thật là thấy Như Lai. Như Lai nói ở đây là chỉ cho bản thể bất sanh bất diệt.

Thế thì, tri ân và báo ân ngoài gia đình huyết thống và gia đình tâm linh ra, ta còn phải nghĩ đến nhớ ân và báo ân đến các loài sinh vật khác. Đó là ân chúng sinh. Bởi đời sống của ta, đều có sự tương quan tương duyên trong thế giới duyên khởi hình thành. Không vật gì đơn độc mà có thể tồn tại được. Một cây cải ta ăn, có biết bao nhân duyên chẳng chịt gần xa trong đó. Nhân và duyên là hai sự kiện bất khả phân ly. Nếu chỉ có một cái chánh nhân không thôi, thì làm gì có mặt ta trên cõi đời này. Mà ta không có, thì tất cả sơn hà đại địa... cũng không có. Vì cái này có nên cái kia có, vì cái này không nên cái kia không. "Có thì có tự may mắn, không thì không cả thế gian này cũng không". Có và không như bóng trăng in dưới nước. Đừng vướng mắc "Có" và "Không", thì ta mới tiếp xúc được với thực tại mâu nhiệm. Còn tất cả chỉ là những khái niệm mà thôi. Hiểu cũng chính là tâm Phật và Hiểu cũng chính là hạnh Phật. Nếu ta sống trọn vẹn với chữ "Hiếu" là ta có thể tiếp xúc được với ông Phật của chính ta. Cho nên chữ Hiếu rất quan trọng trong đời sống. Dù ta sống dưới bất cứ thời đại nào, nếu đánh mất chữ Hiếu là ta đã đánh mất đạo đức căn bản làm người. Tôn trọng và bảo vệ đức hiếu hạnh cũng chính là tôn trọng và bảo vệ đời sống Nhơn loại. Xã hội loài người của chúng ta hiện nay, vì xem nhẹ khinh thường hiếu đạo, nên có biết bao những thảm họa tệ nạn đau thương khốc liệt đã và đang xảy ra hằng ngày. Đó là hậu quả thương tâm của sự đánh mất gốc rễ đạo đức nhân bản, nên cả Nhơn loại phải hứng chịu. Bản thân hư hỏng, gia đình không hạnh phúc, xã hội đảo điên thác loạn, đó là những bức tranh thật ám đăm buồn thảm đen tối nhứt của cuộc sống Nhơn loại hiện nay. Muốn cho gia

đình và xã hội được an bình lợi lạc, thì mỗi cá nhân phải nỗ lực tu chỉnh bản thân mình, phải kiên trì phục hồi đạo đức nhân bản, những nếp sống văn hóa hương thượng cao đẹp, biết yêu thương tương kính cảm thông và phải thiết lập truyền thông với nhau trong tinh thần hòa ái, cởi mở, bằng những tâm từ bi, hỷ xả bao dung và tha thứ. Có thể, thì hơn loại mới bớt đi những nỗi thống khổ và xã hội mới giảm thiểu đi nhiều tệ nạn, tai hại khốc liệt.

Tóm lại, chỉ có con đường "Hiếu Đạo" mới mang lại cho con người có được nhiều an vui hạnh phúc mà thôi. Bằng không, thì hơn loại vẫn phải mãi mãi chịu nhiều gánh nặng đau khổ triền miên trong cõi đời đầy đau thương hệ lụy này.



Đâu phải chỉ riêng người phật tử mới có trái tim này, mà tất cả mọi loài chúng sinh đều sẵn có. Có một cách đầy đủ. Tuy sẵn có, nhưng tại vì chúng ta chưa biết cách sử dụng đúng mức đó thôi. Một người hoan hỷ là một người cực kỳ hạnh phúc. Ngược lại, người nào cố chấp thì người đó cực kỳ đau khổ.

Đến tâm Xả thì lại càng quan trọng hơn. Tâm xả cũng là một loại tâm hành tích cực không giới hạn. Tâm xả là buông bỏ tất cả không dính mắc bất cứ thứ gì. Con người luôn bị trầm luân đau khổ trong vòng sanh tử là vì con người quá nặng chấp coi trọng bản ngã. Chúng ta thường có bệnh chấp ngã và chấp pháp. Nói ngã hay ta, chẳng qua chỉ là một khái niệm, kỳ thật thì tìm không ra cái ngã. Nếu cho thân này là ngã, thì đó là một sai lầm rất lớn. Bởi thân này là do các điều kiện hợp lại tạo thành. Trong nhà Phật gọi thân này là hợp thể ngũ uẩn. Nghĩa là 5 thứ hợp lại tạo thành thân. Năm thứ đó là gì? Là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Sắc thuộc về sắc chất chỉ cho bốn đại: Đất (thuộc thể cứng) nước (thuộc thể lỏng) gió (thuộc thể hơi, không khí) lửa (thuộc nhiệt độ). Còn bốn thứ kia thọ, tưởng, hành và thức thuộc về tinh thần có hiểu biết. Nói gọn, thân này kết hợp bởi hai phần: "thể chất và tinh thần". Nếu bảo thể chất (4 đại) là mình, thì tinh thần là ai? Ngược lại, nếu cho tinh thần (thọ, tưởng, hành, thức) là mình, thì bốn đại là ai? Nếu cho tất cả những thứ đó là mình, thì hóa ra mình là một thứ tạp nhạp vậy sao? Phạm nói ngã phải hội đủ ba nghĩa: chủ thể, tự tại và thường như. Xét thân này cái gì là chủ thể? Nếu là chủ thể thì nó không bị vô thường chi phối nghĩa là trước sau như một. Đã thế thì làm gì có chết? Thế

biết thương họ. Bản thân mình mình không biết thương yêu, thì nói chi đến việc thương yêu kẻ khác? Thế nên, trước khi yêu thương người khác, thì mình phải biết yêu thương bản thân mình trước. Yêu thương bản thân mình không có nghĩa là mình cung phụng phục vụ làm nô lệ cho bản thân ăn sung mặc sướng... Mà yêu thương bản thân mình là mình phải biết hành động, hưởng dụng, tiêu thụ có ý thức. Biết cái nào nên làm và cái nào không nên làm. Như ăn, mình cũng phải biết thực phẩm nào có lợi và thực phẩm nào có hại. Lợi thì dùng, hại thì tránh... Tâm Từ chỉ là mới đem lại nguồn an vui cho chính mình cũng như cho kẻ khác.

Đến tâm Bi thì lực dụng của nó mạnh hơn. Bi tâm là lòng thương yêu mãnh liệt nhằm triệt tiêu gốc khổ ở nơi chính mình và mang hạnh phúc thực sự đến cho muôn loài. Tâm bi cũng là một thứ tâm hành tích cực, trải rộng lòng thương đến muôn loài. Đây không phải là thứ tình yêu thương suông trên ngữ ngôn văn tự hay đầu môi chót lưỡi, mà là phải thể hiện bằng hành động cụ thể. Bi có tánh cách hướng đến hành động tích cực hơn là tiêu cực. Bi mà thụ động thì chưa phải là tâm bi.

Đến tâm Hỷ cũng thế. Hỷ là niềm vui, là hạnh phúc. Mình có vui, có hạnh phúc thì mới có thể chia sẻ cái vui, cái hạnh phúc đó đến cho mọi người, mọi loài. Hỷ cũng là một loại tâm hành tích cực. Người hoan hỷ là người biết tha thứ yêu thương. Một con người có tâm hồn rộng mở, có một trái tim nóng bỏng tỏa sáng như trái tim mặt trời. Đó là trái tim bao dung chan hòa tình thương khắp tất cả.

Chung Quanh Ngày Lễ Hội Vu Lan Báo Hiếu

Ở Úc, hằng năm, những ngày sắp cuối đông là báo hiếu mùa Vu lan lại trở về. Nói rõ hơn, khi thời gian bước qua đầu tháng bảy âm lịch, thì cái không khí Vu lan khắp nơi trên đất Úc bắt đầu nhộn nhịp chuẩn bị cho những ngày lễ hội Vu lan truyền thống. Các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Bắc Truyền hay Bắc Tông, dù lớn hay nhỏ cũng đều tổ chức mừng ngày Vu lan Thắng hội. Các ngôi chùa lớn (tức có giấy phép xây dựng mang tầm cỡ kích thước rộng lớn có thể dung chứa nhiều người làm lễ) rải rác khắp nơi trên xứ Úc khi làm lễ có đông người đến dự. Trong khi đó, thì các ngôi chùa nhỏ, cải gia vi tự, như niệm Phật đường hay Tịnh thất v.v... khi làm lễ số lượng người đến tham dự tất nhiên là có giới hạn. Thứ nhất, là khung cảnh chật hẹp, thứ hai, là không có chỗ đậu xe, thứ ba là không có giấy phép sinh hoạt của chánh quyền sở tại cấp phát. Chính vì thế, nên những đại lễ của Phật giáo như Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán đều sinh hoạt có giới hạn. Nếu như gây ồn ào mà những cư dân lân cận quanh vùng than phiền là có chuyện rắc rối không hay. Nếu họ thưa kiện thì gây ra phiền phức lớn. Đó là điều khác biệt sinh hoạt so với những người dân sống chung quanh chùa ở Việt Nam. Những người sống gần chùa thì chỉ có ở thành phố, chứ còn ở quê thì số người sống gần chùa rất ít. Điều đáng nói, là luật lệ của mỗi quốc gia được quy định khác nhau. Nhất là vấn đề văn hóa, tập quán mỗi nước mỗi khác.

Trở lại vấn đề trên, ngày đại lễ Vu Lan các chùa ở Úc tổ chức thời gian khác nhau. Nếu các chùa ở gần nhau, nhất là trong một Giáo hội, thì phải lựa ngày giờ tránh sự trùng hợp. Bởi đa số đều tổ chức vào những ngày chủ nhật cuối tuần. Vì ngày cuối tuần mới có đông phật tử tham dự. Nếu như trùng hợp, thì số lượng phật tử tham dự rất ít. Tuy nhiên, vì thời gian tổ chức chỉ giới hạn trong vòng tháng bảy âm lịch, nên các chùa không sao tránh khỏi sự trùng hợp. Đó là điều không thể tránh. Vì số lượng phật tử quanh đi quẩn lại chỉ có ngần ấy, cho nên họ phải phân tán ra, có khi họ đi dự lễ hai ba chùa trong ngày. Vì thế số lượng người tham dự mỗi kỳ lễ hội không đồng đều. Dĩ nhiên, các chùa lớn có tầm vóc, thì lúc nào số lượng người tham dự cũng đông đảo hơn.

Về hình thức, người phật tử đến chùa, ngoài việc dự lễ chính thức ra, họ còn cúng bái cầu siêu, cầu an cho thân nhân ông bà cha mẹ họ hàng thân thuộc của họ. Vì thế, nên có chùa còn làm lễ dâng sớ cầu siêu. Đa số phật tử thích tụng kinh Vu Lan và Kinh Báo Phụ Mẫu Ân, vì kinh văn diễn dịch theo thể văn vần nên dễ tụng và dễ hiểu. Do đó, trong mùa Vu Lan Báo Hiếu người phật tử thích đến chùa tụng niệm là vậy. Tuy nhiên, số người này rất ít. Còn lại, họ chỉ biết thắp vài nén nhang và lạy ba lạy quỳ khấn lâm râm cầu nguyện Phật, Bồ tát gia hộ cho bản thân họ hoặc thân nhân ông bà cha mẹ hay con cháu của họ luôn được mạnh khỏe, tai qua nạn khỏi, thường gặp những điều may mắn, hanh thông trong cuộc sống v.v... Đó là những người chỉ biết đến chùa thắp nhang cúng bái khấn vái theo hình thức tín ngưỡng cạn cợt mà thôi. Dù sao họ cũng còn

Ta nên ý thức rằng:

*Xuân sang mấy độ xuân qua
Xuân về mấy chốc xuân xa ta rồi
Xuân nào ta nhớ đời đời
Là "Xuân Di Lạc" nụ cười không phai*

Hoan hỷ là một trong những đức tánh rất quan trọng của người tu. Người hoan hỷ là người luôn có tấm lòng bao dung rộng mở. Ngược lại, kẻ cố chấp thì làm sao hoan hỷ được? Đọc kinh Phật hẳn chúng ta còn nhớ bốn tâm quan trọng gọi là "Tứ vô lượng tâm". Đó là những tâm hành tích cực không biên giới. Những tâm hành đó là gì? Là tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ và tâm Xả. Người phật tử cần thực tập bốn tâm hành này vào đời sống hằng ngày. Đây là bốn tâm hành tích cực, tâm nào cũng đem lại cho chúng ta có nhiều an lạc hạnh phúc cả. Tâm Từ là lòng thương yêu trải rộng khắp muôn loài vạn vật. Nhưng muốn trải rộng tâm Từ đó, thì trước hết người phật tử phải trân quý yêu thương mình. Có yêu thương mình tất nhiên là mình không làm những điều sai trái. Không gây ra đau khổ cho chính bản thân mình. Như rượu chè, cờ bạc, hút chích xì ke ma túy v.v... đây là những lối hưởng thụ tự đào huyệt chôn mình. Bởi mình không biết tôn trọng yêu thương mình. Một người bị bệnh sơ gan mà vẫn cứ uống rượu, thử hỏi hành động như thế thì mình có thật thương mình không? Dù bác sĩ đã hết lời khuyên nhắc cũng như thân nhân bạn bè hết lời khuyên bảo, nhưng họ tánh nào vẫn tật nấy quyết không chịu cai nghiện, thì làm sao họ hết bệnh được?! Đó có phải là họ tự sát không? Thế thì, họ đâu có

Xuân Hoan Hỷ

Xuân tâm hay Xuân cảnh cả hai đều quan trọng. Nếu chỉ có Xuân tâm mà thiếu Xuân cảnh thì Xuân đó cũng chưa trọn vẹn. Xuân cảnh mang lại cho con người có nhiều sắc thái vui tươi. Nó tô điểm làm tăng thêm vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời. Người phật tử vui xuân, thường xuân có khác hơn người đời. Người phật tử không phải chỉ vui xuân gói gọn trong ba ngày Tết. Mà xuân của người phật tử phải là lúc nào cũng là mùa xuân cả. Nếu chỉ giới hạn trong ba ngày Tết vui xuân không thôi, vậy thì những ngày khác thì sao? Không lẽ những ngày khác thì mặt ủ mày ê, ngồi đâu cú rũ đó, buồn rầu thê thảm. Nhìn thấy gương mặt không có mùa xuân chút nào. Như thế thì sao gọi là người phật tử? Phật tử là con của một con người giác ngộ hoàn toàn. Mà giác ngộ thì đâu có mê, đâu có buồn rầu áo não như thế. Thế thì xuân đến chỉ thoáng qua rồi mất. Xuân đó là mùa xuân ngoại tại, xuân của thời tiết nhân duyên, chứ đâu phải là mùa xuân như ý vĩnh cửu. Người phật tử phải tự chế tác cho mình luôn có một mùa xuân bất diệt. Đó là xuân tâm, hay xuân lòng, không bao giờ thay đổi theo thời gian. Như vậy, mới đúng ý nghĩa của mùa "Xuân Di Lạc". Mùa xuân hoan hỷ luôn nở nụ cười tươi. Người phật tử phải luôn duy trì mùa xuân hoan hỷ.

*Xuân về muôn vạn ý
Hoan hỷ vẫn là hơn
Buông bỏ mọi giận hờn
Cho đời thêm tươi sáng.*

nhớ đến cội nguồn nên họ mới về chùa cúng bái. Bởi ông bà cha mẹ của họ khi mất được thờ tự hương khói trong chùa. Cho nên Vu Lan là dịp tốt nhất để họ về chùa thắp hương cầu nguyện lễ lạy.

Còn người phật tử có học Phật hiểu khá hơn, thì họ biểu lộ niềm tin có khác hơn đôi chút. Nghĩa là, ngoài việc tụng niệm cúng bái cầu nguyện thông thường ra, họ còn khéo biết áp dụng những lời Phật dạy trong đời sống hằng ngày của họ. Họ nghĩ rằng, Vu Lan chỉ là thời điểm thức nhắc người ta nhớ về cội nguồn. Chứ Vu Lan không phải chỉ có cúng kiến lễ bái cầu nguyện ngàn ấy thôi. Chả lẽ trong một năm dài, chờ đến ngày Vu Lan mới tới chùa cúng bái cầu nguyện cho ông bà cha mẹ một lần thôi sao? Còn những ngày khác thì không nhớ đến hay sao? Nếu chỉ hiểu như thế, thì thiết nghĩ, người đó thật chưa hiểu gì về ý nghĩa Vu Lan cả. Muốn hiểu Vu Lan là gì? ta cần phải truy nguyên cái nguồn gốc của hai chữ này. Thuật ngữ Vu Lan viết đủ là Vu lan bồn đây là dịch âm của người Trung Quốc. Nguyên tiếng Phạn là Ullambana, hoặc dịch âm khác là Ô lam bà na, cách dịch âm này tuy tương đối gần âm với tiếng Phạn hơn, nhưng chữ này lại không thông dụng trong giới Phật học. Người Trung Quốc dịch nghĩa của chữ Ullambana là "giải đảo huyền". Dịch ra tiếng Việt là cứu cái khổ bị treo ngược. Chữ "giải" có nghĩa là cởi trói hay giải phóng ai ra khỏi cái ách khổ đau nào đó. Chữ đảo có nghĩa là ngược hay dốc đầu xuống đất, chân chổng lên trời, theo kiểu tròng chuối. Đây chỉ cho một hình phạt nghiêm khắc quá khổ sở. Chữ huyền có nghĩa là treo lơ lửng. Như vậy, cụm từ giải đảo huyền nghĩa là tháo bỏ các cực hình treo ngược.

Cứ theo ý nghĩa này, thì phải nói, hầu hết chúng ta ai cũng đều bị cái khổ treo ngược cả. Treo ngược nói theo Kinh Lăng Nghiêm là chúng ta hiện sống trong điên đảo. Điên đảo là cái nhìn méo mó lộn ngược. Đầu cho là đuôi, đuôi lại cho là đầu. Tức lấy đầu làm đuôi hay lấy đuôi làm đầu. Đây là cái nhìn lộn ngược theo tri kiến vọng chấp. Đó là cái nhìn của "tỷ lượng" và "phi lượng". Chính cái nhìn tri giác sai lầm này nên chúng ta còn phải chịu nhiều trói buộc khổ đau. Do nhìn sai (vọng hay tà kiến) nên tạo nghiệp bất chính, kết quả phải gặt hái quả khổ đau. Theo Kinh Vu Lan, nguyên nhân Phật nói là vì muốn cứu cái khổ địa ngục cho bà Mục liên thanh đề. Bà Mục liên thanh đề chỉ là tiêu biểu cho cái nổi thống khổ lớn của chúng sinh. Vì bà tạo nghiệp ác nên phải chiêu cảm quả báo ác. Muốn hết khổ là phải có cái nhìn đúng với chân lý. Phải biết rõ khổ, tìm nguyên nhân gây ra đau khổ, rồi phải tìm phương pháp diệt khổ, và khi hết khổ thì sẽ chúng được Niết bàn. Đó là lối biện chứng pháp của Tứ diệu đế. Hằng ngày ta sống trong đau khổ, bởi do vô minh phiền não tác động tạo nghiệp, muốn hết khổ phải diệt trừ vô minh, vô minh hết, thì Niết bàn có mặt. Đó là chúng ta đi theo lộ trình tu chứng của phương pháp Tứ diệu đế. Bốn chân lý màu nhiệm có năng lực cứu khổ chúng ta.

Khi nói đến Vu Lan hay Báo Hiếu là ta phải quán chiếu thật sâu vào tâm thức. Ta có nổi khổ của bà Mục liên thanh đề, và ta cũng có khả năng cứu khổ của Phật và Thánh tăng. Vì mỗi chúng ta ai cũng sẵn có hai loại hạt giống khổ và vui, thiện và ác v.v... Nếu ta khéo biết sử dụng năng lượng của trí tuệ và từ bi thì ta có thể cứu khổ

chùa để có được lợi lạc ngay trong đời sống hiện thực. Nếu không được như thế, thì việc đi chùa của người phật tử chỉ mất thời giờ vô ích và không khéo sẽ làm trò cười cho khách bàng quang thiên hạ mà thôi. Chẳng những không có lợi lạc mà còn mang thêm tội lỗi nữa. Kính mong mọi người hãy tự quán chiếu sâu sắc lại lòng mình và hành động đi chùa của mình. Để từ đó, chúng ta có thể hoán cải điều chỉnh mục đích và hành động đi chùa của chúng ta cho phù hợp với chánh pháp và đúng theo tinh thần của người phật tử đi chùa. Có thể thì việc đi chùa của người phật tử mới thực sự có lợi lạc hạnh phúc trong hiện tại và mai sau vậy.



hạng người duy nhất sau cùng là đi chùa đúng theo tinh thần cầu tiến học hỏi của người phật tử. Đó là hạng người đến chùa để tu học và để trở thành một người phật tử chơn chánh tu học đúng theo chánh pháp. Đó mới thực sự là người phật tử thuần thành. Đi chùa phải có lợi lạc cho thân tâm của họ. Đến chùa để có được an lạc hạnh phúc, chứ không phải đi chùa cho có lệ hay mong cầu thứ nọ. Đi chùa như thế, mới đúng ý nghĩa đi chùa và mới đem lại lợi ích thiết thực trong đời sống. Đi chùa cốt để trau dồi hạnh giải tương ưng, học và hành phải đi đôi với nhau. Đi chùa mà không tìm hiểu học hỏi chánh pháp thì làm sao áp dụng thật hành đúng theo chánh pháp? Đi chùa phải có một quan niệm đúng đắn và thực tiễn, không nên đi chùa chỉ biết tạo phước không thôi. Nếu tạo phước thì ở đâu lại không tạo được, đâu cần phải đến chùa mới tạo phước được. Người xưa có nói: *"Dầu xây chín đợt phù đồ (bảo tháp) không bằng làm phước cứu cho một người"*. Thế thì người ta không đến chùa mà họ làm những việc từ thiện giúp người cứu đời, thế không phải là họ đang tạo phước đó hay sao? Phật dạy người phật tử phải tu cả hai: phước trí trang nghiêm, cả hai đều phải song hành lưỡng toàn mới có thể đạt thành quả Phật được.

Như đã nói, tùy theo căn duyên của mỗi người mà có những hạng người đi chùa khác nhau. Chúng tôi rất tôn trọng niềm tin, căn duyên và chủng tánh của mỗi người. Nhưng ở đây, chỉ xin nêu ra để chúng ta thấy người phật tử đi chùa không phải đơn thuần chỉ có một hạng người. Hơn thế nữa, để chúng ta hiểu mà có thể điều chỉnh lại cho đúng cách theo phương hướng của việc đi chùa. Đi

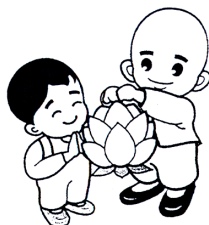
cho chính mình và từ đó ta mới có thể cứu độ người khác. Nếu không tự cứu lấy mình thì đừng hòng nói đến chuyện cứu độ người khác. Đó là thể hiện đúng theo tinh thần tự lợi và lợi tha trong đạo Phật.

Nói "về nguồn" tức là trở về lại chính bản tâm của mình. Vì bản tâm là cội nguồn của muôn pháp. Người tu là phải biết rõ nguồn tâm mới đạt được diệu lý của Phật. Vì diệu lý hay chân lý tuyệt đối chính đó mới thực sự là ông "Thầy gốc" tức "thủy tổ" của chúng ta. Hiểu thế, thì Vu Lan mới thực sự có ý nghĩa thâm sâu cứu mình độ người. Đó cũng chính là cái "Hiếu" cùng tột trong tất cả cái hiếu. Và ngày lễ Vu Lan không phải chỉ có biểu lộ trên mặt hình thức không thôi, mà nó còn nói lên cái ý nghĩa nội dung thâm sâu là phải chuyển hóa nghiệp thức. Nói cách khác là chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển sanh tử thành Niết bàn, chuyển thức thành trí, chuyển tam độc thành Tam vô lậu học v.v... Có thế, thì ta mới thực sự hiểu rõ thâm nghĩa Vu Lan trọn vẹn. Bằng không, thì ta chỉ hiểu một chiều trên mặt hình thức lễ nghi cúng bái không thôi. Như vậy, thì không có lợi lạc gì cho sự tu hành của chúng ta cả. Và ngày lễ Vu Lan trở thành lệ thường chỉ có tín ngưỡng ngoài da, nặng mang hình thức mà thôi.

*Vu Lan lễ hội thanh cao
Nhớ về đất Mẹ chóng mau về nguồn
Vu lan vượt thoát mẫu khuôn
Ra ngoài hình thức lụy buồn khổ đau
Vu lan hương sắc một màu
An nhàn giải thoát ngọt ngào tinh hoa*

*Vu lan Thăng hội thiết tha
Hiếu tâm gìn giữ bay xa khắp trời
Vu lan nguồn sống muôn đời
An lành tự tại vạn lời tán dương
Vu lan vượt khỏi lệ thường
Tâm linh nguồn cội con đường ngàn xưa
Bông hồng xinh đẹp đong đưa
Hái cài ngực áo sớm trưa thanh nhàn
Ta về tắm gội Vu Lan
Vạn sầu bi lụy khóc than không còn*

(Thích Phước Thái)



là hạng người trọng Phật kính Tăng và chịu khó cần cù siêng năng tu học. Họ làm việc trong âm thầm và rất khiêm tốn không cần ai biết đến họ. Họ giúp chùa rất nhiều nhưng chưa bao giờ thấy họ tỏ ra kên kiêu hống hách khoe khoang với ai. Họ là hạng người không cần phô trương bản ngã. Người như thế mới đúng là mẫu người đi chùa. Vì họ là người rất am hiểu nhân quả nên việc hành xử của họ đúng theo cương vị và luật tắc của một người phật tử. Hạng người này đáng cho chúng ta học hỏi noi theo.

V. Lợi ích thiết thực của việc đi chùa

Đại khái, chúng tôi chỉ nêu ra những hạng người đi chùa tiêu biểu thế thôi, thật ra, thì còn nữa chứ không phải chỉ có bao nhiêu đó. Tuy nhiên, bao nhiêu đó cũng tạm đủ để chúng ta quán chiếu thành thật với chính mình, xem mình thuộc về hạng người nào trong số những hạng người đã nêu trên. Nếu chúng ta đi chùa không nhằm mục đích tu học, thì đó chưa phải đúng nghĩa đi chùa. Vì chùa lập ra để cho người phật tử có nơi tu học Phật pháp. Ngoài ra những nhu cầu tín ngưỡng khác chỉ là đáp ứng nhứt thời chứ không phải là mục đích của ngôi chùa. Như đã nói, ngôi chùa là một cơ sở giáo dục, hoằng pháp. Chính là cái nôi rèn luyện để người phật tử đến tu tập. Nhờ đó mà người phật tử mới có được lợi lạc trong đời sống hiện tại và tương lai cũng được hạnh phúc.

VI. Kết luận

Xét qua những hạng người đến chùa nói trên, chỉ có một

- Có người đến chùa vì có cha mẹ hay ông bà qua đời. Con cháu bắt buộc phải đến chùa để cúng thỉnh Tăng, Ni đến nhà quán hoặc tại tư gia để làm lễ. Rồi đến những tuần thất, họ cũng phải đến chùa để cúng. Đó là vì ông bà hoặc cha mẹ của họ mất nên họ mới có dịp đến chùa để coi ngày giờ... Khi tang lễ xong xuôi, thỉnh thoảng họ mới đến chùa với tánh cách viếng thăm hương linh mà thôi. Có người nhờ đó mà họ mới biết đến chùa chiền. Còn không, thì có khi cả đời họ không biết đi chùa là gì cả.

- Có người khi gặp hoạn nạn hoàn cảnh khổ đau nào đó, thì họ tìm tới chùa. Đi chùa được một thời gian, khi con buồn khổ đã qua, và có một niềm vui riêng nào đó, thì họ lại bái bai chùa không một chút luyến tiếc.

- Có người đi chùa chỉ vì xin xăm bói quẻ kiết hung hay cúng sao giải hạn cầu khẩn để được tai qua nạn khỏi. Ngoài ra họ không cần biết những điều gì khác xảy ra ở trong chùa. Đây là hạng người đi chùa theo dạng thức mê tín và tà kiến.

- Có người đi chùa chỉ biết thiết tha trong việc tu học. Hạng người này, họ đến chùa bằng tất cả tấm lòng chí thành chí kính, chỉ biết tu và học thôi. Ngoài ra, chùa cần gì họ giúp thì họ cũng không từ nan. Họ có quan niệm rất rõ rệt và dứt khoát. Mục đích của họ đến chùa là để tu, để rèn luyện tâm tánh, nghe pháp, học hỏi những điều hay lẽ phải. Nhờ có nghe pháp học hiểu giáo lý nên họ mới sửa đổi tâm tánh của họ. Đây là hạng người có tâm cầu tiến rất tốt. Họ luôn trung thành phụng sự thờ kính Tam bảo. Họ

Hương Xuân

Theo sự vận hành xoay vần của vũ trụ, mùa xuân là mùa ấm áp trăm hoa đua nở, cây cối xanh tươi, tự nó đã tô điểm với muôn màu vẻ đẹp kiêu diễm khoe hương, khoe sắc phô bày trước mắt. Cảnh quang cũng mang lại cho con người nhiều điều thú vị thưởng thức. Bởi mùa xuân là mùa gợi cảm kích động tâm tư của con người với nhiều cảm quan hy vọng. Bao nhiêu kỳ vọng ước mong được thể hiện trong những lời chúc tụng cầu nguyện. Điều mà cả thế giới loài người hằng thao thức ưu tư và chỉ ước mong được sống trong một thế giới hòa bình. Không ai muốn nhìn thấy những cảnh tượng khổ đau diễn ra, bởi do lòng tham vọng háo thắng gây chiến, tạo đủ mọi thế cách tàn sát lẫn nhau. Bất luận cuộc chiến tranh được trang bị bằng những nhãn hiệu dưới bất cứ hình thức nào, tất cả cũng chỉ làm đau khổ cho nhau mà thôi.

Sống trong một thế giới còn đầy đầy tràn ngập hận thù, khủng bố bạo động, tranh chấp, luôn tìm đủ mọi cách thế thủ đoạn để thanh toán tàn hại lẫn nhau, thử hỏi như thế thì làm sao nhóm loại có thể sống chung hòa bình?! Ước vọng đó tuy cực kỳ đơn giản, nhưng lòng người thật không giản đơn chút nào. Bởi tâm tư con người còn quá nhiều tham vọng, còn nô lệ cho tham, sân, si sai khiến, còn chấp nặng những định kiến sai lầm, còn thấy bản ngã của mình cao tột hơn hết, từ đó gây ra biết bao hệ quả làm khổ lụy cho nhau không biết bao giờ mới thực sự chấm dứt.

Dù nhơn loại đang sống trong một kỷ nguyên mới với một nền văn minh khoa học kỹ thuật tân tiến vượt bậc, nhưng nhìn lại thân phận của con người, thực sự chưa có văn minh trên chiều hướng thăng hoa đạo đức làm đẹp cuộc sống. Văn minh vật chất chỉ là những hiện tượng đáp ứng mọi nhu cầu tạm bợ nhứt thời của cuộc sống, văn minh tinh thần mới thực là chủ yếu quan trọng, vì chính nó là chánh nhân chỉ đạo tạo tác hướng dẫn đời sống. Cho nên, nhơn loại muốn có một cuộc sống hanh thông, giảm bớt những nỗi khổ đau, thì cần phải tạo thế cách quân bình giữa hai nền văn minh: "Vật chất và tinh thần". Văn minh tinh thần lấy đạo đức nhân bản làm chuẩn đích để từ đó phát huy mạnh mẽ trong chiều hướng xây dựng bản thân, gia đình và xã hội. Đạo đức nhân bản là nâng cao điều thiện, tức thực hiện những điều lành tốt đẹp, tránh xa những điều bất thiện ác đức tổn mình hại người. Chỉ có thế thì nhơn loại mới thực sự được mệnh danh là đúng nghĩa văn minh. Bằng ngược lại, thì chưa có thể gọi là văn minh trọn vẹn.

Cứ nhìn vào thế giới loài người hiện nay, chúng ta thấy đạo đức nhân bản của con người ngày càng biến chất, mất gốc, tuột giốc thê thảm. Bao nhiêu cuộc nổi loạn, bạo động, tranh chấp gây hấn chiến tranh, đầu đá chém giết lẫn nhau từ trong gia đình, học đường đến ngoài xã hội, tất cả đều diễn ra hằng ngày khắp nơi trên thế giới. Quả đó là một thương tâm mà nguyên nhân chính là do con người sống thiếu đạo đức tình người làm mất đi tính chất thiêng liêng cao đẹp của con người mà ra.

là được rồi. Hạng người này thật là đáng thương cho họ. Vì họ càng đến chùa thì chỉ càng thêm tôn phước và nặng mang cái khẩu nghiệp mà thôi.

- Có người đến chùa không phải để tu học, mà chỉ đi rảo chung quanh dòm ngó đồ đạc trong chùa để rồi họ tìm cách thề chộm chĩa. Hạng người này họ là đồ đệ của đạo chích. Họ bất chấp tội lỗi, vì đó là một tật tánh trở thành thói quen của họ. Có thể họ vì một hoàn cảnh hay một lý do nào đó, để rồi trở thành một kẻ chuyên đi trộm cắp. Thật cũng đáng thương xót lắm thay! Khi đã gieo nhân bất thiện thì làm sao tránh khỏi quả báo ác?

- Có người đi đến chùa là chỉ vì tình cảm với Tăng, Ni. Một khi hết có tình cảm rồi thì họ lại đi sang qua chùa khác. Khi đến chùa khác tất nhiên là họ lại nói xấu chùa này. Họ phê bình nói xấu vị Tăng hay Ni nào đó mà trước kia họ đã từng thân thiện quý kính. Nay khi tình cảm không còn, thì họ sẵn sàng trở mặt không một chút ngại ngùng e thẹn, và bất chấp tội lỗi. Họ cũng biết nói xấu Tăng, Ni là một trọng tội, nhưng vì tự ái bản ngã quá cao nên họ lại gây ra như thế. Thật là đáng thương xót tội nghiệp biết bao!

- Có người đến chùa trong một trường hợp đặc biệt nào đó là do có đám sám bạn bè mời đến để tham dự. Do đó, nên họ mới bước chân tới chùa. Đây là hạng người đến chùa vì bạn bè mà thôi. Chứ không phải họ là người phát tâm đi chùa.

làm oai để mọi người thấy họ quan trọng mà không ai dám đụng đến họ. Họ thuộc về dạng người thích lập công ra vẻ ta đây. Hạng người này chắc chắn là không ai ưa thích họ rồi.

- Có người họ đến chùa chỉ để ngắm cảnh hoặc nhiếp ảnh, đi dạo qua cho biết, xong rồi họ đi về. Họ chưa từng bước chân vào trong chùa để nhìn ông Phật hay Bồ tát xem tướng hảo và việc thờ phụng như thế nào. Tỉnh thoảng họ đến chùa để dạo cảnh nhiếp ảnh mà thôi.

- Có người đến chùa cốt để tìm nơi yên tĩnh để cho bớt những căng thẳng bức xúc ưu phiền. Khi đến chùa họ tìm một nơi thật vắng vẻ ít người lai vãng để họ tĩnh tọa dưỡng tâm. Họ không biết thiền quán là gì, nhưng vì quá bức xúc buồn bực nên họ muốn tìm nơi thanh vắng yên tĩnh để lắng lòng cho vui bớt phiền não. Cho tâm hồn họ lắng dịu lại. Chỉ có thế thôi!

- Có người đến chùa chụm ba chụm bảy với nhau để mà tán hươu tán vượn bình luận thiên hạ sự để mà ăn cơm chùa. Đây là hạng người thuộc dạng nhiều chuyện. Họ đi sẵn tin và có hằng lô câu chuyện cũ mới, xưa nay, để rồi họ đem ra bình luận, khen người này, chê trách người kia vân vân và vân vân. Toàn là những chuyện thị phi bù khú ở thế gian, họ đem ra bàn tán cho hết giờ hết buổi. Thế là đến giờ cơm thì họ không ngần ngại vẫn đi thọ thực như bao nhiêu người khác. Vì họ nghĩ đây là cơm chùa cứ ăn. Hạng người này họ không biết tội lỗi là gì. Mà dẫu có biết họ cũng chẳng mán. Miễn sao nói cho khoái cái lỗ miệng

Dù vẫn biết những nhà lương tâm đạo đức trên thế giới đã lên tiếng đánh động kêu gào, cũng đã bao lần hội họp để mưu tìm ra giải pháp thích nghi, nhằm để hóa giải, hạn chế giảm thiểu tối đa những cuộc nổi loạn, chiến tranh, khủng bố, bạo động, tranh chấp, hận thù v.v... Thế nhưng, đó chỉ là những tiếng kêu gào thét trong sa mạc, trong không gian vô vọng, rốt lại cũng không hoá cái chuyên hóa được gì, bởi không có ai quan tâm chú ý đến những lời thiết tha kêu gọi đó. Thực tế thật là quá đau lòng!

Từ ngàn xưa, đạo Phật luôn soi sáng hướng dẫn đạo đức cho con người bằng những tuệ giác nhằm chấm dứt khổ đau. Con đường "Tứ Diệu Đế", đó là bốn chân lý tối thượng vi diệu, mà bất cứ thời đại nào cũng có thể đem ra áp dụng để làm lợi lạc cụ thể cho nhơn sinh. Đó là con đường thực tiễn, không lý luận huyền đàm, nhằm giải quyết những hệ lụy khổ đau mà con người chưa thoát khỏi. Chỉ có con đường đó mới đưa con người đến tận chân trời an lạc hạnh phúc mà thôi.

Thử kiểm điểm lại những biến động xảy ra trong năm qua, phải nói là một năm gây ra nhiều nỗi thương tâm cho cộng đồng nhơn loại. Ngoài chiến tranh, khủng bố tàn sát do con người gây ra, còn biết bao những trận thiên tai dòn dập xảy đến. Từ đám cháy Maria, ở Santa Paula, California vào tháng 11, gần 400km vuông đã bị thiêu rụi bởi hỏa hoạn và hàng ngàn người phải rời bỏ nhà cửa. Đến những trận cháy rừng trong mấy tháng qua cũng như hiện nay ở Úc. Do hạn hán và nhiệt độ lên cao có ngày lên đến gần 50 độ C. Đó là nguyên nhân gây ra những trận

cháy rừng khắp các tiểu bang mà nặng nhất là hai tiểu bang: New South Wales và Victoria. Những trận cháy rừng này kéo dài gây ra rất nhiều tổn thất và thiệt hại nặng nề về sinh mạng con người cũng như thú vật. Theo con số thống kê sơ khởi cho thấy gần 2000 ngôi nhà đã bị thiêu rụi, nửa tỷ động vật đã bị chết thiêu, hàng triệu ha rừng bị thiêu rụi, và hậu quả là bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng do khói bụi gây ra. Chính vì sự ô nhiễm môi trường này mà đã và đang gây ra nhiều bệnh hoạn, nhất là bệnh ho suyễn. Chính phủ và nhân dân Úc (không phân biệt màu da chủng tộc), đứng trước thảm cảnh bi thương thống khổ của những trận hỏa hoạn này, hàng triệu người như một, tất cả đều hướng lòng về nỗi bi thương mà thành tâm cầu nguyện và tận tâm lực giúp đỡ. Từ cá nhân cho đến các đoàn thể, các tôn giáo, đều nhứt loạt đồng đứng lên hô to kêu gọi mọi người cùng nhau đóng góp tài vật để cứu nguy trong cơn khủng hoảng hỏa hoạn này.

Có thể nói đây là trận thiên tai cháy rừng lớn nhất ở Úc. Gây chấn động cả thế giới và mọi người đều quan tâm chia sẻ nỗi đau khổ của toàn dân Úc. Nhất là đối với những nạn nhân đã bị chết và đau thương nhất là các loài động vật. Khoảng 8000 con Koalas bị thiệt mạng. Người ta không ai lại không xót xa cho những chiến sĩ cứu hỏa ngày đêm túc trực chiến đấu với thân hỏa. Có những người lính cứu hỏa, họ bất chấp hiểm nguy lăn xả vào những đám cháy khói tỏa mịt mù để cứu thoát những người đang bị lửa cháy bao vây. Cứ nhìn vào những hình ảnh hy sinh bất chấp thân mạng của những con người hào hùng tràn đầy nhiệt huyết chiến đấu từng giây phút với

một lay Phật. Họ đến chùa chỉ biết phục vụ, sai đâu làm đó. Họ cho rằng, làm công quả như thế là tu rồi. Họ tự hào cho việc làm như thế là đủ rồi cần gì phải tu niệm chi nữa. Họ nghĩ rằng, đi chùa làm công quả là có phước nhiều, không cần phải tu hành gì khác.

- Có người đi chùa, chỉ vì ông bà hoặc cha mẹ của họ thờ phụng trong chùa, nên họ chỉ đến chùa viếng thăm cúng bái thôi, chứ không phải họ đi chùa vì mục đích nào khác. Đây là hạng người đi chùa chỉ biết viếng thăm hương linh ông bà hoặc cha mẹ của họ đơn giản chỉ có thế thôi. Nếu có, thì họ cũng chỉ thắp ba nén hương rồi lay 3 lay Phật, xong rồi thì họ ra về.

- Có người đi chùa chỉ mong được gặp bạn bè hay người thân của họ để cùng nhau hàn huyên tâm sự cho đỡ buồn. Khi gặp nhau họ nói huyên thuyên, toàn là những chuyện tạp nhạp bù khú ở thế gian. Họ không một chút e dè ái ngại và để ý đến ai. Họ tha hồ tán gẫu với nhau cho khoái khẩu. Hạng người này thường gây ra sự ồn ào và làm náo loạn trong chùa. Chính họ làm cho cửa Thiền mất đi sự trang nghiêm thanh tịnh.

- Có người đi chùa chỉ biết tâng bốc dựa hơi thầy trụ trì để có được chức vụ mà lên mặt sai khiến kẻ khác. Hạng người này họ đến chùa để kiếm chút hư danh rồi cao ngạo hãnh diện với thiên hạ. Họ thấy họ rất quan trọng, vì được thầy trụ trì tin tưởng giao phó công việc cho họ. Đây là hạng người đến chùa chỉ khéo biết ton hót nịnh bợ kẻ trên và vênh vác hách dịch chỉ tay sai bảo kẻ dưới. Họ thích

- Có người đi chùa với mục đích là cốt để cúng bái cầu khẩn van xin Phật Bồ tát gia hộ cho họ và gia đình họ luôn được bình an, tai qua nạn khỏi, mọi việc đều như ý tốt đẹp. Đó là một hạng người họ chỉ biết đi chùa van xin cầu khẩn không thôi, ngoài ra không còn có gì khác. Có chăng là họ chỉ cúng chút ít tịnh tài hoặc một vài phẩm vật nào đó, với hình thức như là lo lót hối lộ. Họ xem Phật, Bồ tát như là một đấng thần linh có quyền năng ban phước giáng họa. Cho nên khi có việc thì họ đến chùa cầu khẩn van xin. Đạo Phật của hạng người này chỉ có thể thôi. Đây là hạng người đi chùa cốt để cầu nguyện van xin có lợi cho mình và gia đình mình. Thế là, họ biến ông Phật, Bồ tát từ vị trí giác ngộ xê dịch qua vị trí thần linh để gia hộ độ trì cho họ. Đi chùa cầu nguyện như thế thì quả thật là quá ích kỷ hẹp hòi và mê tín.

- Có người đi chùa với mục đích là để tò mò tìm hiểu những ngôn hạnh của Tăng, Ni và phật tử. Nếu như vị Tăng hay vị Ni nào đó, có những ngôn từ bất nhã hay những hành động thô tháo khó coi, thì họ đem những việc này ra ngoài để bán rao, nói xấu chê bai đủ thứ. Đây là hạng người đi chùa chỉ để: "*Vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết*". Tìm những kẽ hở lỗi lầm của Tăng, Ni rồi chê bai chỉ trích nói xấu sau lưng. Hạng người này họ bất chấp tội lỗi và cũng không cần biết tu hành là gì. Họ là hạng người không có một chút tự trọng.

- Có người đi chùa chỉ biết làm công quả giúp cho chùa thôi, ngoài ra, họ không còn biết gì khác. Họ chưa từng nghe một thời giảng pháp hay tụng một thời kinh hoặc lay

thần hỏa, nhằm để cứu thoát cho đồng loại trong cơn khổ nạn này, đủ để chúng ta thấy được tấm lòng hy sinh vị tha cao độ của họ. Chúng ta hãy thành tâm nghiêm mình cảm phục những người lính cứu hỏa hy sinh cao đẹp này.

Nhớ lại, cách đây vài năm, tôi không còn nhớ rõ năm nào, có dịp cùng đi chung với một phái đoàn ở chùa Quang Minh, mục đích là để viếng thăm cảnh cháy rừng (xin lỗi tôi không còn nhớ rõ địa danh vùng nào) ở Victoria. Nhìn thấy hậu quả của trận cháy rừng này còn để lại những dấu vết tang thương, bất giác lòng tôi trào dâng lên với bao nỗi niềm xúc động. Và trong niềm xúc động thương tâm đó, tôi có viết một bài thơ để diễn tả lại cảnh này. Và cũng để nói lên niềm xúc động của mình. Thiết nghĩ, bài thơ đó cũng rất thích hợp với cảnh thiên tai cháy rừng hiện nay.

Cảnh Cháy Rừng

*Cây xanh lá cả rừng cây đau đớn
Đứng phoir mình nám cháy xác tro vơ
Giữa không gian lửa cháy khói mịt mờ
Hòa tiếng khóc tiếng la người giãy chết
Lửa! lửa dữ lan tràn thiêu hủy hết
Xác người phoir lê lét giữa rừng sâu
Tiếng kêu la hét hoảng giữa đêm thâu
Cùng chạy loạn thảm sâu kêu áo nã!
Lửa rực sáng ngút trời cao hung bạo
Đốt thân người tiêu xác cháy ra tro
Đất đang bằng sóng dậy biết đâu lo
Cảnh tử biệt sinh ly nào nói hết*

*Lửa thù hận thêm chi nhiều mộng dệt
Đốt cháy mình và đốt cháy cả nhân gian
Rừng cháy kia có lúc phải ngưng tàn
Lửa sân hận biết bao giờ ngừng tắt hẳn?!
Lửa vật lý người còn không thể thắng
Lửa tham sân cay đắng biết là bao
Lấy lòng nhân xử sự nghĩa đồng bào
Tình nhân loại ngọt ngào trong máu đỏ
Cảnh hỏa hoạn thiên tai gây khốn khó
Xin mọi người chớ có khổ gâp thêm
Hãy nghiệm suy máu chảy ruột phải mềm
Cùng chung sống ấm êm trong hạnh phúc*

Mùa xuân là mùa gọi cảm mang nhiều sắc thái tin yêu. Hơn bao giờ hết, mùa xuân Canh Tý lại về trong lòng người Việt Nam đang dao động xôn xao nóng lòng về cảnh tượng cháy rừng gây nên thảm họa chung cho toàn dân Úc. Dĩ nhiên, trong đó có Cộng Đồng Người Việt (CĐNV) chúng ta. Chúng ta vẫn chuẩn bị đón Tết và ăn Tết theo truyền thống cổ truyền của dân tộc, nhưng bên cạnh đó chúng ta cũng vẫn không quên chia sẻ những nỗi khổ niềm đau mà những nạn nhân thiên tai hỏa hoạn hiện đã và đang hứng chịu. Điều rất mừng cho người Việt chúng ta, theo truyền thống văn hóa cao đẹp của dân tộc ta là: "*Uống nước nhớ nguồn hay ăn trái nhớ kẻ trồng cây hoặc ăn cây nào rào cây nấy*", vì thế, chúng ta không bao giờ quên cái thâm ân của chánh phủ và nhân dân Úc đã cứu mang và tận tình giúp đỡ chúng ta ngay trong buổi đầu hội nhập. Đó là một thâm ân rất lớn mà chúng ta luôn không bao giờ quên. Chính vì ý thức như thế, nên trong

chùa nhỏ hay lớn, đơn sơ hay hoành tráng, đều có chung một mục đích là mang tính tác dụng giáo dục. Thử nhìn lại, những giai đoạn hưng vong, thịnh suy của dân tộc và Phật giáo, lịch sử đã chứng minh, bất luận thời nào, ngôi chùa cũng đóng một vai trò then chốt quan trọng trong việc điều hướng giáo dục quần chúng nhân dân. Có thể nói chùa là cái nôi là cái lò rèn luyện chuyên đào tạo cho mọi người hướng thiện tu hành.

Có những ngôi chùa biến thành như một ngôi trường làng, đề ra chương trình giáo dục thực tiễn nhằm xây dựng đạo đức nhân bản cho con người. Mục đích là nhằm đào tạo con người có được đời sống tâm linh phong phú và trên hết là chất liệu văn hóa tình người. Đó là con đường hướng đến "Chân, Thiện, Mỹ" mà những vị tăng ni đóng vai trò chủ chốt trong việc đào tạo này. Một học giả đã viết: "*Thời Giao Châu đô hộ phủ, các lò huấn dục nhân tài ắt phải ở tại các ngôi chùa Phật giáo cổ xưa, vốn thân cận với nhân dân bị trị, nơi quy tụ tín ngưỡng của nhân dân*" (PGVN, Nguyễn Đăng Thục, T, 284)

IV. Những hạng người đi chùa

Như đã nói chùa là nơi hội tụ của tất cả mọi người, là cơ sở tín ngưỡng, còn gọi là ngôi nhà chung, là đại gia đình. Vì thế nên khi nói đến chùa người ta nghĩ ngay đến cửa chùa rộng mở để cho thập phương bá tánh đến chiêm bái. Chính vì là ngôi nhà chung nên có nhiều hạng người đến chùa với những mục đích khác nhau. Chúng tôi xin đơn cử một số người đến chùa tiêu biểu như sau:

về sau, gọi nơi tăng ni ở là "Tự", tiếng Việt gọi là chùa. Đó là những ngôi chùa đầu tiên đã được kiến lập ở Ấn Độ và Trung Quốc.

Riêng ở Việt Nam, chúng tôi thấy trong quyển Đạo Phật Việt Nam, xuất bản năm 1995 tại TP Hồ Chí Minh, Hòa thượng Thích Đức Nghiệp có nói đến ngôi chùa Yên Phú, thuộc xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Ngôi chùa này có mặt dài lâu nhứt trên đất nước Việt Nam tức vào khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch. Ngoài ra, trong quyển Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam tập I, khi nói về nhà sư Phật Quang và di tích đầu tiên của Phật Giáo Việt Nam, giáo sư Lê Mạnh Thát cũng có đề cập đến một ngôi chùa cổ ở trên núi Quỳnh Viên, nhưng rất tiếc ông không có nêu rõ tên chùa.

Nếu nói một cách chung chung, thì từ khi đạo Phật du nhập vào đất nước ta, khi đã có hình bóng của các vị tăng sĩ tu hành truyền đạo, tất nhiên là phải có những cơ sở cho những vị đó trú ngụ hoằng pháp. Cơ sở đó chính là ngôi chùa. Dĩ nhiên, trong thời kỳ phôi thai này, chắc chắn là những ngôi chùa đã được dựng lên, tất phải còn đơn sơ nghèo nàn lắm. Làm gì có được những ngôi chùa đầy đủ tầm vóc nguy nga tráng lệ, nghệ thuật kiến trúc thẩm mỹ hoa văn độc đáo như sau này.

III. Tác dụng của ngôi chùa

Về tác dụng của ngôi chùa, trước hết phải nói ngôi chùa mang chức năng là một cơ sở giáo dục. Nói chung, dù

những tháng ngày qua, CĐNV chúng ta đã hết lòng vận động quyên góp tài vật để hỗ trợ cho những nạn nhân thiên tai. Và đây cũng là cơ hội để chúng ta biểu lộ lòng tri ân của CĐNV chúng ta cho chánh phủ và nhân dân Úc biết. Riêng về việc gây quỹ của GHPGVNTN Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan được biết đến ngày 14/1/2020 với tổng số tiền lên đến 178,100 dollars Úc (theo báo cáo của bác sĩ Nhân trưởng ban vận động tài chánh của GH). Hiện GH vẫn còn đang tiếp tục vận động gây quỹ dưới nhiều dạng thức khác nhau.

Mùa xuân Canh Tý năm nay, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện cho nạn thiên tai cháy rừng chóng qua và mọi người vui sống trong cảnh yên lành. Cầu nguyện cho tất cả mọi người sống trong tình yêu thương huynh đệ, hóa giải mọi hận thù tranh chấp, xóa tan những định kiến sai lầm, cùng quyết tâm kiến tạo một xã hội Úc an bình ấm no thịnh vượng. và cầu nguyện cho toàn thể giới luôn sống trong cảnh thái hòa an lạc.



Vấn Đề Đi Chùa

Đi chùa là một hành động rất tốt không ai có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, đi chùa với mục đích gì? Đó là điều mà chúng tôi muốn trình bày góp chút thiện ý trong bài viết này. Nhân đây, chúng tôi cũng xin thưa trước, bài viết này chỉ nhằm mục đích xây dựng hơn là chỉ trích hay kích bác chê bai. Tuyệt nhiên, chúng tôi không dám có cái ý này. Mong quý độc giả khi đọc thấy có điều gì không mấy hài lòng thì xin hoan hỷ thông cảm thứ lỗi bỏ qua cho. Người xưa có câu nói: "Thuốc đắng dã tật, lời thật mịch lòng". Và cũng có câu nói: "Thà mịch lòng trước mà được lòng sau". Người viết thấy như thế nào thì xin trình bày như thế ấy. Hoàn toàn không có ý chỉ trích hay chê bai ai cả. Bởi vì cùng một hành động đi chùa, nhưng còn tùy theo căn cơ trình độ nhận thức của mỗi người mỗi khác, do đó nên không ai giống ai. Đi chùa có nhiều mục đích khác nhau. Nêu ra vấn đề này để mỗi người tự quán chiếu lại mình xem việc đi chùa của mình nhằm vào mục đích gì. Và có đúng ý nghĩa của việc đi chùa hay không? Ở đây, xin thưa là chúng tôi chỉ nói riêng trong phạm vi của những người con Phật mà thôi. Bởi có những người phật tử tuy đã quy y Tam bảo rồi, nhưng vẫn còn có những ý niệm lệch lạc về việc đi chùa. Do đó, nên chúng tôi thấy cần phải nêu ra để trao đổi thức nhắc chung. Xin được nhấn mạnh thêm một lần nữa, bài viết này với mục đích là để xây dựng không nhằm mục đích chỉ trích hay chê bai ai cả. Mong mọi người hiểu và thông

cảm cho. Người viết xin hết lòng tri ân đa tạ.

Nhưng trước hết, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu chùa là gì? Và chùa có từ lúc nào? Chức năng cụ thể của ngôi chùa ra sao?

I. Chùa là gì?

Chùa, tiếng Hán Việt gọi là tự. Tiếng Anh gọi là temple hoặc pagoda. Nó còn có những tên khác như: Tăng già lam, Già lam, Phạm sát, Lan nhã, Tùng lâm, Tinh xá, Đạo tràng v.v... Có chỗ gọi là tự viện. Tiếng Phạn tương đương với tự viện là Vihara.

II. Chùa có từ lúc nào?

Truy nguyên về nguồn gốc của ngôi chùa, ta thấy, ở vào thời kỳ Đức Phật Thích Ca, thì có hai ngôi tinh xá xuất hiện nổi tiếng sớm nhất ở Ấn Độ. Một là tinh xá Trúc Lâm ở thành Vương xá do vua Tần bà sa la (Bimbisara) kiến lập. Hai là tinh xá Kỳ Hoàn hay còn gọi là Kỳ Viên (Jetavana) ở thành Xá vệ, do trưởng giả Tu Đạt Đa (Anathapindika) tạo dựng để cúng dường cho Phật và chúng tăng cư trú.

Còn ở Trung Quốc, theo sử liệu cho biết, ngôi chùa đầu tiên có tên là Hồng Lô tự, do triều đình xây dựng để tiếp đãi tăng khách bốn phương. Thường các vị tăng Tây Vực (Ấn Độ) khi đến Trung Quốc thì trước tiên thường hay đến nơi này để nghỉ và rồi sau đó mới đi nơi khác. Do đó